

PHÂN TÍCH GIỚI TỖ KHU NI



Tỳ-Khuru Indacanda
Nguyệt Thiên Dịch 2004

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 13-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

I. CHƯƠNG PĀRĀJĪKA (PĀRĀJĪKAKAṄḌAṀ)

ĐIỀU PĀRĀJĪKA THỨ NHẤT

01. Pārājika thứ nhất: Tội xúc chạm với người nam
02. Pārājika thứ nhì: Che giấu tội pārājika của vị ni khác
03. Pārājika thứ ba: Xu hướng theo tỳ-khuru tà kiến
04. Pārājika thứ tư: Tình tứ hẹn hò với người nam

II. CHƯƠNG MƯỜI BẢY PHÁP (SattarasakaṅḌaṀ):

01. Điều Saṅghādisesa (Tăng tàng) thứ nhất: Thừa kiện người tại gia
 - [31] Câu chuyện về việc tranh chấp giữa tỳ-khuru ni Thullanandā và người gia chủ. Sự quy định
 - [32] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [34] Các trường hợp không phạm tội
02. Điều Saṅghādisesa thứ nhì: Cho người nữ phạm tội xuất gia
 - [35] Câu chuyện về người vợ dòng Licchavi. Sự quy định
 - [36] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [39] Các trường hợp không phạm tội

03. Điều Saṅghādisesa thứ ba: tỳ-khuru ni đi một mình
- [40] Câu chuyện về tỳ-khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī. Sự quy định
 - [41] Câu chuyện về hai tỳ-khuru ni sang sông. Sự quy định thêm lần thứ nhất
 - [42] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định thêm lần thứ nhì
 - [43] Câu chuyện về vị tỳ-khuru ni đi phía sau. Sự quy định thêm lần thứ ba
 - [44] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [46] Các trường hợp không phạm tội
04. Điều Saṅghādisesa thứ tư: Làm hành sự không xin phép hội chúng
- [47] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Caṇḍakālī. Sự quy định
 - [48] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [51] Các trường hợp không phạm tội
05. Điều Saṅghādisesa thứ năm: Nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng
- [52] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Sundarīnandā. Sự quy định
 - [53] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [56] Các trường hợp không phạm tội
06. Điều Saṅghādisesa thứ sáu: Xúi giục vị tỳ-khuru ni khác nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng
- [57] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Sundarīnandā. Sự quy định
 - [58] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [60] Các trường hợp không phạm tội
07. Điều Saṅghādisesa thứ bảy: Nói hờn dối về việc hoàn tục
- [61] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Caṇḍakālī. Sự quy định
 - [62] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [64] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học
 - [68] Các trường hợp không phạm tội
08. Điều Saṅghādisesa thứ tám: Nói hội chúng là thiên vị
- [69] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Caṇḍakālī. Sự quy định
 - [72] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học
 - [76] Các trường hợp không phạm tội
09. Điều Saṅghādisesa thứ chín: Sống thân cận với thế tục, có sở hành xấu xa
- [77] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni học trò của tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định
 - [78] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học
 - [80] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

[84] Các trường hợp không phạm tội
10. Điều Saṅghādisesa thứ mười: Xúi giục các tỳ-khưu ni sống thân cận với thế tục

[85] Câu chuyện về tỳ-khưu ni Thullanandā. Sự quy định

[86] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

[87] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

[91] Các trường hợp không phạm tội

III. CHƯƠNG ỪNG XÁ (NISSAGGIYAKAṆḌAM)

PHẦN BÌNH BÁT

01. Điều học thứ nhất (Tích trữ nhiều bình bát)
02. Điều học thứ nhì (Không chia y đến các vị tỳ-khưu ni khách)
03. Điều học thứ ba: (Xé rách y)
04. Điều học thứ tư (Yêu cầu vật này rồi đổi ý):
05. Điều học thứ năm (Bảo mua vật này rồi đổi ý):
06. Điều học thứ sáu (Bảo mua vật dụng bằng tài vật của hội chúng)
07. Điều học thứ bảy (Yêu cầu mua vật dụng bằng tài vật của hội chúng):
08. Điều học thứ tám (Bảo mua vật dụng bằng tài vật của nhóm)
09. Điều học thứ chín (Yêu cầu mua vật dụng bằng tài vật của nhóm)
10. Điều học thứ mười (Bảo mua vật dụng bằng tài vật của cá nhân):

PHẦN Y

11. Điều học thứ nhất (Sắm tấm choàng loại dày)
12. Điều học thứ nhì (Sắm tấm choàng loại nhẹ)

IV. CHƯƠNG ỪNG ĐỐI TRỊ (PācittiyakaṆḌam)

PHẦN TỐI

01. Điều học thứ nhất (Nhai tối)
02. Điều học thứ nhì (Cạo lông ở chỗ kín):
03. Điều học thứ ba: (Việc cọ xát bằng lòng bàn tay)
04. Điều học thứ tư (Áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây)
05. Điều học thứ năm (Việc làm sạch sẽ bằng nước)
06. Điều học thứ sáu (Đứng gần phục vụ vị tỳ-khưu đang ăn)
07. Điều học thứ bảy (Lúa còn nguyên hạt)
08. Điều học thứ tám (Đổ bỏ vật dơ bên kia bức tường, bên ngoài hàng rào)
09. Điều học thứ chín (Đổ bỏ vật dơ lên cỏ cây xanh)
10. Điều học thứ mười (Đi để xem vũ ca tấu nhạc)

PHẦN BÓNG TỐI

11. Điều học thứ nhất (Đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối)
12. Điều học thứ nhì (Đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che khuất)

13. Điều học thứ ba: (Đứng chuyện trò với người nam ở khoảng trống)
14. Điều học thứ tư (Đứng chuyện trò với người nam ở đường xá)
15. Điều học thứ năm (Rời khỏi nhà gia chủ không thông báo)
16. Điều học thứ sáu (Nằm ngồi ở trong nhà không hỏi ý gia chủ)
17. Điều học thứ bảy (Trái ra chỗ nằm ở trong nhà không hỏi ý gia chủ)
18. Điều học thứ tám (Than phiền với vị khác)
19. Điều học thứ chín (Nguyên rửa bản thân và người khác)
20. Điều học thứ mười (Tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc)

PHẦN LỖA THỂ

21. Điều học thứ nhất (Lỗa thể tắm)
22. Điều học thứ nhì (Kích thước y choàng tắm)
23. Điều học thứ ba: (Tháo rời y của tỳ-khuru ni rồi không may lại)
24. Điều học thứ tư (Xa y quá năm ngày):
25. Điều học thứ năm (Mặc y căn bản của vị khác không hỏi ý)
26. Điều học thứ sáu (Ngăn cản lợi lộc về y của nhóm)
27. Điều học thứ bảy (Ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp)
28. Điều học thứ tám (Cho y của sa-môn đến người tại gia và ngoại đạo)
29. Điều học thứ chín (Để cho vượt quá thời hạn về y):
30. Điều học thứ mười (Ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp)

PHẦN DÙNG CHUNG

31. Điều học thứ nhất (Hai tỳ-khuru ni nằm chung trên một chiếc giường)
32. Điều học thứ nhì (Hai tỳ-khuru ni nằm chung tám trái tám đắp)
33. Điều học thứ ba: (Cố ý quấy rầy vị tỳ-khuru ni)
34. Điều học thứ tư (Không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau)
35. Điều học thứ năm (Lôi kéo vị tỳ-khuru ni ra khỏi nơi trú ngụ)
36. Điều học thứ sáu (Sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ)
37. Điều học thứ bảy (Đi du hành trong quốc độ có sự nguy hiểm và kinh hoàng)
38. Điều học thứ tám (Đi du hành ngoài quốc độ (ở nơi) có sự nguy hiểm và kinh hoàng)
39. Điều học thứ chín (Đi du hành trong mùa (an cư) mưa):
40. Điều học thứ mười (Sau mùa an cư không ra đi du hành)

PHẦN NHÀ TRIỂN LÃM TRANH

41. Điều học thứ nhất (Đi để xem nhà triển lãm tranh)
42. Điều học thứ nhì (Sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú)
43. Điều học thứ ba: (Xe chỉ sợi)
44. Điều học thứ tư (Phục vụ người tại gia)
45. Điều học thứ năm (Không giải quyết sự tranh tụng)

46. Điều học thứ sáu (Cho vật thực đến người tại gia)
47. Điều học thứ bảy (Sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ)
48. Điều học thứ tám (Ra đi du hành khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ)
49. Điều học thứ chín (Học tập kiến thức nhằm nhí)
50. Điều học thứ mười (Dạy kiến thức nhằm nhí)

PHẦN TU VIỆN

51. Điều học thứ nhất (Đi vào tu viện không báo trước)
52. Điều học thứ nhì (Măng nhicc hoặc nguyên rửa tỳ-khuru)
53. Điều học thứ ba: (Bị kích động rồi chửi rửa nhóm)
54. Điều học thứ tư (Thọ thực xong lại thọ thực ở nơi khác):
55. Điều học thứ năm (Bỏ xén về gia đình)
56. Điều học thứ sáu (Mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ-khuru)
57. Điều học thứ bảy (Không thực hiện lễ Pavāraṇā ở cả hai hội chúng)
58. Điều học thứ tám (Không đi giáo giới):
59. Điều học thứ chín (Không hỏi về lễ Uposatha và không thỉnh cầu sự giáo giới)
60. Điều học thứ mười (Cùng người nam nặn mụn nhọt ở phần dưới thân):

PHẦN SẢN PHỤ

61. Điều học thứ nhất (Tiếp độ người nữ mang thai)
62. Điều học thứ nhì (Tiếp độ người nữ còn cho con bú)
63. Điều học thứ ba: (Tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành sáu pháp)
64. Điều học thứ tư (Tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được hội chúng chấp thuận)
65. Điều học thứ năm (Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi)
66. Điều học thứ sáu (Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm)
67. Điều học thứ bảy (Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm chưa được hội chúng chấp thuận)
68. Điều học thứ tám (Sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không dạy dỗ)
69. Điều học thứ chín (Không hầu cận thầy tế độ trong hai năm)
70. Điều học thứ mười (Sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly khiến chồng bắt lại)

PHẦN THIẾU NỮ

71. Điều học thứ nhất (Tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi):
72. Điều học thứ nhì (Tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm)

73. Điều học thứ ba: (Tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm chưa được hội chúng chấp thuận)
74. Điều học thứ tư (Tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm thâm niên)
75. Điều học thứ năm (Tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm thâm niên nhưng chưa được hội chúng đồng ý)
76. Điều học thứ sáu (Tiến hành việc phê phán hội chúng tỳ-khuru ni)
77. Điều học thứ bảy (Bảo dăng y rồi hứa hẹn tiếp độ nhưng không tiếp độ)
78. Điều học thứ tám (Bảo hầu cận rồi hứa hẹn tiếp độ nhưng không tiếp độ)
79. Điều học thứ chín (Tiếp độ cô ni tu tập sự nhẫn tâm gây sầu khổ người khác)
80. Điều học thứ mười (Tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép)
81. Điều học thứ mười một (Tiếp độ cô ni tu tập sự với sự chấp thuận của các tỳ-khuru phạm tội)
82. Điều học thứ mười hai (Tiếp độ hàng năm)
83. Điều học thứ mười ba (Tiếp độ hai người trong một năm)

PHẦN DÙ DÉP

84. Điều học thứ nhất (Sử dụng dù dấp)
85. Điều học thứ nhì (Đi xe)
86. Điều học thứ ba (Mang váy)
87. Điều học thứ tư (Mang đồ trang sức của phụ nữ)
88. Điều học thứ năm (Tắm bằng vật thơm và có màu sắc)
89. Điều học thứ sáu (Tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương)
90. Điều học thứ bảy (Bảo tỳ-khuru ni xoa bóp và chà xát cơ thể)
- 91, 92, 93. Điều học thứ tám, chín, mười (Bảo cô ni tu tập sự, sa-di ni, người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể)
94. Điều học thứ mười một (Ngồi xuống ở phía trước tỳ-khuru không hỏi ý)
95. Điều học thứ mười hai (Hỏi câu hỏi ở vị tỳ-khuru chưa được thỉnh ý trước)
96. Điều học thứ mười ba (Không mặc áo lót đi vào làng)

V. CHƯƠNG ỪNG PHÁT LỘ (Pāṭidesanīyakaṇḍam)

1. Điều học thứ nhất (Yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng)
- [484] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất
- [485] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni bị bệnh. Sự quy định thêm

2-8. Điều học thứ nhì ... Điều học thứ tám (Yêu cầu mật ong ... đường mía ... cá ... thịt ... sữa tươi ... sữa đông rồi thọ dụng)

[489] Câu chuyện về các tỳ-khưu ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

[490] Câu chuyện về các tỳ-khưu ni bị bệnh. Sự quy định thêm

[494] Tổng kết chương Ứng Phát Lộ

VI. CHƯƠNG ỨNG HỌC PHÁP (Sekhiyakaṇḍam)

[495] Điều học về mặc y nội tròn đều: Câu chuyện về các tỳ-khưu ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

[498] Điều học về đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước: Câu chuyện về các tỳ-khưu ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

[499] Câu chuyện về các tỳ-khưu ni bị bệnh. Sự quy định thêm

[502] Tổng kết chương Ứng Học Pháp

VII. CHƯƠNG CÁC PHÁP DÀN XÉP TRANH TỤNG

(Adhikaraṇasamāhā dhammā)

[503] Giới thiệu bảy pháp dàn xếp bốn loại tranh tụng

[504] Tổng kết Bộ Phân Tích Giới Tỳ-khưu Ni.

---o0o---

I. CHƯƠNG PĀRĀJĪKA (PĀRĀJĪKAKAṆḌAM)

ĐIỀU PĀRĀJĪKA THỨ NHẤT

01. Pārājika thứ nhất: Tội xúc chạm với người nam

[01] Câu chuyện về Sālha cháu trai của Migāra và tỳ-khưu ni Sundarīnandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti (Xá Vệ), Jetavana (Kỳ Viên), tu viện của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Vào lúc bảy giờ, Sālha cháu trai của Migāra 1 có ý định xây dựng trú xá cho hội chúng tỳ-kheo ni. Khi ấy, Sālha cháu trai của Migāra đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni và nói điều này:

- Thưa các ni sư, tôi muốn xây dựng trú xá cho hội chúng tỳ-kheo ni. Hãy giao cho tôi vị tỳ-kheo ni là vị phụ trách công trình mới.

Vào lúc bấy giờ, có bốn chị em đã xuất gia nơi các tỷ-kheo ni là: Nandā, Nandavatī, Sundarīnandā, Thullanandā. Trong số các cô ấy, tỷ-kheo ni Sundarīnandā đã xuất gia lúc còn trẻ, đẹp dáng, đáng nhìn, lịch thiệp, trí tuệ, kinh nghiệm, thông minh, sắc sảo, cần cù, biết cách suy xét tính toán, có khả năng đề xây dựng, có khả năng đề hoàn thành công việc ấy. Khi ấy, hội chúng tỷ-kheo ni đã chỉ định tỷ-kheo ni Sundarīnandā rồi giao cho Sāḷha cháu trai của Migāra làm vị phụ trách công trình mới.

Vào lúc bấy giờ, tỷ-kheo ni Sundarīnandā thường xuyên đi đến nhà của Sāḷha cháu trai của Migāra (nói rằng):

- Hãy bỏ thí rìu, hãy bỏ thí búa, hãy bỏ thí cuốc, hãy bỏ thí xẻng, hãy bỏ thí lưỡi đục.

Sāḷha cháu trai của Migāra cũng thường xuyên đi đến ni viện để biết được việc đã làm xong hoặc chưa làm xong. Do sự thường xuyên gặp gỡ, hai người đã sanh lòng say đắm. Khi ấy, Sāḷha cháu trai của Migāra trong khi không có được cơ hội để gần gũi với tỷ-kheo ni Sundarīnandā nên đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng tỷ-kheo ni nhằm đạt được mục đích ấy. Khi ấy, Sāḷha cháu trai của Migāra trong khi xếp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn (nghĩ rằng): “*Chùng này vị tỷ-kheo ni là thâm niên hơn ni sư Sundarīnandā*” rồi đã sắp xếp chỗ ngồi phía bên này, “*Chùng này vị là non trẻ hơn*” rồi đã sắp xếp chỗ ngồi ở phía bên kia, và đã sắp xếp chỗ ngồi cho tỷ-kheo ni Sundarīnandā ở góc tường là nơi đã được che khuất. Như thế, các tỷ-kheo ni trưởng lão có thể tin rằng: “*Cô ta đang ngồi ở chỗ các tỷ-kheo ni mới tu,*” còn các tỷ-kheo ni mới tu có thể tin rằng: “*Cô ta đang ngồi ở chỗ các tỷ-kheo ni trưởng lão.*” Sau đó, Sāḷha cháu trai của Migāra đã thông báo thời giờ đến hội chúng tỷ-kheo ni:

- Thưa các ni sư, đã đến giờ, bữa ăn đã chuẩn bị xong.

Tỷ-kheo ni Sundarīnandā đã xét đoán ra rằng: “*Sāḷha cháu trai của Migāra đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng tỷ-kheo ni không phải vì phước báu, anh ta có ý muốn gần gũi ta; nếu ta đi thì ta sẽ bị mất thể diện!*” nên đã bảo vị tỷ-kheo ni học trò rằng:

- Hãy đi và mang về thức ăn cho ta. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: “*Cô bị bệnh.*”

- Thưa ni sư, xin vâng. Vị tỳ-kheo ni ấy đã trả lời tỳ-kheo ni Sundarīnandā.

Vào lúc bấy giờ, Sālha cháu trai của Migāra đứng ở bên ngoài cánh cổng ra vào hỏi han về tỳ-kheo ni Sundarīnandā rằng:

- Thưa ni sư, ni sư Sundarīnandā ở đâu? Thưa ni sư, ni sư Sundarīnandā ở đâu?

Được nói như vậy, vị tỳ-kheo ni học trò của tỳ-kheo ni Sundarīnandā đã nói với Sālha cháu trai của Migāra điều này:

- Nay đạo hữu, (ni sư) bị bệnh. Tôi sẽ mang thức ăn về.

Khi ấy, Sālha cháu trai của Migāra (nghĩ rằng): “*Sở dĩ ta đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng tỳ-kheo ni có nguyên nhân là ni sư Sundarīnandā*” nên đã chỉ thị cho mọi người rằng: “*Hãy dâng bữa trai phạn đến hội chúng tỳ-kheo ni;*” nói xong đã đi đến ni viện.

Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Sundarīnandā đứng ở bên ngoài cổng ra vào của tu viện trông ngóng Sālha cháu trai của Migāra. Rồi tỳ-kheo ni Sundarīnandā đã thấy Sālha cháu trai của Migāra đang từ đằng xa đi lại, sau khi thấy đã đi vào tu viện lấy thượng y trùm đầu lại rồi nằm xuống ở chiếc giường. Sau đó, Sālha cháu trai của Migāra đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Sundarīnandā, sau khi đến đã nói với tỳ-kheo ni Sundarīnandā điều này:

- Nay ni sư, có phải ni sư không được khoẻ? Sao lại nằm?

- Nay đạo hữu, bởi vì điều ấy là như vậy! Là khi nàng thích chàng mà chàng lại không thích!

- Nay ni sư, sao tôi lại không thích ni sư được? Ngặt là tôi không có được cơ hội để gần gũi ni sư.

Rồi Sālha cháu trai của Migāra nhiệm dục vọng đã thực hiện việc xúc chạm cơ thể với tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiệm dục vọng. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ yếu đuối già cả bị bệnh ở bàn chân đang nằm không xa tỳ-kheo ni Sundarīnandā. Vị tỳ-kheo ni ấy đã thấy Sālha cháu trai của Migāra nhiệm dục vọng đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiệm dục vọng, sau khi thấy mới phàn nàn phê phán chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?

Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo ấy phàn nàn phê phán chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, thật không đúng đắn đối với tỳ-kheo ni Sundarīnandā, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, này các tỳ-kheo, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Rồi sau khi đã khiển trách tỳ-kheo ni Sundarīnandā bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe

nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hòa nhã, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ-kheo rồi đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ-kheo ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những tỳ-kheo ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ-kheo ni hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo ni nào nhiễm dục vọng ưng thuận sự sờ vào hoặc sự vuốt ve hoặc sự nắm lấy hoặc sự chạm vào hoặc sự ôm chặt từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng, vị (ni) này cũng là vị phạm pārajika, không được cộng trú, là người nữ sờ phần trên đầu gối.”*

---o0o---

[02] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào có mối quan hệ như vậy, có giai cấp như vậy, có tên như vậy, có họ như vậy, có giới hạnh như vậy, có trú xứ như vậy, có hành xứ như vậy (yathāgocārā), là vị trưởng lão ni (trên mười năm tỳ-kheo ni), mới tu (dưới năm năm), hoặc trung niên (trên năm năm); vị (ni) ấy được gọi là *“vị (ni) nào.”*

[03] **Tỳ-kheo ni:** *“Người nữ đi khát thực”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ chấp nhận việc đi khát thực”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ mặc y đã được cắt rời”* là tỳ-kheo ni. Là tỳ-kheo ni do sự thừa nhận. Là tỳ-kheo ni do tự mình xác nhận. Là tỳ-kheo ni khi được (đức Phật) nói rằng: *“Này tỳ-kheo ni, hãy đi đến (Ehi bhikkhunī).”* *“Người nữ đã tu lên bậc trên bằng Tam Quy”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ hiền thiện”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ có thực chất”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ thánh hữu học”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ thánh vô học”* là tỳ-kheo ni. *“Người nữ đã được tu lên bậc trên bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với cả hai hội chúng có sự hòa hợp”* là tỳ-kheo ni. Ở đây, vị tỳ-kheo ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với

cả hai hội chúng có sự hòa hợp; vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Nữ) nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

(Nam) nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể.

Từ xương đòn (ở cổ) trở xuống: là phía dưới xương đòn (ở cổ).

Từ đầu gối trở lên: là phía trên đầu gối.

Sự sờ vào nghĩa là việc được cọ sát vào.

Sự vuốt ve nghĩa là sự di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác.

Sự nắm lấy nghĩa là việc được nắm lấy.

Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào.

Hoặc ưng thuận sự ôm chặt: sau khi nắm lấy phần thân thể rồi ưng thuận việc áp sát vào.

Vị (ni) này cũng: là liên quan đến các vị ni trước đây² đã được đề cập.

Là vị phạm pārajika: cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu không thể sống bám víu vào thân thể ấy; tương tự như thế, vị tỳ-kheo ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự sờ vào hoặc sự vuốt ve hoặc sự nắm lấy hoặc sự chạm vào hoặc sự ôm chặt từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì không còn là nữ sa-môn, không phải là Thích-nữ; vì thế được gọi “*là vị phạm pārajika.*”

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bản Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều

ấy gọi là sự cộng trú. Vì ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

[3] Khi cả hai nhiễm dục vọng, (đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội pārajika. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[04] (Đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[05] Khi một bên nhiễm dục vọng⁴, (đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[06] (Đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác

(dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[07] Đối với dạ-xoa nam hoặc ma nam hoặc thú đực, khi cả hai nhiễm dục vọng, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên, thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[08] (Đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì tội tác ác (dukkata). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[09] Khi một bên nhiễm dục vọng, (đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra

thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

[10] (Đối với đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) thì tội tác ác (dukkata). Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[11] Các trường hợp không phạm tội

Không cố ý, vị ni thất niệm, vị ni không hay biết⁵, vị ni không ưng thuận, vị ni bị điên, vị ni có tâm bị rối loạn, vị ni bị thọ khổ hành hạ, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Pārājika thứ nhất.

02. Pārājika thứ nhì: Che giấu tội pārājika của vị ni khác

[12] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Sundarīnandā và tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Sundarīnandā đã mang thai do Sāḷha cháu trai của Migāra. Khi bào thai còn non tháng, cô ta đã che giấu. Khi bào thai đã được tròn tháng, cô ta đã hoàn tục và sanh con. Các tỳ-kheo ni đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Đây ni sư, Sundarīnandā hoàn tục không bao lâu đã sanh con. Chẳng lẽ cô ta đã mang thai ngay khi còn là tỳ-kheo ni?

- Đây các ni sư, đúng vậy.

- Này ni sư, vì sao cô biết vị tỳ-kheo ni đã vi phạm tội pārajika lại không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm?

- Điều không đức hạnh nào là của cô ấy, điều không đức hạnh ấy là của tôi. Điều ô danh nào là của cô ấy, điều ô danh ấy là của tôi. Điều không vinh dự nào là của cô ấy, điều không vinh dự ấy là của tôi. Điều thất lợi nào là của cô ấy, điều thất lợi ấy là của tôi. Này các ni sư, vì sao tôi lại thông báo cho những người khác về điều không đức hạnh của bản thân, điều ô danh của bản thân, điều không vinh dự của bản thân, điều thất lợi của bản thân?

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā dầu biết vị tỳ-kheo ni đã vi phạm tội pārajika lại không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy sau khi triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại đã thuyết Pháp thoại rồi hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā dầu biết vị tỳ-kheo ni đã vi phạm tội pārajika vẫn không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā dầu biết vị tỳ-kheo ni đã vi phạm tội pārajika vẫn không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, này các tỳ-kheo, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin. ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào dầu biết vị tỳ-kheo ni đã vi phạm tội pārajika vẫn không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm khi vị ni kia hãy còn tồn tại, hoặc bị chết đi, hoặc bị trục xuất, hoặc bỏ đi. Sau này, vị ni ấy nói như vậy: ‘Này các ni sư, chính*

trước đây tôi đã biết rõ tỳ-kheo ni kia rằng:—Sư tỳ ấy là như thế và như thế—mà tôi không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm;’ vị (ni) này cũng là vị phạm pārajika, không được cộng trú, là người nữ che giấu tội.”

---o0o---

[13] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là vị tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho cô ấy, hoặc cô kia thông báo.

Đã vi phạm tội pārajika: đã vi phạm một tội pārajika nào trong tám tội pārajika.

Không tự chính mình khiển trách: là không đích thân khiển trách.

Không thông báo cho nhóm: là không thông báo cho các tỳ-kheo ni khác.

[14] **Khi vị ni kia hãy còn tồn tại:** còn tồn tại nghĩa là còn tồn tại trong hiện tượng người nữ được đề cập đến.

Bị chết đi nghĩa là bị qua đời được đề cập đến.

Bị trục xuất nghĩa là tự mình hoàn tục hoặc bị trục xuất bởi những vị khác.

Bỏ đi nghĩa là chuyển sang sinh hoạt với tu sĩ ngoại đạo được đề cập đến.

[15] **Sau này, vị ni ấy nói như vậy:** “*Này các ni sư, chính trước đây tôi đã biết rõ tỳ-kheo ni kia rằng: ‘Sư tỳ ấy là như thế và như thế’ mà tôi không tự chính mình khiển trách*”: Tôi không đích thân buộc tội.

(Tôi) không thông báo cho nhóm: Tôi không thông báo cho các tỳ-kheo ni khác.

[16] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Là vị phạm pārājika: cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể xanh trở lại; tương tự như thế, vị tỳ-kheo ni biết vị tỳ-kheo ni đã vi phạm tội pārājika (nghĩ rằng): *“Ta sẽ không tự chính mình khiến trách cũng sẽ không thông báo cho nhóm.”* Khi trách nhiệm đã được buông bỏ thì không còn là nữ sa-môn, không phải là Thích-nữ; vì thế được gọi là *“vị phạm tội pārājika.”*

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là *“không được cộng trú.”*

---o0o---

[17] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni (nghĩ rằng): *“Sẽ xảy ra sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi của hội chúng”* rồi không thông báo, vị ni (nghĩ rằng): *“Sẽ xảy ra sự chia rẽ hoặc sự bất đồng của hội chúng”* rồi không thông báo, vị ni (nghĩ rằng): *“Vị ni này hung bạo thô lỗ sẽ gây nguy hiểm đến mạng sống hoặc nguy hiểm đến Phạm hạnh”* rồi không thông báo, trong khi không nhìn thấy các tỳ-kheo ni thích hợp khác rồi không thông báo, vị ni không có ý định che giấu rồi không thông báo, vị ni (nghĩ rằng): *“Sẽ được nhận biết do hành động của chính cô ấy”* rồi không thông báo, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Pārājika thứ nhì.

03. Pārājika thứ ba: Xu hướng theo tỳ-khuru tà kiến

[18] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā xu hướng theo tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị)

đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại xu hướng theo tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā xu hướng theo tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại xu hướng theo tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào xu hướng theo vị tỳ-kheo đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ-kheo) không tôn trọng, không hỏi cái, không thể hiện tinh đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Vị tỳ-kheo ni ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo ni như sau: ‘Này ni sư, vị tỳ-kheo ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ-kheo) không tôn trọng, không hỏi cái, không thể hiện tinh đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Này ni sư, chớ có xu hướng theo vị tỳ-kheo ấy.’* Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo ni mà vị tỳ-kheo ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị tỳ-kheo ni ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt; nếu không dứt bỏ, vị (ni) này cũng là vị phạm pārajika, không được cộng trú, là người nữ xu hướng theo kẻ bị phạt án treo.”

---o0o---

[19] Giải nghĩa từ ngữ

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới (sīmā).

Bị phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Theo Pháp, theo Luật: theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó.

Theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư: theo lời giáo huấn của đức Phật, theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng.

Không tôn trọng nghĩa là vị không tuân theo hội chúng hoặc cá nhân hoặc hành sự.

Không hồi cải nghĩa là bị phạt án treo chưa được thu hồi.

Không thể hiện tình đồng đạo nghĩa là các tỷ-kheo có sự đồng cộng trú giống nhau được gọi là các đồng đạo. Vị ấy không có (thể hiện tình đồng đạo) với các vị ấy, vì thế được gọi là “*không thể hiện tình đồng đạo.*”

Xu hướng theo vị ấy: vị ấy có quan điểm gì, có điều mong mọi gì, có sự thích ý gì thì cô ni ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mọi ấy, có sự thích ý ấy.

[20] **Vị tỷ-kheo ni ấy:** vị ni xu hướng theo vị bị phạt án treo là vị tỷ-kheo ni ấy.

Bởi các tỷ-kheo ni: bởi các tỷ-kheo ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “*Này ni sư, vị tỷ-kheo ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỷ-kheo) không tôn trọng, không hồi cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Này ni sư, chớ có xu hướng theo vị tỷ-kheo ấy.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỷ-kheo ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “*Này ni sư, vị tỷ-kheo ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị*

(tỷ-kheo) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Nay ni sư, chớ có xu hướng theo vị tỷ-kheo ấy.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[21] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

Vị tỷ-kheo ni ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỷ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo ni này tên (như vậy) xu hướng theo vị tỷ-kheo đã bị hội chúng họp nhất phạt án treo là vị (tỷ-kheo) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo ni này tên (như vậy) xu hướng theo vị tỷ-kheo đã bị hội chúng họp nhất phạt án treo là vị (tỷ-kheo) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[22] Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội pārājika.

[23] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Là vị phạm pārājika: cũng giống như tảng đá lớn bị bể làm hai không thể gắn liền lại được; tương tự như thế, vị tỷ-kheo ni khi đang được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu từ bỏ thì không còn là nữ sa-môn, không phải là Thích-nữ; vì thế được gọi “là vị phạm tội pārājika.”

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bản Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

[24] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội pārājika.

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội pārājika.

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội pārājika.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[25] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Pārājika thứ ba.

04. Pārājika thứ tư: Tình tứ hẹn hò với người nam

[26] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng thích thú sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, thích thú sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại thích thú sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, thích thú sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng thích thú sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, thích thú sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại thích thú sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, thích thú sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che

khuất, kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào nhiễm dục vọng thích thú sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, hoặc thích thú sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), hoặc đứng chung, hoặc trò chuyện, hoặc đi đến nơi hẹn hò, hoặc thích thú sự viếng thăm của người nam, hoặc đi vào nơi che khuất, hoặc kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị (ni) này cũng là vị phạm pārājika, không được cộng trú, là người nữ liên quan tâm sự việc.*”

---o0o---

[27] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Nữ) nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

(Nam) nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể.

(Hoặc) thích thú sự nắm lấy cánh tay: cánh tay nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến đầu móng tay. Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni thích thú sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở lên và đầu gối trở xuống thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc thích thú sự nắm lấy chéo áo choàng: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni thích thú sự nắm lấy hoặc tấm choàng dưới hoặc tấm choàng trên thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc đứng chung: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đứng trong tầm tay⁷ của người nam thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc trò chuyện: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đứng trò chuyện trong tầm tay của người nam thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc đi đến nơi hẹn hò: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đi đến địa điểm tên (như vầy) đã được người nam nói ra thì phạm tội tác ác (dukkata) theo mỗi bước đi, khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc thích thú sự viếng thăm của người nam: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni thích thú sự viếng thăm của người nam thì phạm tội tác ác (dukkata), khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc đi vào nơi che khuất: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, khi đã vào trong chỗ được che kín bởi bất cứ vật gì thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hoặc kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đứng trong tầm tay của người nam kê sát cơ thể thì phạm trọng tội (thullaccaya).

[28] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Là vị phạm pārājika: cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn không thể tăng trưởng được nữa; tương tự như thế, vị tỷ-kheo ni khi làm đủ tám sự việc thì không còn là nữ sa-môn, không phải là Thích-nữ; vì thế được gọi “là vị phạm tội pārājika.”

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

[29] Các trường hợp không phạm tội

Không cố ý, vị ni thất niệm, vị ni không hay biết, vị ni không thích thú, vị ni bị điên, vị ni có tâm bị rối loạn, vị ni bị thọ khổ hành hạ, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Pārājika thứ tư.

[30] Tổng kết chương pārājika

Bạch chư đại đức ni, tám điều pārājika⁸ đã được đọc tụng xong. Vị tỷ-kheo ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì không có được sự cộng trú cùng với các tỷ-kheo ni⁹, trước đây như thế nào thì sau này là như vậy; (vị ni ấy) là vị ni phạm tội pārājika không được cộng trú.

Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương Pārājika.

II. CHƯƠNG MƯỜI BẢY PHÁP (Sattarasakaṇḍam):

Bạch chư đại đức ni, mười bảy điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) này được đưa ra đọc tụng.

01. Điều Saṅghādisesa (Tăng tàng) thứ nhất: Thừa kiện người tại gia

[31] Câu chuyện về việc tranh chấp giữa tỳ-khuru ni Thullanandā và người gia chủ. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam cư sĩ nọ sau khi dâng kho chứa đồ đạc đến hội chúng tỳ-kheo ni đã qua đời. Người ấy có hai người con trai: một người không có niềm tin và không mộ đạo, một người có niềm tin và mộ đạo. Họ chia đều tài sản thuộc về người cha. Khi ấy, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này:

- Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này:

- Nay anh, chớ nói như thế. cha chúng ta đã dâng đến hội chúng tỳ-kheo ni rồi.

Đến lần thứ nhì, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này:

- Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này:

- Nay anh, chớ nói như thế. cha chúng ta đã dâng đến hội chúng tỳ-kheo ni rồi.

Đến lần thứ ba, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này:

- Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy (nghĩ rằng): “*Nếu thuộc về ta, ta sẽ dâng đến hội chúng tỳ-kheo ni*” rồi đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này:

- Chúng ta hãy chia.

Rồi trong lúc họ phân chia, người không có niềm tin và không mộ đạo đã đạt được cái kho chứa đồ đạc ấy. Sau đó, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã đi đến gặp hội chúng tỳ-kheo ni và nói điều này:

- Thưa các ni sư, xin hãy đi ra. Kho chứa đồ đạc là của chúng tôi.

Được nói như thế, tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với người đàn ông ấy điều này:

- Nay ông, chớ nói như thế. Cha các ông đã dâng đến hội chúng tỳ-kheo ni rồi.

- Vật đã được dâng! Vật chưa được dâng!

Họ đã hỏi các vị quan đại thần lo việc xử án.

Các vị quan đại thần đã nói như vậy:

- Thưa ni sư, ai biết là đã được dâng đến hội chúng tỳ-kheo ni.

Được nói như thế, tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với các viên quan đại thần ấy điều này:

- Thưa các ngài, trong lúc vật thí đang được dâng, ngay cả các ngài cũng đã tận mắt được thấy hoặc được nghe mà.

Khi ấy, các vị quan đại thần ấy (nói rằng):

- Ni sư đã nói đúng sự thật.

Rồi đã xử hội chúng tỳ-kheo ni được kho chứa đồ đạc ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy bị thua cuộc nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà cạo đầu khả ố này không phải là Thích nữ, tại sao các bà lại cho (người) cướp đoạt kho chứa đồ đạc của chúng tôi?

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh đánh đòn người đàn ông ấy. Sau đó, người đàn ông bị đánh đòn ấy đã bảo xây dựng chỗ ngụ cho các đạo sĩ lửa thể ở nơi không xa tu viện của các tỳ-kheo ni rồi đã xúi giục các đạo sĩ lửa thể rằng:

- Hãy lắng mạ các tỳ-kheo ni ấy.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh giam giữ người đàn ông ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lần đầu làm cho (người ta) bị cướp đoạt kho chứa đồ đạc, đến lần thứ nhì làm cho bị đánh đập, đến lần thứ ba làm cho bị giam giữ, bây giờ sẽ làm cho chết?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại sống làm người thừa kiện?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sống làm người thừa kiện, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại sống làm người thừa kiện vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sống làm người thừa kiện với nam gia chủ, hoặc với con trai của nam gia chủ, hoặc với người nô tỳ, hoặc với người làm công, hoặc ngay cả với sa-môn du sĩ, vị (ni) này phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*”

---o0o---

[32] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người thừa kiện nghĩa là người gây ra vụ xử án được đề cập đến.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Con trai của gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

Người nô tỳ nghĩa là người nô lệ được mua bằng của cải, (hoặc) bị bắt làm tù binh.

Người làm công nghĩa là người làm thuê, người khuân vác.

Sa-môn du sĩ nghĩa là bất cứ người nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỷ-kheo, tỷ-kheo ni, cô ni tu tập sự, sa-di, và sa-di ni.

Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ thừa kiện*” rồi tìm kiếm người thứ hai hoặc (đích thân) đi thì phạm tội tác ác (dukkata). Nói với người thứ nhất thì phạm tội tác ác (dukkata). Nói với người thứ nhì thì phạm trọng tội (thullaccaya). Khi kết thúc vụ xử án thì tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

[33] **Ngay lúc vừa mới vi phạm:** vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): Chỉ có hội chúng ban cho hành phạt *mānatta* của tội đó, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội, không phải một số vị, không phải một cá nhân; vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.” Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

---o0o---

[34] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni đi trong khi bị những người khác lôi kéo đi, vị ni yêu cầu sự bảo vệ, vị ni nói ra không nêu rõ (người nào), vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

02. Điều *Sañghādisesa* thứ nhì: Cho người nữ phạm tội xuất gia

[35] Câu chuyện về người vợ dòng Licchavi. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở thành Vesālī người vợ của một người dòng dõi Licchavi nọ ngoại tình. Khi ấy, người Licchavi ấy đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Tốt hơn cô nên chừa. Tôi sẽ làm điều thất lợi cho cô.

Mặc dầu được nói như thế, cô ta đã không lưu tâm đến. Vào lúc bấy giờ, nhóm người Licchavi tụ họp lại ở Vesālī vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, người Licchavi ấy đã nói với những người Licchavi ấy điều này:

- Thưa quý vị, quý vị hãy cho phép tôi đôi với một người đàn bà.

- Cô ấy tên là gì?

- Vợ của tôi ngoại tình. Tôi sẽ giết cô ta.

- Người tự biết lấy.

Người đàn bà ấy đã nghe được rằng: “*Nghe nói chồng có ý định giết ta*” rồi đã lấy đồ đạc quý giá đi đến thành Sāvatti, sau đó đã đi đến gặp các tu sĩ ngoại đạo và cầu xin sự xuất gia. Các tu sĩ ngoại đạo đã không chịu cho xuất gia. Cô ấy đã đi đến gặp các tỷ-kheo ni và cầu xin sự xuất gia. Các tỷ-kheo ni cũng đã không chịu cho xuất gia. Cô ấy đã đi đến gặp tỷ-kheo ni Thullanandā đưa cho xem gói đồ đạc rồi cầu xin sự xuất gia. Tỷ-kheo ni Thullanandā đã nhận lấy gói đồ đạc và cho xuất gia.

Khi ấy, người Licchavi ấy trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy đã đi đến thành Sāvatti. Sau khi thấy (cô ấy) đã xuất gia nơi các tỷ-kheo ni liền đi đến gặp đức vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã nói với đức vua Pasenadi xứ Kosala điều này:

- Tâu bệ hạ, vợ của thần đã lấy đi đồ đạc quý giá và đã đến thành Sāvatti. Xin bệ hạ hãy cho phép thần đôi với cô ấy.

- Này khanh, nếu thế thì hãy tìm kiếm rồi trình báo.

- Tâu bệ hạ, đã tìm thấy. Cô ta đã xuất gia nơi các tỳ-kheo ni.

- Này khanh, nếu đã được xuất gia ở nơi các tỳ-kheo ni thì không được phép làm gì cô ta cả. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy để cô ta thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Khi ấy, người Licchavi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại cho nữ tặc xuất gia?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được người Licchavi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại cho nữ tặc xuất gia?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā cho nữ tặc xuất gia, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại cho nữ tặc xuất gia vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào biết được nữ đạo tặc có tội tử hình được loan báo mà vẫn nhận vào cho tu khi chưa xin phép đức vua, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc hội đoàn, hoặc phường thợ, ngoại trừ có sự được phép; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*”

---o0o---

[36] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là vị tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho cô ấy, hoặc cô kia thông báo.

Nữ đạo tặc: cô nào lấy đi theo lối trộm cắp vật không được cho trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka; cô ấy gọi là nữ đạo tặc.

Có tội tử hình nghĩa là cô ta đáng tội tử hình sau khi làm việc (trộm cắp).

Được loan báo nghĩa là những người khác biết (về cô ta) rằng: “*Cô này bị tử hình.*”

Khi chưa xin phép: chưa hỏi.

Đức vua nghĩa là nơi nào đức vua cai quản thì nên xin phép đức vua.

Hội chúng nghĩa là hội chúng tỷ-kheo ni được đề cập đến. Nên xin phép hội chúng tỷ-kheo ni.

Nhóm nghĩa là nơi nào nhóm cai quản thì nên xin phép nhóm.

Hội đoàn nghĩa là nơi nào hội đoàn cai quản thì nên xin phép hội đoàn.

Phường thợ nghĩa là nơi nào phường thợ cai quản thì nên xin phép phường thợ.

Ngoại trừ có sự được phép: trừ ra sự được phép. **Sự được phép** nghĩa là có hai sự được phép: đã được xuất gia nơi các tu sĩ ngoại đạo hoặc là đã được xuất gia nơi các tỷ-kheo ni khác. Ngoại trừ có sự được phép, vị (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhận vào cho tu*” rồi tìm kiếm nhóm (tỷ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, thầy tế độ phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[37] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị bị vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[38] Nữ đạo tặc, nhận biết là nữ đạo tặc, vị nhận vào cho tu thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngoại trừ có sự cho phép.

Nữ đạo tặc, có sự hoài nghi, vị nhận vào cho tu thì phạm tội tác ác (dukkata) ngoại trừ có sự cho phép.

Nữ đạo tặc, (lầm) tưởng không phải là nữ đạo tặc, vị nhận vào cho tu thì vô tội ngoại trừ có sự cho phép.

Không phải là nữ đạo tặc, (lầm) tưởng là nữ đạo tặc, phạm tội tác ác (dukkata).

Không phải là nữ đạo tặc, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không phải là nữ đạo tặc, nhận biết không phải là nữ đạo tặc, thì vô tội.

---o0o---

[39] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni không biết rồi nhận vào cho tu, sau khi xin phép rồi nhận vào cho tu, nhận vào cho tu người đã được cho phép, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

03. Điều Saṅghādisesa thứ ba: tỳ-khuru ni đi một mình

[40] Câu chuyện về tỳ-khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ-kheo ni học trò của Bhaddā Kāpilānī sau khi gây gỗ với các tỳ-kheo ni đã đi đến gia đình thân quyến ở

trong thôn. Bhaddā Kāpilānī không nhìn thấy tỳ-kheo ni ấy nên đã hỏi các tỳ-kheo ni rằng:

- Ni tên (như vậy) đâu rồi, không có thấy?

- Thưa ni sư, sau khi gây gỗ với các tỳ-kheo ni thì không được thấy.

- Nay các cô, hãy đi đến thôn kia, gia đình thân quyến này, rồi tìm kiếm ở nơi đó.

Các tỳ-kheo ni sau khi đi đến nơi ấy đã nhìn thấy vị tỳ-kheo ni ấy và đã nói điều này:

- Nay ni sư, sao cô lại đi mỗi một mình? Chắc hẳn cô không bị xâm phạm?

- Nay các ni sư, tôi không bị xâm phạm.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại đi vào trong làng một mình?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni đi vào trong làng một mình, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại đi vào trong làng một mình vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi vào trong làng một mình; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

[41] Câu chuyện về hai tỳ-kheo ni sang sông. Sự quy định thêm lần thứ nhất

Vào lúc bấy giờ, có hai tỳ-kheo ni đang đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvatti. Giữa đường đi có con sông cần phải băng qua. Khi ấy, các tỳ-kheo ni ấy đã đi đến gặp các người chèo đò và đã nói điều này:

- Này đạo hữu, tốt thay hãy đưa chúng tôi sang.
- Thưa các ni sư, không thể đưa sang cả hai người cùng một lần.

Một người (chèo đò) đã đưa một (vị tỳ-kheo ni) sang. Người đưa sang đã làm như vị ni được đưa sang. Người không đưa sang đã làm như vị ni chưa được đưa sang. Hai cô ni ấy sau khi gặp lại nhau đã hỏi rằng:

- Này ni sư, chắc hẳn cô không bị xâm phạm?
- Này ni sư, tôi đã bị xâm phạm. Này ni sư, còn cô chắc không bị xâm phạm?
- Này ni sư, tôi đã bị xâm phạm.

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã đi đến thành Sāvatti và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại đi sang bờ sông bên kia một mình?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni đi sang bờ sông bên kia một mình, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại đi sang bờ sông bên kia một mình vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi vào trong làng một*

mình hoặc đi sang bờ sông bên kia một mình; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (*saṅghādisesa*) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[42] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định thêm lần thứ nhì

Vào lúc bảy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo ni khi đang đi đến thành Sāvatti trong xứ Kosala lúc tối trời đã ghé vào ngôi làng nọ. Trong số đó, có vị tỳ-kheo ni đẹp dáng, đáng nhìn, lịch thiệp. Có người đàn ông nọ đã sanh lòng say đắm với hình dáng của vị tỳ-kheo ni ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy trong khi sắp xếp chỗ ngủ cho các tỳ-kheo ni ấy đã sắp xếp chỗ ngủ của vị tỳ-kheo ni ấy ở một bên. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã xét đoán ra rằng: “Người đàn ông này đã bị ám ảnh rồi. Nếu trong đêm hăn ta đến thì ta sẽ bị mất thể diện” rồi không thông báo cho các tỳ-kheo ni đã đi đến một gia đình nọ rồi nằm ngủ (ở đó). Sau đó trong đêm tối, người đàn ông ấy đã đi đến và khi đang tìm kiếm vị tỳ-kheo ni ấy đã chạm vào các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni trong lúc không nhìn thấy vị tỳ-kheo ni ấy đã nói như vậy:

- Chắc chắn là vị tỳ-kheo ni ấy đã đi ra ngoài với người đàn ông.

Khi đã trải qua đêm ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni ấy. Các tỳ-kheo ni đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Này ni sư, tại sao cô lại đi ra ngoài với người đàn ông?

- Này các ni sư, tôi đã không đi ra ngoài với người đàn ông.

Và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni trong đêm lại trú ngụ riêng một mình?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni trong đêm trú ngụ riêng một mình, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni trong đêm lại trú ngụ riêng một mình vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi vào trong làng một mình hoặc đi sang bờ sông bên kia một mình, hoặc trong đêm trú ngụ riêng một mình; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[43] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni đi phía sau. Sự quy định thêm lần thứ ba

Vào lúc bảy giờ, có nhiều tỳ-kheo ni đang đi đường xa đến thành Sāvattthi trong xứ Kosala. Tại nơi ấy, có vị tỳ-kheo ni nọ bị khó chịu vì việc đại tiện sau khi tách rời ra mỗi một mình rồi đi ở phía sau. Nhiều người sau khi nhìn thấy đã làm như vị tỳ-kheo ni ấy. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni ấy. Các tỳ-kheo ni đã nói với tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Nay ni sư, vì sao cô mỗi một mình lại tách rời ra khỏi nhóm vậy? Chắc hẳn cô đã không bị xâm phạm?

- Nay các ni sư, tôi đã bị xâm phạm.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni mỗi một mình lại tách rời ra khỏi nhóm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni mỗi một mình tách rời ra khỏi nhóm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni mỗi một mình lại tách rời ra khỏi nhóm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi vào trong làng một mình hoặc đi sang bờ sông bên kia một mình, hoặc trong đêm trú ngụ riêng một mình, hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*”

---o0o---

[44] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Hoặc) đi vào trong làng một mình: vị ni trong khi vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại bước thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya), trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa). Vị ni trong khi vượt qua vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại bước thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya), trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hoặc đi sang bờ sông bên kia một mình: sông nghĩa là bất cứ ở nơi đâu làm y nội của vị tỳ-kheo ni, khi (được quán) che khuất cả ba vòng¹⁰, bị ướt trong lúc (vị ni ấy) lội qua nơi ấy. Vị ni trong khi vượt qua bước thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya), trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hoặc trong đêm trú ngụ riêng một mình: lúc mặt trời mọc lên, trong khi lìa khỏi tầm tay của vị tỳ-kheo ni thứ hai thì phạm trọng tội (thullaccaya), khi đã lìa khỏi thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm: không phải ở trong làng, ở trong rừng, vị ni trong khi lìa khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe của vị tỳ-kheo ni thứ nhì thì phạm trọng tội (thullaccaya), khi đã lìa khỏi thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

[45] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị bị vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

---o0o---

[46] Các trường hợp không phạm tội

Trong lúc vị tỳ-kheo ni thứ nhì bỏ đi hoặc hoàn tục hoặc qua đời hoặc chuyển sang giáo phái khác, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

04. Điều Saṅghādisesa thứ tư: Làm hành sự không xin phép hội chúng

[47] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī là vị ni thường gây nên các sự xung đột, gây nên các sự cãi cọ, gây nên các sự tranh luận, gây nên các sự nói chuyện nhằm nhí, và gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã phản đối trong lúc thực hiện hành sự cho vị ni ấy. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, hội chúng tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): “*Tỳ-kheo ni Thullanandā đã đi vắng*” nên đã phạt án treo tỳ-kheo ni Caṇḍakālī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng đã trở về lại thành Sāvatti. Trong khi tỳ-kheo ni Thullanandā đi về, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī đã không sắp xếp chỗ ngồi, không đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với tỳ-kheo ni Caṇḍakālī điều này:

- Này cô ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống vậy?

- Thưa ni sư, bởi vì sự việc ấy là như vậy giống như là người không được sự quan tâm.

- Này cô ni, vì sao cô lại không được sự quan tâm?

- Thưa ni sư, các tỷ-kheo ni này (nói rằng): “*Cô này không được sự quan tâm lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối*” rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội.

Tỷ-kheo ni Thullanandā (nói rằng): “*Những cô ấy thì ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta mới biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta có thể thực hiện hành sự chưa được thực hiện hoặc có thể hủy bỏ hành sự đã được thực hiện*” rồi đã triệu tập hội chúng tỷ-kheo ni một cách vô cùng nhanh chóng và đã phục hồi cho tỷ-kheo ni Caṇḍakālī.

Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỷ-kheo ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo đúng theo Pháp đúng theo Luật đúng theo lời dạy của bậc Đạo Sư?

...(như trên)...

- Này các tỷ-kheo, nghe nói tỷ-kheo ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỷ-kheo ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo đúng theo Pháp đúng theo Luật đúng theo lời dạy của bậc Đạo Sư, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỳ-kheo ni đã bị hội chúng họp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỳ-kheo ni đã bị hội chúng họp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*”

---o0o---

[48] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng họp nhất nghĩa là có sự đồng công trú được thiết lập trong cùng ranh giới (sīmā).

Bị phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Theo Pháp, theo Luật: theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó.

Theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư: theo lời giáo huấn của đức Phật, theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng.

Khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự: khi chưa hỏi hội chúng đã làm hành sự.

Không quan tâm đến ước muốn của nhóm: không biết đến ước muốn của nhóm. (Nghĩ rằng): “*Ta sẽ phục hồi*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni) hoặc chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

[49] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị bị vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[50] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị phục hồi thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị phục hồi thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị phục hồi thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[51] Các trường hợp không phạm tội

Vị phục hồi sau khi đã xin phép hội chúng thực hiện hành sự, vị phục hồi sau khi đã quan tâm đến ước muốn của nhóm, vị phục hồi vị ni đang thực hành các phận sự, vị phục hồi trong lúc hội chúng thực hiện hành sự không còn tồn tại, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

**05. Điều Saṅghādisesa thứ năm: Nhận vật thực từ tay của người nam
nhiễm dục vọng**

---o0o---

[52] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Sundarīnandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, lịch thiệp. Nhiều người sau khi nhìn thấy tỳ-kheo ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn bị nhiễm dục vọng rồi dâng đến tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ-kheo ni Sundarīnandā thọ thực được như ý thích. Các tỳ-kheo ni khác không nhận lãnh được như ý. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực loại cứng loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực loại cứng hoặc loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai hoặc ăn; vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*”

---o0o---

[53] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Nữ) nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

(Nam) nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng bị dục chiếm ngự.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tằm xia răng; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, súp, bánh, cá, thịt. (Nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận thì phạm trọng tội (thullaccaya). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

[54] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị bị vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

Vị ni thọ nhận nước và tằm xia răng thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[55] Khi một bên nhiễm dục vọng, vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị ni thọ nhận nước và tằm xia răng thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Đối với dạ-xoa nam hoặc ma nam hoặc người nam vô căn hoặc loài thú đực dạng người, khi cả hai nhiễm dục vọng, vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận từ tay (của các hạng trên) thì phạm tội tác ác (dukkata). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm trọng tội (thullaccaya). Vị ni thọ nhận nước và tắm xia răng thì phạm tội tác ác (dukkata).

Khi một bên nhiễm dục vọng, vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận thì phạm tội tác ác (dukkata). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị ni thọ nhận nước và tắm xia răng thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[56] Các trường hợp không phạm tội

Cả hai không nhiễm dục vọng, vị ni biết rằng: “*(Người đàn ông này) không nhiễm dục vọng*” rồi thọ nhận, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

06. Điều Saṅghādisesa thứ sáu: Xúi giục vị tỳ-khuru ni khác nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng

[57] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Sundarīnandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, lịch thiệp. Nhiều người sau khi nhìn thấy tỳ-kheo ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn bị nhiễm dục vọng rồi dâng đến tỳ-kheo ni Sundarīnandā các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ-kheo ni Sundarīnandā trong lúc ngần ngại nên không thọ nhận. Vị tỳ-kheo ni đứng kế đã nói với tỳ-kheo ni Sundarīnandā điều này:

- Đây ni sư, vì sao ni sư lại không thọ nhận?
- Đây ni sư, (người đàn ông này) nhiễm dục vọng.
- Đây ni sư, ni sư mới nhiễm dục vọng.
- Đây ni sư, tôi không nhiễm dục vọng.

- Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hoặc không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại nói như vậy: “*Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hoặc không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi?*”?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni nói như vậy: “*Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hoặc không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi,*” có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại nói như vậy: “*Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hoặc không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi?*”? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào nói như vậy: ‘Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hoặc không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi;’ vị (ni) này cũng phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng ra.*”

---o0o---

[58] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vậy: Vị ni xúi giục rằng: “*Này ni sư, người đàn ông ấy nhiệm dục vọng hoặc không nhiệm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiệm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận thì (vị xúi giục) phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần (vị kia) nuốt xuống thì (vị xúi giục) phạm trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt bữa ăn thì (vị xúi giục) phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Vị (ni) này cũng: là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị bị vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

Vị ni xúi giục rằng: “*Hãy thọ nhận nước và tắm xia răng*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận thì (vị xúi giục) phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[59] Khi một bên nhiệm dục vọng, đối với vật thực loại cứng hoặc loại mềm của dạ-xoa nam hoặc ma nam hoặc người nam vô căn hoặc loài thú đực dạng người, vị ni xúi giục rằng: “*Hãy nhai hoặc ăn*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận từ tay (của các hạng trên) thì (vị xúi giục) phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần (vị kia) nuốt xuống thì (vị xúi giục) phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi chấm dứt bữa ăn thì (vị xúi giục) phạm trọng tội (thullaccaya).

Vị ni xúi giục rằng: “*Hãy thọ nhận nước và tắm rửa răng*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ nhận thì (vị xúi giục) phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[60] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni biết rằng: “*(Người đàn ông này) không nhiễm dục vọng*” rồi xúi giục, vị ni (nghĩ rằng): “*Cô ta (sẽ) nổi giận và không thọ nhận*” rồi xúi giục, vị ni (nghĩ rằng): “*Cô ta (sẽ) không thọ nhận vì lòng thương hại đến gia đình*” rồi xúi giục, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

07. Điều Saṅghādisesa thứ bảy: Nói hờn dỗi về việc hoàn tục

[61] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī sau khi gây gổ với các tỳ-kheo ni đã nổi giận, bắt bình rồi nói như vậy:

- Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng (Saṅgha), tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Caṇḍakālī khi nổi giận, bắt bình lại nói như vậy: “*Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy*”?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Caṇḍakālī khi nổi giận, bất bình nói như vậy: *“Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy,”* có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Caṇḍakālī khi nổi giận, bất bình lại nói như vậy: *“Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy”*? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo ni nào nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.’ Vị tỳ-kheo ni ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo ni như sau: ‘Này ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, ...(như trên)..., tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.’ Này ni sư, hãy hoan hỷ, Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.’* Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo ni mà vị tỳ-kheo ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị tỳ-kheo ni ấy nên được các tỳ-kheo ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế là điều tốt; nếu không dứt bỏ, vị (ni) này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội Tăng tàng (saṅghādisesa), cần được tách riêng ra.”

[62] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “vị tỷ-kheo ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bực bội, sanh khởi lòng cay cú.

Nói như vậy: “Tôi lìa bỏ đức Phật, ...(như trên)..., tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.”

[63] **Vị tỷ-kheo ni ấy:** vị ni nào nói như vậy là vị tỷ-kheo ni ấy.

Bởi các tỷ-kheo ni: bởi các tỷ-kheo ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Này ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, ...(như trên)..., tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.’ Này ni sư, hãy hoan hỷ, Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Này ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, ...(như trên)..., tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.’ Này ni sư, hãy hoan hỷ, Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[64] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

Vị tỳ-kheo ni ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỳ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo ni này tên (như vậy) khi nổi giận, bất bình nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo ni này tên (như vậy) khi nổi giận, bất bình nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ đức Pháp, tôi lìa bỏ đức Tăng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các Thích nữ sa-môn này là các nữ sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ sa-môn khác thanh tịnh, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ sa-môn ấy.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[65] Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa). Đối với vị ni vi phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa) thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực.

[66] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: vị ni vi phạm tội khi được nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do vi phạm sự việc.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[67] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, (làm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, (làm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[68] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

08. Điều Saṅghādisesa thứ tám: Nói hội chúng là thiên vị

[69] Câu chuyện về tỳ-khưu ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên đã nổi giận, bất bình rồi nói như vậy:

- Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Caṇḍakālī bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: “*Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi*”?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Caṇḍakālī bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: “*Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi,*” có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Caṇḍakālī bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: “*Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi*”?

Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Vị tỳ-kheo ni ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo ni như sau: ‘Này ni sư, khi bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình chớ nên nói như vậy: ‘Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Chính ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo ni mà vị tỳ-kheo ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị tỳ-kheo ni ấy nên được các tỳ-kheo ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế là điều tốt; nếu không dứt bỏ, vị (ni) này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội Tăng tàng (saṅghādisesa), cần được tách riêng ra.”*

[70] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong một cuộc tranh tụng nào đó: Tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Bị xử thua nghĩa là bị thất bại được đề cập đến.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bực bội, sanh khởi lòng cay cú.

Nói như vậy: “*Các tỷ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỷ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.*”

[71] **Vị tỷ-kheo ni ấy:** vị ni nào nói như vậy là vị tỷ-kheo ni ấy.

Bởi các tỷ-kheo ni: bởi các tỷ-kheo ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “*Này ni sư, khi bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình chớ nên nói như vậy: ‘Các tỷ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỷ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Chính ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “*Này ni sư, khi bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình chớ nên nói như vậy: ‘Các tỷ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỷ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Chính ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[72] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

Vị tỳ-kheo ni ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỳ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo ni này tên (như vậy) bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo ni này tên (như vậy) bị xử thua trong một cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì thương, ...(như trên)..., các tỳ-kheo ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[73] Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa). Đối với vị ni vi phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa), thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực.

[74] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: vị ni vi phạm tội khi được nhắc nhở đến lần thứ ba không phải do vi phạm sự việc.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

[75] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[76] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

09. Điều Saṅghādisesa thứ chín: Sống thân cận với thế tục, có sở hành xấu xa

[77] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni học trò của tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni học trò của tỳ-kheo ni Thullanandā sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn

xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Hơn nữa, các tỳ-kheo ni sống thân cận (với thế tục) là có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Các tỳ-kheo ni ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo ni như sau: ‘Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo ni mà các tỳ-kheo ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, các tỳ-kheo ni ấy nên được các tỳ-kheo ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế là điều tốt; nếu không dứt bỏ các vị (ni) này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội Tăng tàng (saṅghādisesa), cần được tách riêng ra.”*

[78] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Hơn nữa, các tỳ-kheo ni: là các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Sống thân cận (với thế tục): sống thân cận bằng (hành động thuộc về) thân và khẩu không đúng đắn.

Có sở hành xấu xa: đã hội đủ sở hành xấu xa.

Có tiếng đồn xấu xa: đã đạt được lời đồn đãi xấu xa.

Có sự nuôi mạng xấu xa: các vị duy trì sự sống bằng tà mạng xấu xa.

Là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni: các vị phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị.

Là người che giấu tội lẫn nhau: các vị là người che giấu tội lẫn cho nhau.

[79] **Các tỳ-kheo ni ấy:** các vị tỳ-kheo ni nào sống thân cận.

Bởi các tỳ-kheo ni: bởi các tỳ-kheo ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “*Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (các vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (các vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Các tỳ-kheo ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “*Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (các vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (các vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[80] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

Các tỳ-kheo ni ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỳ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo ni tên (như vậy) và tên (như vậy) sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Các vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở các tỳ-kheo ni tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo ni tên (như vậy) và tên (như vậy) sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Các vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở các tỳ-kheo ni tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở các tỳ-kheo ni tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên)...

Các tỳ-kheo ni tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[81] Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa). Đối với vị ni vi phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa), thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực. Hai ba vị ni nên được nhắc nhở chung (một lượt), không nên nhắc nhở nhiều hơn số lượng ấy.

[82] **Các tỳ-kheo ni này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: các vị ni vi phạm tội khi được nhắc nhở đến lần thứ ba không phải do vi phạm sự việc.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[83] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, các vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, các vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, các vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[84] Các trường hợp không phạm tội

Các vị ni chưa được nhắc nhở, các vị ni dứt bỏ, các vị ni bị điên, các vị ni có tâm bị rối loạn, các vị ni bị thọ khổ hành hạ, các vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

10. Điều Saṅghādisesa thứ mười: Xúi giục các tỳ-khuru ni sống thân cận với thế tục

[85] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā khi bị hội chúng cùng nhau khiển trách nên nói với các tỳ-kheo ni như vậy:

- Nay các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ-kheo ni khác có sở hành như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói bất cứ điều gì. Nhưng chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhân nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất phân hóa như vậy: “*Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ.*”

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi bị hội chúng cùng nhau khiển trách lại nói với các tỳ-kheo ni như vậy: “*Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. ...(như trên)... Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ?*”

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi bị hội chúng cùng nhau khiển trách lại nói với các tỳ-kheo ni như vậy: “*Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. ...(như trên)... Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ,*” có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi bị hội chúng cùng nhau khiển trách lại nói với các tỳ-kheo ni như vậy: “Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. ...(như trên)... Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ?” Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “Vị tỳ-kheo ni nào nói như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ-kheo ni khác có sở hành như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói bất cứ điều gì. Nhưng chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất phân hóa như vậy: Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ.’ Vị tỳ-kheo ni ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo ni như sau: ‘Này ni sư, chớ nói như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ-kheo ni khác có sở hành như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói bất cứ điều gì. Nhưng chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất phân hóa như vậy: Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỳ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỳ.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo ni mà tỳ-kheo ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, tỳ-kheo ni ấy nên được các tỳ-kheo ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế là điều tốt; nếu không dứt bỏ vị (ni) này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội Tăng tàng (saṅghādisesa), cần được tách riêng ra.”

---o0o---

[86] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “vị tỷ-kheo ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vậy: “*Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỷ-kheo ni khác có sở hành như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là người gây khó khăn cho hội chúng tỷ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói bất cứ điều gì. Nhưng chính các cô, hội chúng (đã nói) ...*

Với sự không tôn trọng: với sự khinh khi.

Với sự xem thường: với sự chê bai.

Không lòng nhẫn nại: với sự nóng giận.

Theo lời nói tầm phào: việc nói tầm phào đã được thực hiện.

Có tính chất phân hóa: có tính chất không phe nhóm.

(Hội chúng) đã nói như vậy: “*Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỷ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Này các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỷ.*”

Vị tỷ-kheo ni ấy: vị ni nào nói như vậy là vị tỷ-kheo ni ấy.

Bởi các tỷ-kheo ni: bởi các tỷ-kheo ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “*Này ni sư, chớ nói như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. ...(như trên)... Này các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỷ.’*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata).

Tỷ-kheo ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “*Này ni sư, chớ nói như vậy: Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. ...(như trên)... Này các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỷ.*” Nên được nói đến lần

thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[87] Tuyên ngôn nhắc nhở. Phân tích điều học

Tỷ-kheo ni ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỷ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo ni này tên (như vậy) khi bị hội chúng cùng nhau khiển trách lại nói với các tỷ-kheo ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỷ-kheo ni khác có sở hành như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là người gây khó khăn cho hội chúng tỷ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói bất cứ điều gì. Nhưng chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhân nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất phân hóa như vậy: ‘Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), ...(như trên)... Này các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỷ.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo ni này tên (như vậy) khi bị hội chúng cùng nhau khiển trách lại nói với các tỷ-kheo ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỷ-kheo ni khác có sở hành như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là người gây khó khăn cho hội chúng tỷ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói bất cứ điều gì. Nhưng chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhân nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất phân hóa như vậy: Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), có sở hành xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là người gây khó khăn cho hội chúng tỷ-kheo ni, và là người che giấu tội lẫn nhau. Này các ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của các sư tỷ.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỷ-kheo

ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên)...

Tỷ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[88] Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các trọng tội (thullaccaya). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa). Đối với vị ni vi phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa), thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực.

[82] **Vị (ni) này cũng:** là liên quan đến các vị ni trước đây đã được đề cập.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: vị ni vi phạm tội khi được nhắc nhở đến lần thứ ba không phải do vi phạm sự việc.

Cần được tách riêng ra: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội Tăng tàng (saṅghādisesa): Chỉ có hội chúng ban cho hành phạt *mānatta* của tội đó, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội, không phải một số vị, không phải một cá nhân; vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*” Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

[90] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, (làm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[91] Các trường hợp không phạm tội

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

[92] Bạch chư đại đức ni, mười bảy điều Tăng tàng (Saṅghādisesa)¹¹ đã được đọc tụng xong, chín điều bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, tám điều (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba. Vị tỷ-kheo ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì vị tỷ-kheo ni ấy nên thực hành nửa tháng *mānatta* nơi có cả hai hội chúng. Vị tỷ-kheo ni có hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất thì vị tỷ-kheo ni ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng tỷ-kheo ni nhóm hai mươi vị. Nếu hội chúng tỷ-kheo ni nhóm hai mươi vị chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị tỷ-kheo ni ấy thì vị tỷ-kheo ni ấy chưa được giải tội và các tỷ-kheo ni ấy bị khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.

Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương Mười Bảy Pháp.

III. CHƯƠNG ỨNG XẢ (NISSAGGIYAKAṆḌAM)

Bạch chư đại đức ni, ba mươi điều Ứng Xả Đối Trị (Nissaggiyā Pācittiyā) này được đưa ra đọc tụng.

PHÂN BÌNH BÁT

01. Điều học thứ nhất (Tích trữ nhiều bình bát)

[93] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại tích trữ nhiều bình bát? Không lẽ các tỳ-kheo ni sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sứ?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ bình bát, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào thực hiện việc tích trữ bình bát thì (bình bát ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ung đối trị.*”¹²

[94] Giải nghĩa từ ngữ. Cách thức xả bỏ bình bát phạm tội. Phân tích điều học.

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “vị tỷ-kheo ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: bình bát sắt và bình bát đất. Bình bát có ba dạng: bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. **Bình bát cỡ lớn** nghĩa là chứa được một nửa *āḥaka* cơm¹³, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần (cơm) ấy. **Bình bát cỡ vừa** nghĩa là chứa được một *nāḥika* cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần (cơm) ấy. **Bình bát cỡ nhỏ** nghĩa là chứa được một *pattha*¹⁴ cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần (cơm) ấy. Lớn hơn các cỡ ấy không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát.

Thực hiện việc tích trữ: (bình bát) chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Nên được xả bỏ: Khi mặt trời mọc thì phạm vào *nissaggiya*, (bình bát ấy) cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy:

[95] Vị tỷ-kheo ni ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo ni trưởng thượng, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch chư ni sư, bình bát này của tôi đã qua đêm giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chúng.

Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại.

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về tỷ-kheo ni tên (như vậy) là vật phạm vào nissaggiya đã được xả bỏ đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát này đến tỷ-kheo ni tên (như vậy).”

[96] Vị tỳ-kheo ni ấy nên đi đến nhiều tỳ-kheo ni, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo ni trưởng thượng, ngồi chồm hồm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Thưa các đại đức ni, bình bát này của tôi đã qua đêm giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các đại đức ni.

Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại.

“Xin các đại đức ni hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về tỳ-kheo ni tên (như vậy) là vật phạm vào nissaggiya đã được xả bỏ đến các đại đức ni. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức ni, các đại đức ni nên cho lại bình bát này đến tỳ-kheo ni tên (như vậy).”

[97] Vị tỳ-kheo ni ấy nên đi đến gặp một vị tỳ-kheo ni, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hồm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Thưa ni sư, bình bát này của tôi đã qua đêm giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến đại đức ni.

Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị tỳ-kheo ni ấy. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: *“Tôi cho lại ni sư bình bát này.”*

[98] Khi đã qua đêm, nhận biết là đã qua đêm, phạm tội ung xả đối trị (nissaggiyaṃ pācittiyaṃ).

Khi đã qua đêm, có sự hoài nghi, phạm tội ung xả đối trị.

Khi đã qua đêm, (lầm) tưởng là chưa qua đêm, phạm tội ung xả đối trị.

Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, (lầm) tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng, phạm tội ung xả đối trị.

Khi chưa chú nguyện để dùng chung, (lầm) tưởng là đã chú nguyện để dùng chung, phạm tội ung xả đối trị.

Khi chưa được phân phát, (lầm) tưởng là đã được phân phát, phạm tội ung xả đối trị.

Khi không bị mất trộm, (lâm) tưởng là đã bị mất trộm, phạm tội ung xả đối trị.

Khi không bị hư hỏng, (lâm) tưởng là đã bị hư hỏng, phạm tội ung xả đối trị.

Khi không bị vỡ, (lâm) tưởng là đã bị vỡ, phạm tội ung xả đối trị.

Khi không bị cướp, (lâm) tưởng là đã bị cướp, phạm tội ung xả đối trị.

[99] Bình bát là vật vi phạm *nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Khi chưa qua đêm, (lâm) tưởng là đã qua đêm, phạm tội *dukkata*.

Khi chưa qua đêm, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkata*.

Khi chưa qua đêm, nhận biết là chưa qua đêm, thì vô tội.

---o0o---

[100] Các trường hợp không phạm tội

Trong lúc rạng đông, vị ni chú nguyện để dùng riêng, vị ni chú nguyện để dùng chung, vị ni phân phát, (bình bát) bị mất trộm, (bình bát) bị hư hỏng, (bình bát) bị vỡ, (các người khác) cướp rồi lấy đi, (các vị khác) lấy đi do sự thân thiết, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

[101] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ bởi vị tỳ-kheo ni; vị ni nào không cho lại thì phạm tội tác ác (*dukkata*).

02. Điều học thứ nhì (Không chia y đến các vị tỳ-khuru ni khách)

[102] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo ni sau khi sống

qua mùa (an cư) mưa ở trú xứ là thôn làng đã đi đến thành Sāvatti. Các vị ni ấy có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, (nhưng) mặc vải tàn tạ và y thô xấu. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các tỳ-kheo ni ấy (nghĩ rằng): “*Các tỳ-kheo ni này có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, (nhưng) mặc vải tàn tạ và y thô xấu. Các tỳ-kheo ni này sẽ bị rách rưới*” rồi đã dâng y ngoài hạn kỳ đến hội chúng tỳ-kheo ni. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã xác định rằng:

- Kaṭhina của chúng tôi đã được thành tựu, (vậy là) y trong thời hạn.

Rồi đã bảo phân chia. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các tỳ-kheo ni ấy đã nói điều này:

- Có phải các ni sư cũng đã lãnh được y?

- Nay các đạo hữu, chúng tôi không được lãnh y. Ni sư Thullanandā đã xác định rằng: “*Kaṭhina của chúng tôi đã được thành tựu, (vậy là) y trong thời hạn,*” rồi đã bảo phân chia.

Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao ni sư Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình lại sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā xác định y ngoài hạn kỳ là: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào xác định y ngoài hạn kỳ là: “Y trong thời hạn” rồi bảo phân chia thì (y ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ung đối trị.*”

---o0o---

[103] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi Kaṭhina không được thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi Kaṭhina được thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; (y) được dâng xác định trong thời gian trên thì (y) ấy gọi là y ngoài hạn kỳ. Vị ni xác định: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia, trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ-kheo ni. Và nay các tỳ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bach chư ni sư, y này của tôi đã được bảo chia phần sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là “Y trong thời hạn,” giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ (y) này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.*”

[104] Y ngoài hạn kỳ, nhận biết là y ngoài hạn kỳ, vị xác định: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia thì phạm tội ung xả đối trị (nissaggiyaṃ pācittiyaṃ).

Y ngoài hạn kỳ, có sự hoài nghi, vị xác định: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia thì phạm tội ung xả đối trị.

Y ngoài hạn kỳ, (lầm) tưởng là y trong thời hạn, vị xác định: “*Y trong thời hạn*” rồi bảo phân chia thì phạm tội ung xả đối trị.

Y trong thời hạn, (lầm) tưởng là y ngoài hạn kỳ, phạm tội tác ác (dukkata).

Y trong thời hạn, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Y trong thời hạn, nhận biết là y trong thời hạn, thì vô tội.

[105] Đối với y ngoài hạn kỳ vị ni nhận biết là y ngoài hạn kỳ rồi bảo phân chia, đối với y trong thời hạn vị ni nhận biết là y trong thời hạn rồi bảo phân chia, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

03. Điều học thứ ba: (Xé rách y)

[106] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā đã trao đổi y với vị tỳ-kheo ni nọ rồi sử dụng. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã xếp y ấy lại rồi để riêng. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Này ni sư, cái y đã được tôi trao đổi với cô đâu rồi?

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã đem y ấy lại và cho tỳ-kheo ni Thullanandā thấy. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Này ni sư, hãy nhận lấy y của cô. Y này là của tôi. Y nào của cô là của cô, y nào của tôi là của tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của mình.

Rồi đã xé rách. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā sau khi trao đổi y với vị tỳ-kheo ni lại xé rách?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình lại sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị tỳ-kheo ni lại xé rách, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị tỳ-kheo ni lại xé rách vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi đã trao đổi y với vị tỳ-kheo ni sau đó lại nói như vậy: ‘Này ni sư, hãy nhận lấy y của cô. Y này là của tôi. Y nào của cô là của cô, y nào của tôi là của tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của mình’ rồi xé rách hoặc bảo xé rách thì (y ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ưng đối trị.*”

---o0o---

[107] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Với vị tỳ-kheo ni: với vị tỳ-kheo ni khác.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y15 (có kích thước) tối thiểu16 cần phải chú nguyện để dùng chung.

Khi đã trao đổi: sau khi trao đổi vật lớn bằng vật nhỏ hoặc là vật nhỏ bằng vật lớn.

Xé rách: vị tự mình xé rách thì phạm vào *nissaggiya*.

Bảo xé rách: vị ra lệnh người khác thì phạm tội tác ác (*dukkata*). Được ra lệnh một lần, dầu xé nhiều lần thì phạm (chỉ một) *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ-kheo ni. Và nay các tỳ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, y này của tôi sau khi trao đổi với tỳ-kheo ni đã bị xé rách giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... ‘Tôi cho lại ni sư.’*”

[108] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị trao đổi y rồi xé rách hoặc bảo xé rách thì phạm tội ung xả đổi trị (nissaggiyaṃ pācittiyaṃ).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị trao đổi y rồi xé rách hoặc bảo xé rách thì phạm tội ung xả đổi trị.

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị trao đổi y rồi xé rách hoặc bảo xé rách thì phạm tội ung xả đổi trị.

Vị trao đổi vật dụng khác rồi xé rách hoặc bảo xé rách thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị trao đổi y hoặc vật dụng khác với người nữ chưa tu lên bậc trên rồi xé rách hoặc bảo xé rách thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[109] Vị ni kia cho, hoặc vị ni lấy đi trong khi có sự thân thiết với vị ni kia, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

04. Điều học thứ tư (Yêu cầu vật này rồi đổi ý):

[110] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā bị bệnh. Khi ấy, có người nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā, sau khi đến đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, có phải ni sư không được khỏe? Vật gì cần được mang lại?

- Nay đạo hữu, tôi có nhu cầu về bơ lỏng.

Sau đó, người nam cư sĩ ấy đã mang lại một đồng (kahāpaṇa) bơ lỏng từ nhà của một chủ tiệm buôn nọ rồi dâng cho tỳ-kheo ni Thullanandā. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói như vậy:

- Nay đạo hữu, tôi không có nhu cầu về bơ lỏng. Tôi có nhu cầu về dầu ăn.

Khi ấy, người nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp người chủ tiệm buôn ấy, sau khi đến đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này:

- Nay ông, nghe nói ni sư không có nhu cầu về bơ lỏng mà có nhu cầu về dầu ăn. Hãy nhận lấy bơ lỏng của ông và hãy cho tôi dầu ăn.

- Nay ông, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hóa của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua bơ lỏng thì bơ lỏng đã được mang đi. Ông hãy mang đến phần mua của dầu ăn rồi dầu ăn sẽ được mang đi¹⁷.

Khi ấy, người nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao ni sư Thullanandā khi đã yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được người nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi đã yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình lại sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi đã yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi đã yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm

tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi đã yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ung đối trị.*”

---o0o---

[111] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi đã yêu cầu vật này: sau khi yêu cầu bất cứ vật gì.

Lại yêu cầu vật khác: vị ni yêu cầu vật khác trừ ra vật ấy. Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ-kheo ni. Và này các tỳ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được yêu cầu sau khi đã yêu cầu vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.*”

[112] Vật ấy, nhận biết là vật ấy, vị yêu cầu vật khác thì phạm tội ung xả đối trị (nissaggiyaṃ pācittiyaṃ).

Vật ấy, có sự hoài nghi, vị yêu cầu vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Vật ấy, (lầm) tưởng không phải là vật ấy, vị yêu cầu vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Không phải là vật ấy, (lầm) tưởng là vật ấy, phạm tội tác ác (dukkata).

Không phải là vật ấy, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không phải là vật ấy, nhận biết không phải là vật ấy, thì vô tội.

[113] Vị ni yêu cầu thêm chính vật ấy, vị ni (nhận vật ấy) rồi yêu cầu thêm vật khác¹⁸, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi yêu cầu, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

05. Điều học thứ năm (Bảo mua vật này rồi đổi ý):

[114] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā bị bệnh. Khi ấy, có người nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā, sau khi đến đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

- Nay đạo hữu, sức khỏe không khá. Mọi việc không được thuận tiện.

- Thưa ni sư, tôi sẽ để lại ở nhà của chủ tiệm buôn kia một đồng. Ni sư muốn vật gì ở tiệm buôn đó thì hãy bảo mang lại vật ấy.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã bảo cô ni tu tập sự nọ rằng:

- Nay cô ni tu tập sự, hãy đi rồi mang lại một đồng dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn kia.

Sau đó, cô ni tu tập sự ấy đã mang lại một đồng dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn ấy và dâng cho tỳ-kheo ni Thullanandā. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói như vậy:

- Nay cô ni tu tập sự, tôi không có nhu cầu về dầu ăn. Tôi có nhu cầu về bơ lỏng.

Khi ấy, cô ni tu tập sự ấy đã đi đến gặp người chủ tiệm buôn ấy, sau khi đến đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này:

- Nay đạo hữu, nghe nói ni sư không có nhu cầu về dầu ăn mà có nhu cầu về bơ lỏng. Hãy nhận lấy dầu ăn của ông và hãy cho tôi bơ lỏng.

- Thừa sư cô, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua dầu ăn thì dầu ăn đã được mang đi. Sư cô hãy mang đến phần mua của bơ lỏng rồi bơ lỏng sẽ được mang đi.

Khi ấy, cô ni tu tập sự ấy đã đứng khóc lóc. Các tỷ-kheo ni đã nói với cô ni tu tập sự ấy điều này:

- Nay cô ni tu tập sự, vì sao cô lại khóc lóc?

Khi ấy, cô ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc cho các tỷ-kheo ni. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi đã bảo sắm vật này rồi lại bảo sắm vật khác?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói tỷ-kheo ni Thullanandā khi đã bảo sắm vật này rồi lại bảo sắm vật khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỷ-kheo, vì sao tỷ-kheo ni Thullanandā khi đã bảo sắm vật này rồi lại bảo sắm vật khác vậy? Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỷ-kheo, các tỷ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo ni nào khi đã bảo sắm vật này rồi lại bảo sắm vật khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ung đối trị.*”

---o0o---

[115] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi đã bảo sấm vật này: sau khi bảo sấm bất cứ vật gì.

Lại bảo sấm vật khác: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật ấy. Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ-kheo ni. Và này các tỳ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)...
“Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm sau khi đã bảo sấm vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)...”

[116] Vật ấy, nhận biết là vật ấy, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị (nissaggiyaṃ pācittiyaṃ).

Vật ấy, có sự hoài nghi, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Vật ấy, (lầm) tưởng không phải là vật ấy, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Không phải là vật ấy, (lầm) tưởng là vật ấy, phạm tội tác ác (dukkata).

Không phải là vật ấy, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không phải là vật ấy, nhận biết không phải là vật ấy, thì vô tội.

[117] Vị ni bảo sấm thêm chính vật ấy, vị ni (nhận vật ấy) rồi bảo sấm thêm vật khác, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi bảo sấm, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

06. Điều học thứ sáu (Bảo mua vật dụng bằng tài vật của hội chúng)

[118] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về y của hội chúng tỳ-kheo ni đã để lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ rồi đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni và đã nói điều này:

- Thừa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần.

Với phần tài vật ấy, các tỳ-kheo ni đã bảo sắm được phẩm cho bản thân rồi thọ dụng. Các người cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ưng đối trị.*”

---o0o---

[119] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về hội chúng: vì lợi ích của hội chúng không phải của nhóm không phải của một tỷ-kheo ni.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (*dukkaṭa*). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*”

[120] Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sấm vật khác nữa thì phạm tội ung xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyaṃ*).

Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sấm vật khác nữa thì phạm tội ung xả đối trị.

Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sấm vật khác nữa thì phạm tội ung xả đối trị.

Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí (*yathādāne*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác, thì vô tội.

[121] Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

07. Điều học thứ bảy (Yêu cầu mua vật dụng bằng tài vật của hội chúng):

[122] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về y của hội chúng tỳ-kheo ni đã để lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nợ rồi đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni và đã nói điều này:

- Thưa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần.

Các tỳ-kheo ni sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Các người cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác ?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ưng đối trị.*”

---o0o---

[123] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về hội chúng: vì lợi ích của hội chúng không phải của nhóm không phải của một tỳ-kheo ni.

Do tự mình yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ-kheo ni. Và nay các tỳ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*”

[124] Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội ung xả đối trị (nissaggiyaṃ pācittiyaṃ).

Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội ung xả đối trị.

Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội ung xả đối trị.

Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bổ thí (yathādāne).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội tác ác (dukkata).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác, thì vô tội.

[125] Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni phạm đầu tiên thì vô tội.

08. Điều học thứ tám (Bảo mua vật dụng bằng tài vật của nhóm)

[126] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni thường trú ở căn phòng của một hội đoàn nợ bị thiếu thốn về cháo. Khi ấy, hội đoàn ấy sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về cháo của các tỳ-kheo ni đã để lại phần tài vật ở nhà của một chủ tiệm buôn nợ rồi đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni và đã nói điều này:

- Thừa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang gạo đến rồi bảo nấu cháo và thọ dụng.

Các tỷ-kheo ni đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy rồi thọ dụng. Hội đoàn ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỷ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác ?

Các tỷ-kheo ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỷ-kheo, vì sao các tỷ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỷ-kheo, các tỷ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo ni nào bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ưng đối trị.*”

---o0o---

[127] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về nhóm: vì lợi ích của nhóm không phải của hội chúng không phải của một tỷ-kheo ni.

Bảo sấm vật khác nữa: vị bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (*dukkata*). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*”

[128] Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyaṃ*).

Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí (*yathādāne*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác, thì vô tội.

[129] Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

09. Điều học thứ chín (Yêu cầu mua vật dụng bằng tài vật của nhóm)

[130] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni thường trú ở căn phòng của một hội đoàn nợ bị thiếu thốn về cháo. Khi ấy, hội đoàn ấy sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về cháo của các tỳ-kheo ni đã để lại phần tài vật ở nhà của một chủ tiệm buôn nợ rồi đã đi đến gặp các tỳ-kheo ni và đã nói điều này:

- Thừa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang gạo đến rồi bảo nấu cháo và thọ dụng.

Các tỳ-kheo ni sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Hội đoàn ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác ?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ưng đối trị.*”

---o0o---

[131] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về nhóm: vì lợi ích của nhóm không phải của hội chúng không phải của một tỳ-kheo ni.

Do tự mình yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sắm vật khác nữa: vị bảo sắm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*”

[132] Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị bảo sắm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyaṃ*).

Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị bảo sắm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị bảo sắm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí (*yathādāne*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác, thì vô tội.

[129] Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

10. Điều học thứ mười (Bảo mua vật dụng bằng tài vật của cá nhân):

[134] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại. Nhiều người thăm viếng tỳ-kheo ni Thullanandā. Vào lúc bấy giờ, căn phòng của tỳ-kheo ni Thullanandā bị hư hoại. Dân chúng đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, tại sao phòng ở này của ni sư bị hư hoại?

- Nay các đạo hữu, không có các người bố thí, không có các nhân công.

Khi ấy, những người ấy sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về phòng ở của tỳ-kheo ni Thullanandā rồi đã dâng phần tài vật của tỳ-kheo ni Thullanandā. Tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Dân chúng biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao ni sư Thullanandā lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về*

cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ung đối trị.”

---o0o---

[135] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dăng nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về cá nhân: vì lợi ích của một tỷ-kheo ni không phải của hội chúng không phải của nhóm.

Do tự mình yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dăng theo ý định (của thí chủ). Trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*”

[136] Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyaṃ*).

Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị bảo sấm vật khác thì phạm tội ung xả đối trị.

Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí (yathādāne).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lâm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội tác ác (dukkata).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác, thì vô tội.

[137] Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni phạm đầu tiên thì vô tội.

PHẦN Y

11. Điều học thứ nhất (Sám tẩm choàng loại dày)

[138] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại. Vào lúc bấy giờ trong mùa lạnh, đức vua Pasenadi xứ Kosala sau khi khoác lên tấm choàng len trị giá cao đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā, sau khi đến đã đánh lễ tỳ-kheo ni Thullanandā rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau khi đã được tỳ-kheo ni Thullanandā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, ni sư có nhu cầu về vật gì xin cứ nói.

- Tâu đại vương, nếu ngài có ý định bố thí đến tôi thì hãy dâng tẩm choàng len này.

Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng tỳ-kheo ni Thullanandā tấm choàng len rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ tỳ-kheo ni Thullanandā, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các tỳ-kheo ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua tấm choàng len?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng len?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā yêu cầu đức vua tấm choàng len, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng len vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại dày được bảo sắm tối đa là bốn kaṃsa. Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ưng đối trị.*”

---o0o---

[139] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Tấm choàng loại dày nghĩa là bất cứ loại tấm choàng nào vào mùa đông.

Trong khi bảo sắm: trong khi yêu cầu.

Được bảo sắm tối đa là bốn kaṃsa: được bảo sắm vật trị giá là mười sáu *Kahāpaṇa* 19 .

Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy: vị bảo sắm hơn giá trị ấy, trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (*dukkata*). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, tấm choàng loại dày này của tôi đã được bảo sắm vượt quá bốn kaṃsa, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*”

[140] Hơn bốn *kaṃsa*, nhận biết là hơn, vị bảo sắm thì phạm tội ung xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyaṃ*).

Hơn bốn *kaṃsa*, có sự hoài nghi, vị bảo sắm thì phạm tội ung xả đối trị.

Hơn bốn *kaṃsa*, (lầm) tưởng là kém, vị bảo sắm thì phạm tội ung xả đối trị.

Kém bốn *kaṃsa*, (lầm) tưởng là hơn, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Kém bốn *kaṃsa*, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Kém bốn *kaṃsa*, nhận biết là kém, thì vô tội.

[141] Vị ni bảo sắm (vật trị giá) tối đa là bốn *kaṃsa*, vị ni bảo sắm (vật trị giá) tối đa kém bốn *kaṃsa*, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni có ý định bảo sắm vật trị giá cao lại bảo sắm vật có giá trị thấp, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

12. Điều học thứ nhì (Sắm tấm choàng loại nhẹ)

[142] Câu chuyện về tỷ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỷ-kheo ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại.

Vào lúc bấy giờ trong mùa nóng, đức vua Pasenadi xứ Kosala sau khi khoác lên tấm choàng sợi lanh trị giá cao đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā, sau khi đến đã đánh lễ tỳ-kheo ni Thullanandā rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau khi đã được tỳ-kheo ni Thullanandā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, ni sư có nhu cầu về vật gì xin cứ nói.

- Tâu đại vương, nếu ngài có ý định bố thí đến tôi thì hãy dâng tấm choàng sợi lanh này.

Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng tỳ-kheo ni Thullanandā tấm choàng sợi lanh rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ tỳ-kheo ni Thullanandā, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các tỳ-kheo ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni trong khi bảo sấm*

tám choàng loại nhẹ được bảo sắm tối đa là hai kaṃsa rười. Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội ung đối trị.”

---o0o---

[143] Giải nghĩa từ ngữ. Phân tích điều học. Các trường hợp không phạm tội

Tám choàng loại nhẹ nghĩa là bất cứ loại tám choàng nào vào mùa nóng.

Trong khi bảo sắm: trong khi yêu cầu.

Được bảo sắm tối đa là hai kaṃsa rười: được bảo sắm vật trị giá là mười *Kahāpaṇa*.

Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy: vị bảo sắm hơn giá trị ấy, trong khi thực hiện thì phạm tội tác ác (*dukkata*). Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỷ-kheo ni. Và này các tỷ-kheo, nên được xả bỏ như vậy: ...(như trên)... “*Bạch chư ni sư, tám choàng loại dày này của tôi đã được bảo sắm vượt quá hai kaṃsa rười, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. ...(như trên)... hội chúng nên cho lại ...(như trên)... các đại đức ni nên cho lại ...(như trên)... “Tôi cho lại ni sư.”*

[144] Hơn hai *kaṃsa rười*, nhận biết là hơn, vị bảo sắm thì phạm tội ung xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyam*).

Hơn hai *kaṃsa rười*, có sự hoài nghi, vị bảo sắm thì phạm tội ung xả đối trị.

Hơn hai *kaṃsa rười*, (lầm) tưởng là kém, vị bảo sắm thì phạm tội ung xả đối trị.

Kém hai *kaṃsa rười*, (lầm) tưởng là hơn, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Kém hai *kaṃsa rười*, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Kém hai *kaṃsa rười*, nhận biết là kém, thì vô tội.

[145] Vị ni bảo sắm (vật trị giá) tối đa là hai *kaṃsa* rưỡi, vị ni bảo sắm (vật trị giá) tối đa kém hai *kaṃsa* rưỡi, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni có ý định bảo sắm vật giá trị cao lại bảo sắm vật có giá trị thấp, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

[146] Tổng kết chương Ưng Xả

Bạch chư đại đức ni, ba mươi điều Ưng xả đối trị (*nissaggiyaṃ pācittiyaṃ*)²⁰ đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Ưng Xả Đối Trị (Nissaggiyā Pācittiya niṭṭhita).

IV. CHƯƠNG ƯNG ĐỐI TRỊ (Pācittiyakaṇḍam)

Bạch chư đại đức ni, một trăm sáu mươi sáu điều Ưng Đối Trị (*Pācittiya*) này được đưa ra đọc tụng.

PHẦN TỎI

01. Điều học thứ nhất (Nhai tởi)

[147] Câu chuyện về tỳ-khưu ni Thullanandā

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam cư sĩ nọ thỉnh cầu hội chúng tỳ-kheo ni về tởi (nói rằng): “*Các ni sư nào có nhu cầu về tởi, tôi*

dâng tội.” Và người canh ruộng được ra lệnh rằng: “*Nếu các tỳ-kheo ni đi đến, hãy dâng cho mỗi một vị tỳ-kheo ni hai ba bó.*”

Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatti có lễ hội. Tội đã được đem lại bao nhiêu đều không còn. Các tỳ-kheo ni đã đi đến người nam cư sĩ ấy và nói điều này:

- Nay đạo hữu, có nhu cầu về tội.

- Thừa các ni sư, không có. Tội đã được đem lại bao nhiêu đều hết tron. Xin hãy đi đến ruộng.

Tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi đi đến ruộng đã không biết chừng mực và đã bảo mang đi nhiều tội. Người canh ruộng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni sau khi đi đến ruộng đã không biết chừng mực và đã bảo mang đi nhiều tội?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được người canh ruộng ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tội?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tội, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tội vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, nay các tỳ-kheo, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

[148] Chuyện tiền thân của tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi khiển trách tỳ-kheo ni Thullanandā bằng nhiều phương thức đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vào thời quá khứ tỳ-kheo ni Thullanandā là vợ của người Bà-la-môn nọ và có ba người con gái là Nandā, Nandavatī, và Sundarīnandā. Nay các tỳ-kheo, khi ấy người Bà-la-môn ấy sau khi qua đời đã sanh vào bào thai của con chim thiên nga nọ. Các lông của con chim đã trở nên được làm toàn bộ bằng vàng. Nó đã cho các cô ấy mỗi người một lông chim. Nay các tỳ-kheo, khi ấy tỳ-kheo ni Thullanandā (nghĩ rằng): “*Con chim thiên nga này cho chúng ta mỗi người một lông chim*” nên đã nắm lấy con chim thiên nga chúa ấy và đã vặt trụi lông. Bộ lông của con chim ấy trong khi được mọc lại đều là màu trắng. Nay các tỳ-kheo, ngày hôm ấy tỳ-kheo ni Thullanandā vì quá tham lam khiến vàng đã bị tiêu tan; bây giờ tôi sẽ bị mất đi.

[149]

*Được gì nên hoan hỷ,
bởi kẻ ác quá tham
nắm lấy thiên nga chúa
khiến vàng bị tiêu tan.*

[150] Rồi đức Thế Tôn sau khi đã khiển trách tỳ-kheo ni Thullanandā bằng nhiều phương thức, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào nhai tôi thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[151] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tội nghĩa là (loại thảo mộc) thuộc về xứ Magadha được đề cập đến.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ ăn*” rồi thọ lãnh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[152] Tội, nhận biết là tội, vị nhai phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Tội, có sự hoài nghi, vị nhai phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Tội, (lầm) tưởng không phải tội, vị nhai phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không phải tội, (lầm) tưởng là tội, vị nhai phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Không phải tội, có sự hoài nghi, vị nhai phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Không phải tội, nhận biết không phải tội, vị nhai thì vô tội.

[153] Trong trường hợp củ hành (palaṇḍuko), củ hành đỏ (bhañjanako), củ hành tây (harītako), lá hẹ (cāpalasuno), nấu chung với xúp, nấu chung với thịt, nấu chung với dầu ăn, rau cải trộn, hương vị làm ngon miệng, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

02. Điều học thứ nhì (Cạo lông ở chỗ kín):

[154] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư sau khi cạo lông ở chỗ kín rồi lỏa thể tắm chung với các cô điếm ở một bên tắm nơi giòng sông Aciravatī. Các cô điếm phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại cạo lông ở chỗ kín, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được các cô điếm ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư cạo lông ở chỗ kín, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào cạo lông ở chỗ kín thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[155] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ kín nghĩa là hai nách và chỗ tiểu tiện.

Cạo: vị ni cạo (nhỏ) một sợi lông thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ni cạo (nhỏ) nhiều sợi lông cũng phạm (chỉ một) tội ung đối trị (pācittiya).

[156] Vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

03. Điều học thứ ba: (Việc cạo bằng lòng bàn tay)

[157] Câu chuyện về hai tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có hai tỳ-kheo ni bị bức bối bởi sự không được thỏa thích mới đi vào phòng trong rồi thực hiện việc cạo bằng lòng bàn tay. Các tỳ-kheo ni đã chạy lại vì tiếng động ấy rồi đã nói với các tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Nay các ni sư, sao các cô lại làm điều xấu xa với người nam vậy?

- Nay các ni sư, chúng tôi không làm điều xấu xa với người nam.

Rồi đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại thực hiện việc cọ xát bằng lòng bàn tay?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni thực hiện việc cọ xát bằng lòng bàn tay, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại thực hiện việc cọ xát bằng lòng bàn tay vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Khi thực hiện việc cọ xát bằng lòng bàn tay thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[158] **Việc cọ xát bằng lòng bàn tay** nghĩa là trong lúc thích thú sự xúc chạm, vị đánh vào chỗ tiểu tiện mặc dầu chỉ bằng cánh hoa sen phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[159] Vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

04. Điều học thứ tư (Áp dụng gậy ngấn bằng nhựa cây)

[160] Câu chuyện về vị tỳ-khuru ni nọ. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người trước đây là cung nữ của đức vua đã xuất gia nơi các tỳ-kheo ni. Có tỳ-kheo ni nọ bị bực bội bởi sự không được thỏa thích đã đi đến gặp vị tỳ-kheo ni ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Nay ni sư, đức vua lâu lâu mới đến với cô, cô chịu đựng bằng cách nào?

- Nay ni sư, với gậy ngấn bằng nhựa cây.

- Nay ni sư, gậy ngấn bằng nhựa cây ấy là gì?

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã giải thích gậy ngăn bằng nhựa cây cho tỳ-kheo ni ấy. Sau đó, tỳ-kheo ni ấy sau khi áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây rồi không nhớ để rửa và đã quăng bỏ ở một góc. Các tỳ-kheo ni khi nhìn thấy vật bị các con ruồi bu quanh đã nói như vậy:

- Việc làm này là của ai?

Cô ni ấy đã nói như vậy:

- Việc làm này là của tôi.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “(Trường hợp) gậy ngăn bằng nhựa cây thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”

[161] **Gậy ngăn bằng nhựa cây** nghĩa là làm bằng nhựa cây, làm bằng gỗ, làm bằng bột gạo, làm bằng đất sét. Trong khi thích thú sự xúc chạm, vị đưa vào chỗ đường tiểu mặc dầu chỉ bằng cánh hoa sen thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[162] Vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

05. Điều học thứ năm (Việc làm sạch sẽ bằng nước)

[163] Câu chuyện về bà Mahāpajāpati Gotamī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sākya (Thích ca), trong thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đã đứng ở phía dưới gió (nói rằng):

- Bạch Thế Tôn, người nữ có mùi thối.

Khi ấy, đức Thế Tôn (đã nói rằng): “*Các tỳ-kheo ni hãy áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước*” rồi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài Pháp thoại. Rồi bà Mahāpajāpati Gotamī sau khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc làm sạch sẽ bằng nước đối với các tỳ-kheo ni.

[164] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo ni nọ (nghĩ rằng): “*Việc làm sạch sẽ bằng nước đã được đức Thế Tôn cho phép*” rồi trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu nên đã gây nên vết thương ở chỗ đường tiểu. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước nên áp dụng tối đa hai lòng tay; vượt quá giới hạn ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[165] **Việc làm sạch sẽ bằng nước** nghĩa là việc rửa ráy chỗ đường tiêu được đề cập đến.

Trong khi áp dụng: trong khi rửa.

Nên áp dụng tối đa hai lòng tay: nên áp dụng tối đa hai khớp ở hai ngón tay.

Vượt quá giới hạn ấy: trong khi thích thú sự xúc chạm, vị vượt quá mặc dầu chỉ một khoảng cách bằng đầu sợi tóc thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[166] Khi hơn hai lòng tay, nhận biết là đã hơn, vị áp dụng thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi hơn hai lòng tay, có sự hoài nghi, vị áp dụng thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi hơn hai lòng tay, (lầm) tưởng là kém, vị áp dụng thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi kém hai lòng tay, (lầm) tưởng là đã hơn, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi kém hai lòng tay, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi kém hai lòng tay, nhận biết là kém, thì vô tội.

[167] Vị ni áp dụng tối đa hai lòng tay, vị ni áp dụng tối đa kém hai lòng tay, vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

06. Điều học thứ sáu (Đứng gần phục vụ vị tỳ-khưu đang ăn)

[168] Câu chuyện về vị tỳ-khưu bị tỳ-khưu ni đánh. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần tên là Ārohanta đã xuất gia ở nơi các tỳ-kheo. Người vợ cũ của vị ấy cũng đã xuất gia ở nơi các tỳ-kheo ni. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ-kheo ấy nhận phần phân phát bữa ăn ở nơi tỳ-kheo ni ấy. Khi ấy, trong lúc vị tỳ-kheo ấy đang thọ thực, vị tỳ-kheo ni ấy đã đứng gần với nước uống và quạt và nói chuyện thế tục là nói về chuyện đùa giỡn tại gia. Khi ấy, vị tỳ-kheo ấy đã xua đuổi vị tỳ-kheo ni ấy (nói rằng):

- Này sư tử, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép.

- Trước đây, ông đã làm tôi như vậy và như vậy. Bây giờ, chỉ chừng ấy ông lại không chịu.

Rồi đã đổ tô nước uống lên đầu và đã dùng quạt đánh. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại đánh vị tỳ-kheo?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni đánh vị tỳ-kheo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại đánh vị tỳ-kheo vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Trong khi vị tỳ-kheo đang thọ thực, vị tỳ-kheo ni nào đứng gần với nước uống hoặc với quạt thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[169] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Đối với) vị tỷ-kheo: (đối với) người nam đã tu lên bậc trên.

Đang thọ thực: đang thọ thực một loại vật thực mềm nào đó thuộc về năm loại vật thực mềm.

Nước uống nghĩa là bất cứ loại nước uống nào.

Quạt nghĩa là bất cứ loại quạt nào.

Đứng gần: vị ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[170] Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nam đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni sau khi rời xa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Trong lúc (vị tỷ-kheo) đang nhai vật thực cứng, vị ni đứng gần thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Vị ni đứng gần người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nam chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[171] Vị ni dâng, vị ni bảo (người khác) dâng, vị ni ra lệnh cho người (nữ) chưa tu lên bậc trên, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

07. Điều học thứ bảy (Lúa còn nguyên hạt)

[172] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ trong khi mùa thu hoạch, các tỳ-kheo ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi mang đi đến thành phố. Tại trạm gác cổng, (lính gác nói rằng):

- Thưa các ni sư, hãy đóng góp phần.

Họ đã giữ lại rồi đã thả ra. Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy sau khi về đến chỗ ngụ đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni yêu cầu lúa còn nguyên hạt, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sau khi yêu cầu, hoặc bảo yêu cầu, hoặc xay, hoặc bảo xay, hoặc giã, hoặc bảo giã, hoặc nấu, hoặc bảo nấu lúa còn nguyên hạt rồi thọ thực thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[173] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúa còn nguyên hạt nghĩa là lúa gạo sālī, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrūsaka (bắp?).

Sau khi yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

(Sau khi) bảo yêu cầu: sau khi bảo người khác yêu cầu.

(Sau khi) xay: sau khi tự mình xay.

(Sau khi) bảo xay: sau khi bảo người khác xay.

(Sau khi) giã: sau khi tự mình giã.

(Sau khi) bảo giã: sau khi bảo người khác giã.

(Sau khi) nấu: sau khi tự mình nấu.

(Sau khi) bảo nấu: sau khi bảo người khác nấu.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ ăn*” rồi thọ lãnh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[174] Vì nguyên nhân bệnh, vị ni yêu cầu rau cải, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

08. Điều học thứ tám (Đổ bỏ vật dơ bên kia bức tường, bên ngoài hàng rào)

[175] Câu chuyện về người Bà-la-môn. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có người Bà-la-môn nọ là lính được đức vua trả lương (nghĩ rằng): “*Ta sẽ cầu xin tiền lương bằng số ấy*” sau khi gọi đầu rồi đi đến hoàng cung dọc theo tu viện của các tỷ-kheo ni. Có vị tỷ-kheo ni nọ đã đại tiện vào vật đựng rồi trong khi đổ bỏ phía bên kia bức tường đã làm rơi lên trên đầu của người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà cạo đầu khả ố này không phải là nữ sa-môn. Tại sao lại đổ vật đựng chất thải lên đầu? Ta sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này.

Rồi đã cầm lấy cây lửa đi vào tu viện. Có người nam cư sĩ nọ đang đi ra đã thấy người Bà-la-môn ấy cầm cây lửa đang đi vào tu viện, sau khi thấy đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này:

- Nay ông, vì sao ông lại cầm cây lửa và đi vào tu viện?

- Nay ông, những bà cạo đầu khả ố này đổ vật đựng chất thải lên đầu tôi. Tôi sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này.

- Nay ông, hãy đi. Điều này là điều may mắn. Và ông sẽ đạt được số tiền lương ấy là một ngàn.

Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã gọi đầu rồi đi đến hoàng cung và đã đạt được số tiền lương ấy là một ngàn. Sau đó, người nam cư sĩ ấy đã đi vào lại tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỷ-kheo ni rồi đã chê trách. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni đổ bỏ phân phía bên kia bức tường, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỷ-kheo, vì sao các tỷ-kheo ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường vậy? Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỷ-kheo, các tỷ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân hoặc nước tiểu hoặc rác rến hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[176] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến.

Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến.

Rác rến nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến.

Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mảnh xương, hoặc nước dơ được đề cập đến.

Bức tường nghĩa là có ba loại tường: tường gạch, tường đá, tường gỗ.

Hàng rào nghĩa là có ba loại hàng rào: hàng rào gạch, hàng rào đá, hàng rào gỗ.

Phía bên kia bức tường: phía đối nghịch của bức tường.

Phía bên kia hàng rào: phía đối nghịch của hàng rào.

Đổ bỏ: vị tự mình đổ bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Bảo đổ bỏ: vị ra lệnh người khác đổ bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Được ra lệnh một lần, mặc dầu vị (kia) đổ nhiều lần vị (ra lệnh) phạm (chỉ một) tội ung đối trị (pācittiya).

[177] Vị ni đổ bỏ sau khi đã xem xét, vị ni đổ bỏ nơi không phải là lối đi, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

09. Điều học thứ chín (Đổ bỏ vật dơ lên cỏ cây xanh)

[178] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nọ là kề bên tu viện của các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến, và thức ăn thừa vào ruộng. Sau đó, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại làm dơ ruộng lúa mạch của chúng tôi?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân hoặc nước tiểu hoặc rác rến hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[179] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là vị “*tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến.

Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến.

Rác rến nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến.

Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mảnh xương, hoặc nước dơ được đề cập đến.

Cỏ cây xanh nghĩa là loại hạt và rau cải nào được trồng để làm thực phẩm sử dụng cho loài người.

Đổ bỏ: vị tự mình đổ bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Bảo đồ bỏ: vị ra lệnh người khác đồ bỏ thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Được ra lệnh một lần, mặc dầu vị (kia) đồ nhiều lần vị (ra lệnh) phạm (chỉ một) tội ung đối trị (pācittiya).

[180] Cỏ cây xanh, nhận biết là cỏ cây xanh, vị đồ bỏ hoặc bảo đồ bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Cỏ cây xanh, có sự hoài nghi, vị đồ bỏ hoặc bảo đồ bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Cỏ cây xanh, (lầm) tưởng không phải là cỏ cây xanh, vị đồ bỏ hoặc bảo đồ bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không phải là cỏ cây xanh, (lầm) tưởng là cỏ cây xanh, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Không phải là cỏ cây xanh, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Không phải là cỏ cây xanh, nhận biết không phải là cỏ cây xanh, thì vô tội.

[181] Vị ni đồ bỏ sau khi đã xem xét, vị ni đồ bỏ ở góc ruộng, vị ni đồ bỏ sau khi hỏi ý sau khi xin phép người chủ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

10. Điều học thứ mười (Đi để xem vũ ca tấu nhạc)

[182] Câu chuyện về các tỳ-khưu ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại đi để xem vũ ca tấu nhạc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ ca tấu nhạc?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đi để xem vũ ca tấu nhạc, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ ca tấu nhạc vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi để xem vũ hoặc ca hoặc tấu nhạc thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[183] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vũ nghĩa là bất cứ loại vũ gì.

Ca nghĩa là bất cứ loại ca gì.

Tấu nhạc nghĩa là bất cứ loại tấu nhạc gì (trống, kèn, đàn, v.v...).

Vị đi để xem thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi lia khỏi tầm nhìn, vị ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni đi để xem mỗi một (môn biểu diễn) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi lia khỏi tầm nhìn, vị ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[184] Vị ni đứng ở trong tu viện rồi nhìn thấy hoặc nghe, sau khi đi đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi hoặc chỗ nằm của vị tỳ-kheo ni họ vũ hoặc họ ca hoặc họ tấu nhạc, vị ni nhìn thấy hoặc nghe trong khi đi ngược chiều, khi có việc cần phải làm vị ni đi rồi nhìn thấy hoặc nghe, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Tỏi là phần thứ nhất.

PHẦN BÓNG TỐI

11. Điều học thứ nhất (Đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối)

[185] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni và người nam. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị tỳ-kheo ni học trò của Bhaddāya Kāpilānī từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatti vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy cùng người nam ấy một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào cùng người nam một nam với*

một nữ đứng chung hoặc chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”

[186] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “vị tỷ-kheo ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong bóng tối ban đêm: khi mặt trời đã lặn.

Không có đèn: không có ánh sáng.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng với.

Một nam với một nữ: là chính người nam và vị tỷ-kheo ni.

(Hoặc) đứng chung: Vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc chuyện trò: Vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi lia khỏi tầm tay, vị ni đứng lại và chuyện trò thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, với ma nam, với người nam vô căn, với thú đực dạng người thì phạm tội tác ác (dukkata).

[187] Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò lúc đang bận tâm chuyện khác, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

12. Điều học thứ nhì (Đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che khuất)

[188] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni và người nam. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị tỳ-kheo ni học trò của Bhaddāya Kāpilānī từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatti vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam một nam với một nữ đứng chung chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn” nên đã cùng chính người nam ấy một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào cùng người nam một nam với một nữ đứng chung hoặc chuyện trò ở chỗ được che khuất thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[189] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ được che khuất nghĩa là chỗ được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng với.

Một nam với một nữ: là chính người nam và vị tỳ-kheo ni.

(Hoặc) đứng chung: Vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc chuyện trò: Vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi lìa khỏi tầm tay, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội tác ác (dukkata).

[190] Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò lúc đang bận tâm chuyện khác, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

13. Điều học thứ ba: (Đứng chuyện trò với người nam ở khoảng trống)

[191] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni và người nam. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị tỳ-kheo ni học trò của Bhaddāya Kāpilānī từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatti vì một công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy (nghĩ rằng): “*Đức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam một nam với một nữ đứng chung chuyện trò ở chỗ được che khuất*” nên đã cùng chính người nam ấy một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào cùng người nam một nam với một nữ đứng chung hoặc chuyện trò ở khoảng trống thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[192] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Khoảng trống nghĩa là không bị che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cột cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc là không bị che khuất bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng chung.

Một nam với một nữ: là chính người nam và vị tỳ-kheo ni.

(Hoặc) đứng chung: Vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc chuyện trò: Vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi lia khỏi tầm tay, vị ni đứng lại và

chuyện trò thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, với ma nam, với người nam vô căn, với thú đực dạng người thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[193] Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò lúc đang bận tâm chuyện khác, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

14. Điều học thứ tư (Đứng chuyện trò với người nam ở đường xá)

[194] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā cùng người nam một nam với một nữ đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ-kheo ni thứ nhì nữa.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ-kheo ni thứ nhì nữa?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā cùng người nam một nam với một nữ đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ-kheo ni thứ nhì nữa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại cùng người nam một nam với một nữ đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ-kheo ni thứ nhì nữa? Nay các

tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỷ-kheo, các tỷ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo ni nào ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ cùng người nam một nam với một nữ hoặc đứng chung, hoặc chuyện trò, hoặc thăm thì vào tai, hoặc đuổi đi vị tỷ-kheo ni thứ nhì thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[195] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đường có xe cộ nghĩa là đường có xe kéo hàng được đề cập đến.

Ngõ cụt nghĩa là họ đi vào bằng chính lối nào thì đi ra bằng chính lối đó.

Giao lộ nghĩa là nơi ngã tư đường được đề cập đến.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng với.

Một nam với một nữ: là chính người nam và vị tỷ-kheo ni.

Hoặc đứng chung: Vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc chuyện trò: Vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc thăm thì vào tai: vị ni nói vào lỗ tai của người nam thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc đuổi đi vị tỷ-kheo ni thứ nhì: vị ni có ý định hành xử sai nguyên tắc rồi đuổi đi vị tỷ-kheo ni thứ nhì thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi vị ni (kia) đang lia khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi đã lia khỏi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Sau khi lìa khỏi tầm tay, vị ni đứng lại và chuyện trò thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, với ma nam, với người nam vô căn, với thú đực dạng người thì phạm tội tác ác (dukkata).

[196] Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò lúc đang bận tâm chuyện khác, vị ni không có ý định hành xử sai nguyên tắc, vị ni đui đi vị tỳ-kheo ni thứ nhì khi có việc cần làm²¹, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

15. Điều học thứ năm (Rời khỏi nhà gia chủ không thông báo)

[197] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni nọ. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ là vị thường tới lui với các gia đình và là vị nhận bữa ăn thường kỳ của gia đình nọ. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ-kheo ni ấy đã mặc y cầm y bát rồi đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn rồi đã ra đi không thông báo chủ nhân. Người nữ nô tỳ của gia đình ấy trong lúc quét nhà đã bỏ chỗ ngồi ấy bên trong cái thùng. Trong khi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy, mọi người đã nói với tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Thưa ni sư, chỗ ngồi ấy đâu rồi?
- Này các đạo hữu, tôi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy.
- Thưa ni sư, hãy đưa ra chỗ ngồi ấy.

Họ đã chê trách và đã ngưng lại bữa ăn thường kỳ. Sau đó, những người ấy trong khi làm sạch sẽ nhà đã nhìn thấy chỗ ngồi ấy ở trong cái thùng nên đã xin lỗi vị tỳ-kheo ni ấy và thiết lập lại bữa ăn thường kỳ. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo chủ nhân?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo chủ nhân, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo chủ nhân vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo chủ nhân thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[198] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trước bữa ăn nghĩa là từ lúc mặt trời mọc cho đến giữa trưa.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: sau khi đã đến nơi ấy.

Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của ghế nệm lông thú được đề cập đến.

(Sau khi) ngồi xuống: sau khi ngồi xuống ở nơi ấy.

Ra đi không thông báo chủ nhân: không thông báo cho người có sự hiểu biết ở gia đình ấy. Trong khi vượt qua mái che mưa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Ở ngoài trời, trong khi vượt qua vùng lân cận thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[199] Khi chưa thông báo, nhận biết là chưa thông báo, vị ni ra đi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa thông báo, có sự hoài nghi, vị ni ra đi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa thông báo, (lâm) tưởng là đã thông báo, vị ni ra đi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không phải là chỗ của ghé nệm lông thú thì phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã thông báo, (lâm) tưởng là chưa thông báo, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã thông báo, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã thông báo, nhận biết là đã thông báo, thì vô tội.

[200] Vị ni đi có thông báo, ở chỗ ngồi không thể di động, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

16. Điều học thứ sáu (Nằm ngồi ở trong nhà không hỏi ý gia chủ)

[201] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi. Dân chúng trong khi khiếm tốn đối với tỳ-kheo ni Thullanandā nên không ngồi xuống cũng không nằm xuống. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao ni sư Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[202] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau bữa ăn nghĩa là khi đã quá giữa trưa cho đến khi mặt trời lặn.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: sau khi đã đến nơi ấy.

Không hỏi ý chủ nhân: không hỏi ý người có sự hiểu biết ở gia đình ấy.

Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của ghế nệm lông thú được đề cập đến.

Ngồi xuống: vị ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Nằm xuống: vị nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[203] Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không phải là chỗ của ghé nệm lông thú thì phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý, thì vô tội.

[204] Vị ni có hỏi ý rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi, ở chỗ được quy định thường xuyên, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

17. Điều học thứ bảy (Trải ra chỗ nằm ở trong nhà không hỏi ý gia chủ)

[205] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo ni trong khi đi đến thành Sāvatti trong xứ Kosala nhằm lúc chiều tối đã ghé vào ngôi làng nọ và đi đến gia đình Bà-la-môn nọ xin chỗ ngụ. Khi ấy, người nữ Bà-la-môn đã nói với các tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Nay các ni sư, hãy chờ đến khi ông Bà-la-môn về.

Các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): “Đến khi ông Bà-la-môn về” rồi sau khi trải ra đồ nằm một số đã ngồi xuống một số đã nằm xuống. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã trở về vào ban đêm và đã nói với người nữ Bà-la-môn điều này:

- Những cô này là ai?

- Thưa ông, là các tỳ-kheo ni.

- Mấy người hãy lôi những bà cạo đầu khả ố này ra.

Rồi đã cho người lôi ra khỏi nhà. Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã đi đến thành Sāvatti và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[206] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúc trời tối nghĩa là khi mặt trời đã lặn cho đến rạng đông.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: sau khi đã đến nơi ấy.

Không hỏi ý chủ nhân: không hỏi ý người có sự hiểu biết ở gia đình ấy.

Chỗ nằm nghĩa là ngay cả tấm trải nằm bằng lá.

(Sau khi) trải ra: sau khi tự mình trải ra.

(Sau khi) bảo trải ra: sau khi bảo người khác trải ra.

Ngồi xuống: vị ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Nằm xuống: vị nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[207] Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý, thì vô tội.

[208] Vị ni có hỏi ý sau đó trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

18. Điều học thứ tám (Than phiền với vị khác)

[209] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni học trò của Bhaddāya Kāpilānī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ-kheo ni học trò của Bhaddāya Kāpilānī phục vụ Bhaddāya Kāpilānī rất nghiêm chỉnh. Bhaddāya Kāpilānī đã nói với các tỳ-kheo ni điều này:

- Này các ni sư, tỳ-kheo ni này phục vụ tôi rất nghiêm chỉnh. Tôi sẽ cho cô này y.

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác rằng:

- Này ni sư, nghe nói tôi không phục vụ sư thầy nghiêm chỉnh. Nghe nói sư thầy sẽ không cho tôi y.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[210] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Do hiểu sai: do được hiểu cách khác.

Do xét đoán sai: do được xét đoán cách khác.

Vị khác: vị ni than phiền với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[211] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni than phiền thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni than phiền thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng chưa tu lên bậc trên, vị ni than phiền thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni than phiền với người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[212] Vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

19. Điều học thứ chín (Nguyên rửa bản thân và người khác)

[213] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân đã nói với tỳ-kheo ni Caṇḍakālī điều này:

- Này ni sư, ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không?

Tỳ-kheo ni Caṇḍakālī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Chẳng lẽ chính tôi là nữ đạo tặc sao? Chẳng lẽ chính tôi là kẻ không biết xấu hổ sao? Những ni sư nào trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân những vị ni ấy nói với tôi như vậy: “*Này ni sư, ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không?*” Này các ni sư, nếu tôi lấy đồ đạc của các cô, tôi không còn là nữ sa-môn, tôi bị tiêu hoại Phạm hạnh, tôi bị sanh vào địa ngục. Còn cô nào nói sai trái về tôi như thế, chính cô ấy hãy không còn là nữ sa-môn đi, hãy bị tiêu hoại Phạm hạnh đi, hãy bị sanh vào địa ngục đi.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Caṇḍakālī lại nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Caṇḍakālī nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Caṇḍakālī lại nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào nguyên rửa bản thân hoặc người khác về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[214] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bản thân: đối với cá nhân mình.

Người khác: vị ni nguyên rửa vị đã tu lên bậc trên về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội ung đối trị (*pācittiya*).

[215] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội ung đối trị (*pācittiya*).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội ung đối trị (*pācittiya*).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội ung đối trị (*pācittiya*).

Vị ni nguyên rửa về sự sanh làm loài thú hoặc về cảnh giới ngạ quỷ hoặc về sự phân số xui của loài người thì phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Vị ni nguyên rửa người nữ chưa tu lên bậc trên về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (*dukkaṭa*).

[216] Vị ni (nói để) đề cập đến ý nghĩa, vị ni (nói để) đề cập đến Pháp, vị ni (nói) nhắm đến sự giảng dạy, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

20. Điều học thứ mười (Tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc)

[217] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī sau khi gây gổ với các tỳ-kheo ni lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Caṇḍakālī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Caṇḍakālī tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Caṇḍakālī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[218] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chính mình: đối với cá nhân mình. Vị ni sau khi đánh đấm rồi khóc lóc thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya). Vị ni đánh không khóc lóc thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Vị ni khóc lóc không đánh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[219] Do sự mất mát về thân quyến, hoặc do sự mất mát về vật dụng, hoặc do sự bất hạnh vì bệnh hoạn, hoặc khi được hỏi đến vị ni khóc lóc không đánh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Bóng Tối là phần thứ nhì.

PHẦN LŨA THỂ

21. Điều học thứ nhất (Lũa thể tắm)

[220] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni tắm sông. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều tỳ-kheo ni lũa thể tắm chung với các cô điếm ở một bến tắm nơi giòng sông Aciravatī. Các cô điếm đã chế giễu các tỳ-kheo ni ấy rằng:

- Các bà đại đức ơi, vì điều gì mà các bà thực hành Phạm hạnh trong lúc đang còn trẻ vậy? Chớ không phải là các dục lạc nên được thỏa thích hay sao? Khi nào trở nên già cả, khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vớ được cả hai đầu mối.

Trong khi bị các cô điếm chế giễu, các tỳ-kheo ni ấy đã mắc cỡ. Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã đi về tu viện và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy sau khi thuyết Pháp thoại đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ-kheo ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(như trên)... và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào lũa thể tắm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[221] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Lũa thể tắm: vị ni không quán y hoặc không choàng y rồi tắm. Trong lúc thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi tắm xong thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[222] Vị ni có y (choàng tắm) bị cướp đoạt, hoặc vị ni có y (choàng tắm) bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

22. Điều học thứ nhì (Kích thước y choàng tắm)

[223] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, vài choàng tắm của các tỳ-kheo ni đã được đức Thế Tôn cho phép. Các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “*Vải choàng tắm đã được đức Thế Tôn cho phép*” rồi đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước. Các vị trong khi để lòng thông ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Trong khi cho thực hiện vải choàng tắm, vị tỳ-kheo ni nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thế. Nếu vượt quá mức ấy thì (vải choàng tắm) nên được cắt bớt và phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[224] **Vải choàng tắm** nghĩa là vật mà vị ni quấn vào rồi tắm.

Trong khi cho thực hiện: trong khi (tự) làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thế²². Nếu vị (tự) làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy thì phạm tội tác ác (dukkaṭa) trong lúc thực hiện. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội ung đối trị (pācittiya).

[225] Vị ấy tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong, vị ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong, vị ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ấy tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong, vị ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong, vị ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị tự làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Được làm bởi người khác, vị có được rồi sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[226] Vị ni làm theo kích thước, vị ni làm nhỏ hơn, do người khác làm quá kích thước sau khi có được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị ni làm mái che hoặc tấm lót nền hoặc khung màn chắn xung quanh hoặc nệm hoặc gối kê, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

23. Điều học thứ ba: (Tháo rời y của tỳ-khuru ni rồi không may lại)

[227] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, y bằng vải y đắt giá của vị tỳ-kheo ni nọ đã được làm xấu xí, đã được khâu vụng về. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Này ni sư, vải y này của cô tuyệt đẹp nhưng y đã được làm xấu xí, đã được khâu vụng về.

- Này ni sư, tôi tháo rời ra, có phải cô sẽ khâu lại?

- Này ni sư, đúng vậy. Tôi sẽ khâu lại.

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã tháo rời y ấy rồi đã trao cho tỳ-kheo ni Thullanandā. Tỳ-kheo ni Thullanandā (nghĩ rằng): “*Ta sẽ khâu lại, ta sẽ khâu lại*” nhưng không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ-kheo ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ-kheo ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ-kheo ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị tỳ-kheo ni, vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại vẫn không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[228] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị tỷ-kheo ni: của vị tỷ-kheo ni khác.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

Khi đã tháo rời: sau khi tự mình tháo rời.

(Sau khi) bảo tháo rời: sau khi bảo người khác tháo rời.

Vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại: khi trở ngại không có.

Vẫn không khâu lại: không tự mình khâu lại.

Không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại: không chỉ thị người khác.

Ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày: trừ ra trong bốn ngày hoặc năm ngày.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ không khâu lại, ta sẽ không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[229] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y sau đó không gặp trở ngại vẫn không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y sau đó không gặp trở ngại vẫn không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y sau đó không gặp trở ngại vẫn không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời vật phụ tùng khác sau đó không gặp trở ngại vẫn không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y hoặc vật phụ tùng khác của người nữ chưa tu lên bậc trên sau đó không gặp trở ngại vẫn không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

[230] Trong khi có trở ngại, vị ni đã tầm cầu nhưng không có được (thời gian), trong khi làm vị ni ấy vượt quá bốn ngày hoặc năm ngày, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

24. Điều học thứ tư (Xa y quá năm ngày):

[231] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni sau khi trao y tận tay của các tỳ-kheo ni rồi ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. Các y ấy được để lại lâu ngày trở nên mốc meo. Các tỳ-kheo ni đem phơi nắng các y ấy. Các tỳ-kheo ni đã nói với các tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Nay các ni sư, các y bị mốc meo này là của vị nào vậy?

Khi ấy, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni sau khi trao y tận tay của các tỳ-kheo ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni sau khi trao y tận tay của các tỳ-kheo ni rồi ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni sau khi trao y tận tay của các tỳ-kheo ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào trải qua năm ngày thiếu vắng y hai lớp (saṅghāṭi) thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[232] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trải qua năm ngày thiếu vắng y hai lớp (saṅghāṭi): trong năm ngày vị ni không quán hoặc không trùm hoặc không phơi nắng năm y, trải qua năm ngày thì phạm tội ung đối trị (pācittiya)²³.

[233] Khi đã trải qua năm ngày, nhận biết là đã trải qua, phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi đã trải qua năm ngày, có sự hoài nghi, phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi đã trải qua năm ngày, (lầm) tưởng là chưa trải qua, phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa trải qua năm ngày, (lầm) tưởng là đã trải qua, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi chưa trải qua năm ngày, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi chưa trải qua năm ngày, nhận biết là chưa trải qua, thì vô tội.

[234] Trong năm ngày vị ni quán hoặc trùm hoặc phơi nắng năm y, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

25. Điều học thứ năm (Mặc y căn bản của vị khác không hỏi ý)

[235] Câu chuyện về hai vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có tỳ-kheo ni nọ sau khi đi khát thực đã trải ra tấm y bị ẩm ướt rồi đi vào trong trú xá. Có vị tỳ-kheo ni khác đã choàng lên y ấy rồi đi vào làng để khát thực. Vị ni kia đi ra đã hỏi các tỳ-kheo ni rằng:

- Này các ni sư, các vị có nhìn thấy y của tôi không?

Các tỳ-kheo ni đã kể lại sự việc ấy cho vị tỳ-kheo ni ấy. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni trùm y của tôi mà không hỏi ý?

Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni trùm y của vị tỳ-kheo ni mà không hỏi ý?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni trùm y của vị tỳ-kheo ni mà không hỏi ý, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni trùm y của vị tỳ-kheo ni mà không hỏi ý vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo

ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sử dụng y căn bản (của vị ni khác) thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[236] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Y căn bản nghĩa là y nào đó trong năm y của người nữ đã tu lên bậc trên. Vị ni quán hoặc trùm y chưa được vị ni kia cho, hoặc chưa hỏi ý vị ni kia thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[237] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị sử dụng y căn bản thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị sử dụng y căn bản thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị sử dụng y căn bản thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni sử dụng y căn bản của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

[238] Vị ni kia cho, vị ni có hỏi ý vị ni kia rồi quán hoặc trùm lên, vị ni có y bị cướp đoạt, vị ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

26. Điều học thứ sáu (Ngăn cản lợi lộc về y của nhóm)

[239] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, tôi sẽ dâng y đến hội chúng tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã tạo chướng ngại (nói rằng):

- Các người có nhiều phận sự, có nhiều công việc cần phải làm.

Vào lúc bấy giờ, ngôi nhà của gia đình ấy bị cháy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao ni sư Thullanandā lại ngăn cản việc bố thí của chúng tôi khiến chúng tôi bị xa lìa cả hai là tài sản và phước báu?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại ngăn cản lợi lộc về y của nhóm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā ngăn cản lợi lộc về y của nhóm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại ngăn cản lợi lộc về y của nhóm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào ngăn cản lợi lộc về y của nhóm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[240] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Nhóm nghĩa là hội chúng tỷ-kheo ni được đề cập đến.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngăn cản: vị ngăn cản (hỏi rằng): “*Các người bố thí y này như thế nào?*” thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ngăn cản vật phụ tùng khác thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị ngăn cản y hoặc vật phụ tùng khác của nhiều vị tỷ-kheo ni hoặc của một vị tỷ-kheo ni hoặc của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[241] Vị ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

27. Điều học thứ bảy (Ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp)

[242] Câu chuyện về tỷ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có y ngoài hạn kỳ phát sanh đến hội chúng tỷ-kheo ni. Khi ấy, hội chúng tỷ-kheo ni có ý định phân chia y ấy nên tụ hội lại. Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni học trò của tỷ-kheo ni Thullanandā đang đi vắng. Tỷ-kheo ni Thullanandā đã nói với các tỷ-kheo ni ấy điều này:

- Nay các ni sư, các tỷ-kheo ni đang đi vắng, trong khi ấy y sẽ không được chia.

Rồi đã ngăn cản sự phân chia y. Các tỷ-kheo ni (nghĩ rằng): “*Trong khi ấy y sẽ không được chia*” nên đã ra đi. Đến khi các tỷ-kheo ni học trò trở về lại, tỷ-kheo ni Thullanandā đã bảo người phân chia y ấy. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[243] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự phân chia y đúng Pháp nghĩa là hội chúng tỳ-kheo ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi phân chia.

Ngăn cản: vị ngăn cản (hỏi rằng): “*Có thể phân chia y này như thế nào?*” thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[244] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ngăn cản thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ngăn cản thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (làm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ngăn cản thì vô tội.

Hành sự sai Pháp, (làm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, thì vô tội.

[245] Vị ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

28. Điều học thứ tám (Cho y của sa-môn đến người tại gia và ngoại đạo)

[246] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā cho y của sa-môn đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các người ảo thuật, các người đánh trống (bảo rằng):

- Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông.

Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các người ảo thuật, các người đánh trống đã nói lời khen ngợi về tỳ-kheo ni Thullanandā ở đám đông rằng:

- Ni sư Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại. Hãy dâng cho ni sư. Hãy phục vụ cho ni sư.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại cho y của sa-môn đến người nam tại gia?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā cho y của sa-môn đến người nam tại gia, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại cho y của sa-môn đến người nam tại gia vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo,

các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào cho y của sa-môn đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[247] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ-kheo và sa-di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ-kheo ni, vị ni tu tập sự, và sa-di ni.

Y của sa-môn nghĩa là đề cập đến việc làm thành được phép đã được thực hiện. Vị cho thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[248] Vị ni cho đến cha mẹ, vị ni cho mượn (trong thời hạn), vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

29. Điều học thứ chín (Để cho vượt quá thời hạn về y):

[249] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Thưa ni sư, nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng tỳ-kheo ni.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni sống qua mùa (an cư) mưa, có ý định phân chia y nên đã tụ họp lại. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với các tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Nay các ni sư, hãy chờ đợi. Có sự mong mỏi về y cho hội chúng tỳ-kheo ni.

Các tỳ-kheo ni đã nói với tỳ-kheo ni Thullanandā điều này:

- Nay ni sư, hãy đi và tìm hiểu về y ấy.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã đi đến gặp gia đình ấy, sau khi đến đã nói với những người ấy điều này:

- Nay các đạo hữu, hãy dâng y đến hội chúng tỳ-kheo ni.

- Thưa ni sư, chúng tôi không thể dâng y đến hội chúng tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi sự mong mỏi về y không chắc chắn lại để cho vượt quá thời hạn về y?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi sự mong mỏi về y không chắc chắn lại để cho vượt quá thời hạn về y, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi sự mong mỏi về y không chắc chắn lại để cho vượt quá thời hạn về y vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi sự mong mỏi về y không chắc chắn lại để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[250] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự mong mỏi về y không chắc chắn nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: “*Nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y.*”

Thời hạn về y nghĩa là khi Kaṭhina không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi Kaṭhina được thành tựu thì năm tháng.

Để cho vượt quá thời hạn về y: khi Kaṭhina không được thành tựu vì để cho vượt quá ngày cuối cùng của mùa mưa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Khi Kaṭhina được thành tựu vì để cho vượt quá ngày Kaṭhina hết hiệu lực thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[251] Khi y không chắc chắn, nhận biết là y không chắc chắn, vị để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi y không chắc chắn, có sự hoài nghi, vị để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội tác ác (dukkata).

Khi y không chắc chắn, (lầm) tưởng là được chắc chắn, vị để cho vượt quá thời hạn về y thì vô tội.

Khi y được chắc chắn, (lầm) tưởng là không chắc chắn, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi y được chắc chắn, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi y được chắc chắn, nhận biết là được chắc chắn, thì vô tội.

[252] Vị ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

30. Điều học thứ mười (Ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp)

[253] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Tuyên ngôn thâu hồi Kaṭhina

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có ngôi trú xá được dành cho hội chúng đã được người nam cư sĩ nọ cho xây dựng. Vào dịp lễ của ngôi trú xá ấy, người ấy có ý định dâng y ngoài hạn kỳ đến cả hai hội chúng. Vào lúc bảy giờ, kaṭhina của cả hai hội chúng đã được thành tựu. Khi ấy, người nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp hội chúng và cầu xin sự thâu hồi Kaṭhina. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy sau khi thuyết Pháp thoạt đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thâu hồi Kaṭhina. Và nay các tỳ-kheo, Kaṭhina nên được thâu hồi như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thâu hồi Kaṭhina. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng thâu hồi Kaṭhina. Đại đức nào đồng ý với việc thâu hồi Kaṭhina, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Kaṭhina đã được hội chúng thâu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

---o0o---

[254] Sự quy định

Sau đó, người nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp hội chúng tỳ-kheo ni và cầu xin sự thâu hồi Kaṭhina. Tỳ-kheo ni Thullanandā (nghĩ rằng): “*Sẽ có ý cho chúng ta*” nên đã ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina. Khi ấy, người nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni không cho sự thâu hồi Kaṭhina của chúng tôi?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được người nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[255] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là vị “*tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự thâu hồi Kaṭhina đúng Pháp nghĩa là hội chúng tỳ-kheo ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi thâu hồi.

Ngăn cản: vị ngăn cản (hỏi rằng): “*Có thể thâu hồi Kaṭhina này như thế nào?*” thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[256] Đúng Pháp, nhận biết là đúng Pháp, vị ngăn cản thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ngăn cản thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Đúng Pháp, (lầm) tưởng là sai Pháp, vị ngăn cản thì vô tội.

Sai Pháp, (lầm) tưởng là đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Sai Pháp, nhận biết là sai Pháp, thì vô tội.

[257] Vị ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Lõa thể là phần thứ ba.

PHẦN DÙNG CHUNG

31. Điều học thứ nhất (Hai tỳ-kheo ni nằm chung trên một chiếc giường)

[258] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni hai (người) nằm chung trên một chiếc giường. Dân chúng trong lúc dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni hai (người) lại nằm chung trên một chiếc giường, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni hai (người) lại nằm chung trên một chiếc giường?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni hai (người) nằm chung trên một chiếc giường, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni hai (người) lại nằm chung trên một chiếc giường vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Các tỳ-kheo ni nào hai (người) nằm chung trên một chiếc giường thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[259] **Các vị (ni) nào:** là bất cứ các vị (ni) nào ...(như trên)...

Các tỳ-kheo ni: các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Hai (người) nằm chung trên một chiếc giường: khi một vị ni đang nằm vị ni kia nằm xuống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Hoặc cả hai cùng nằm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi đứng dậy rồi cùng nằm xuống lại thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[260] Khi một vị ni đang nằm thì vị kia ngồi, hoặc cả hai đều ngồi, các vị ni bị điên, các vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

32. Điều học thứ nhì (Hai tỳ-kheo ni nằm chung tấm trải tấm đắp)

[261] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni hai (người) nằm chung tấm trải tấm đắp²⁴. Dân chúng trong lúc dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni hai (người) lại nằm chung tấm trải tấm đắp, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni hai (người) lại nằm chung tấm trải tấm đắp?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni hai (người) nằm chung tấm trải tấm đắp, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni hai (người) lại nằm chung tấm trải tấm đắp vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo

ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Các tỳ-kheo ni nào hai (người) nằm chung tấm trải tấm đắp thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[262] **Các vị (ni) nào:** là bất cứ các vị (ni) nào ...(như trên)...

Các tỳ-kheo ni: các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Hai (người) nằm chung tấm trải tấm đắp: sau khi trải ra bằng chính tấm ấy họ lại đắp bằng chính tấm ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[263] Chung tấm trải tấm đắp, nhận biết chung tấm trải tấm đắp, hai vị dùng chung thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Chung tấm trải tấm đắp, có sự hoài nghi, hai vị dùng chung thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Chung tấm trải tấm đắp, (lầm) tưởng là khác tấm trải tấm đắp, hai vị dùng chung thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Chung tấm trải, khác tấm đắp thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khác tấm trải, chung tấm đắp thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khác tấm trải tấm đắp, (lầm) tưởng là chung tấm trải tấm đắp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khác tấm trải tấm đắp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khác tấm trải tấm đắp, nhận biết là khác tấm trải tấm đắp, thì vô tội.

[264] Sau khi chỉ rõ sự sắp xếp²⁵ rồi (cả hai) nằm xuống, các vị ni bị điên, các vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

33. Điều học thứ ba: (Cố ý quấy rầy vị tỳ-khuru ni)

[265] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp

thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại và được xem là nổi bật. Dân chúng (nghĩ rằng): “*Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại và được xem là nổi bật*” nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên sau đó mới thăm viếng tỳ-kheo ni Thullanandā. Tỳ-kheo ni Thullanandā có bản chất ganh tỵ (nghĩ rằng): “*Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo có nhiều sự khuếch trương*” rồi đi tới lui, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi đọc tụng, rồi bảo đọc tụng, rồi học bài ở phía trước Bhaddā Kāpilānī.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại cố ý quấy rầy ni sư Bhaddā Kāpilānī?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào cố ý quấy rầy vị tỳ-kheo ni thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[263] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ-kheo ni: là vị tỳ-kheo ni khác.

Cố ý: sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Quấy rầy: Vị ni (nghĩ rằng): “*Do việc này sự không thoải mái sẽ có cho người này*” không hỏi ý rồi đi tới lui, hoặc đứng lại, hoặc ngồi xuống, hoặc nằm xuống, hoặc đọc tụng, hoặc bảo đọc tụng, hoặc học bài ở phía trước thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[267] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni cố ý quấy rầy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni cố ý quấy rầy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni cố ý quấy rầy thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkāṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkāṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkāṭa).

[268] Không có ý định quấy rầy, hỏi ý rồi đi tới lui hoặc đứng lại hoặc ngồi xuống hoặc nằm xuống hoặc đọc tụng hoặc bảo đọc tụng hoặc học bài ở phía trước, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

34. Điều học thứ tư (Không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau)

[269] Câu chuyện về tỳ-khưu ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[270] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị ốm đau nghĩa là bị bệnh.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Không chăm sóc: không tự mình chăm sóc.

Không nỗ lực kiếm người chăm sóc: không chỉ thị người khác. (Nghĩ rằng): “*Ta sẽ không chăm sóc cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya). Vị không chăm sóc người nữ học trò hoặc người nữ chưa tu lên bậc trên cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội tác ác (dukkata).

[271] Trong khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm không có được (người chăm sóc), vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

35. Điều học thứ năm (Lôi kéo vị tỳ-khưu ni ra khỏi nơi trú ngụ)

[272] Câu chuyện về tỳ-khưu ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Bhaddā Kāpilānī đã vào mùa (an cư) mưa ở thành Sāketa. Vị ni ấy vì công việc cần làm nào đó đã phái người đưa tin đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā (nhấn răng):

- Nếu ni sư Thullanandā có thể cho tôi chỗ trú ngụ thì tôi có thể đi đến Sāvatti.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói như vậy:

- Hãy đi đến, tôi sẽ cho.

Sau đó, Bhaddā Kāpilānī đã từ thành Sāketa đi đến thành Sāvatti. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ.

Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại, và được xem là nổi bật. Dân chúng (nghĩ rằng): “Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại, và được xem là nổi bật” nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên sau đó mới thăm viếng tỳ-kheo ni Thullanandā. Tỳ-kheo ni Thullanandā có bản chất ganh tỵ (nghĩ rằng): “Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo có nhiều sự khuếch trương” rồi đã nổi giận bất bình lôi kéo Bhaddā Kāpilānī ra khỏi chỗ trú ngụ. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sau khi đã cho vị tỳ-kheo ni chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[273] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Đến) vị tỳ-kheo ni: đến vị tỳ-kheo ni khác.

Chỗ trú ngụ nghĩa là có gắn liền với cánh cửa được đề cập đến.

Sau khi đã cho: sau khi tự mình cho.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bực bội, sanh khởi lòng cay cú.

Lôi kéo ra: Sau khi nắm lấy ở trong phòng rồi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi nắm lấy ở phía trước rồi lôi kéo ra bên ngoài thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Với một lần ra sức, mặc dầu làm (vị kia) vượt qua nhiều cánh cửa vẫn phạm (một) tội ung đối trị (pācittiya).

Bảo lôi kéo ra: vị ra lệnh người khác thì phạm tội tác ác (dukkata). Được ra lệnh một lần, mặc dầu (vị kia) vượt qua nhiều cánh cửa (vị ra lệnh) vẫn phạm (một) tội ung đối trị (pācittiya).

[274] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni sau khi đã cho chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo rathì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni sau khi đã cho chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo rathì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni sau khi đã cho chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo rathì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo rakhỏi chỗ không gắn liền với cánh cửa thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị ni lôi kéo hoặc bảo lôi kéo người nữ chưa tu lên bậc trên ra khỏi chỗ có gắn liền với cánh cửa hoặc không gắn liền với cánh cửa thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của cô ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

[275] Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vị ni không biết hổ thẹn, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni ấy; vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vị ni bị điên, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni ấy; vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vị ni thường gây nên các sự xung đột, ... vị ni thường gây nên sự cãi cọ, ... vị ni thường gây nên sự tranh luận, ... vị ni thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, ... vị ni thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni ấy; vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra người đệ tử hoặc người học trò không thực hành phận sự đúng đắn, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni ấy; vị ni bị điên; vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

36. Điều học thứ sáu (Sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ)

[276] Câu chuyện về tỳ-khưu ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Caṇḍakālī sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Caṇḍakālī lại sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Caṇḍakālī sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Caṇḍakālī lại sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sống thân cận với nam gia chủ hoặc với con trai gia chủ, vị tỳ-kheo ni ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo ni như sau: ‘Này ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ. Này ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của sư tỳ.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo ni mà vị tỳ-kheo ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị tỳ-kheo ni ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế là điều tốt; nếu không dứt bỏ thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).’*”

---o0o---

[277] Giải nghĩa từ ngữ. Tuyên ngôn nhắc nhở

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Sống thân cận: sống thân cận với (hành động thuộc về) thân và khẩu không đúng đắn.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Con trai của gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

[278] **Vị tỷ-kheo ni ấy:** vị ni nào sống thân cận là vị tỷ-kheo ni ấy.

Bởi các tỷ-kheo ni: bởi các tỷ-kheo ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “*Này ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ. Này ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của sư tỷ.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “*Này ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ. Này ni sư, hãy tự tách riêng ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của sư tỷ.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế là điều tốt; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[279] Vị tỷ-kheo ni ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỷ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“*Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo ni này tên (như vậy) sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.*”

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo ni này tên (như vậy) sống thân cận với nam gia chủ với con trai gia chủ. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỷ-kheo ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[280] Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkāṭa). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkāṭa). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[281] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkāṭa).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkāṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkāṭa).

[282] Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

37. Điều học thứ bảy (Đi du hành trong quốc độ có sự nguy hiểm và kinh hoàng)

[283] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm như. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[284] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở trong quốc độ: vị ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào tức là trong quốc độ của người ấy.

Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng (như thế) Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo từng khoảng cách nửa yojana26 .

[285] Vị ni đi cùng với đoàn xe, vị ni đi trong vùng an toàn không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

38. Điều học thứ tám (Đi du hành ngoài quốc độ (ở nơi) có sự nguy hiểm và kinh hoàng)

[286] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đi du hành không cùng với đoàn xe bên ngoài quốc độ (ở nơi) được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm như. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe bên ngoài quốc độ (ở nơi) được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni đi du hành không cùng với đoàn xe bên ngoài quốc độ (ở nơi) được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe bên ngoài quốc độ (ở nơi) được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe bên ngoài quốc độ (ở nơi) được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[287] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bên ngoài quốc độ: vị ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào thì trừ ra khu vực ấy, ở quốc độ của người khác.

Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya) theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng (như thế) Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya) theo từng khoảng cách nửa yojana.

[288] Vị ni đi cùng với đoàn xe, vị ni đi trong vùng an toàn không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

39. Điều học thứ chín (Đi du hành trong mùa (an cư) mưa):

[289] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đi du hành trong mùa (an cư) mưa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành trong mùa (an cư) mưa? Các vị đang dẫn đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi.

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành trong mùa (an cư) mưa?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni đi du hành trong mùa (an cư) mưa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại đi du hành trong mùa (an cư) mưa vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi du hành trong mùa (an cư) mưa thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[290] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong mùa (an cư) mưa: sau khi đã không sống (an cư) ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau.

Đi du hành: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng (như thế) Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo từng khoảng cách nửa yojana.

[285] Vị ni đi vì công việc cần làm trong bảy ngày, vị ni đi khi bị quấy rối bởi một điều nào đó, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

40. Điều học thứ mười (Sau mùa an cư không ra đi du hành)

[292] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni ở thành Rājagaha. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đã sống mùa mưa ở ngay tại nơi ấy trong thành Rājagaha, đã sống mùa lạnh ở ngay tại nơi ấy, đã sống mùa nóng ở ngay tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các hướng đi của các tỳ-kheo ni bị tắt nghẽn, tăm tối. Các hướng đi không còn được các vị ni này nhận ra nữa.

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ-kheo ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(như trên)... nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni đã sống qua mùa (an cư) mưa mà không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do tuần thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[293] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã sống qua mùa (an cư) mưa nghĩa là đã sống (an cư) ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau.

Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do tuần,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[294] Khi có trường hợp nguy hiểm, vị ni tìm kiếm nhưng không có được vị tỷ-kheo ni thứ hai, vị ni bị bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Dừng Chung là phần thứ tư.

PHẦN NHÀ TRIỂN LÃM TRANH

41. Điều học thứ nhất (Đi để xem nhà triển lãm tranh)

[295] Câu chuyện về các tỷ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tranh ảnh gọi cảm được thực hiện ở nhà triển lãm tranh nơi công viên của đức vua Pasenadi xứ Kosala. Nhiều người đi để xem nhà triển lãm tranh. Các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư cũng đã đi để xem nhà triển lãm tranh. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỷ-kheo ni lại đi để xem nhà triển lãm tranh, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỷ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển lãm tranh?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư đi để xem nhà triển lãm tranh, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển lãm tranh vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi để xem hí viện của đức vua hoặc nhà triển lãm tranh hoặc khu vườn hoặc công viên hoặc hồ sen thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[296] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hí viện của đức vua nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho đức vua giải trí và hưởng lạc.

Nhà triển lãm tranh nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Khu vườn nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Công viên nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Hồ sen nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Vị ni đi để xem thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của quang cảnh, vị lại nhìn nữa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị đi để xem mỗi một nơi thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của quang cảnh, vị lại nhìn nữa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[297] Vị ni đứng ở trong tu viện nhìn thấy, vị ni nhìn thấy trong khi đi ra hoặc đi về lại, khi có việc cần phải làm vị ni đi rồi nhìn thấy, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

42. Điều học thứ nhì (Sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú)

[298] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sử dụng ghế cao hoặc ghế nệm lông thú thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[299] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Ghế cao nghĩa là sự vượt quá kích thước được đề cập đến.

Ghế nệm lông thú nghĩa là được thực hiện với các lông thú đã được mang lại.

Sử dụng: vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội ung đối trị (*pācittiya*).

[300] Vị ni sử dụng sau khi đã cắt các chân của ghế cao, vị ni sử dụng sau khi đã hủy bỏ các lông thú của ghế nệm lông thú, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

43. Điều học thứ ba: (Xe chỉ sợi)

[301] Câu chuyện về các tỷ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư xe chỉ sợi. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỷ-kheo ni lại xe chỉ sợi, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỷ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại xe chỉ sợi?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni xe chỉ sợi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại xe chỉ sợi vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào xe chỉ sợi thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[302] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỉ sợi nghĩa là có sáu loại chỉ sợi: loại bằng sợi lanh (khomaṃ), loại bằng bông vải (kappāsikaṃ), loại bằng tơ lụa (koseyyaṃ), loại bằng sợi len (kambalaṃ), loại bằng gai thô (sāṇaṃ)-, loại bằng chỉ bố (bhaṅgaṃ).

Xe (chỉ): vị ni tự mình xe (chỉ). Khi khởi sự thì phạm tội tác ác (dukkaṭa), mỗi một vòng quay thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) .

[303] Vị ni xe lại chỉ sợi đã được xe (không tốt hoặc bị đứt), vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

44. Điều học thứ tư (Phục vụ người tại gia)

[304] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni phục vụ người tại gia. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại phục vụ người tại gia?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni phục vụ người tại gia, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại phục vụ người tại gia vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào phục vụ người tại gia thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

---o0o---

45. Điều học thứ năm (Không giải quyết sự tranh tụng)

Vị (ni) nào: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Phục vụ người tại gia nghĩa là vị ni nấu cháo hoặc bữa ăn hoặc vật thực loại cứng hoặc giặt tấm vải choàng hoặc khăn đội đầu cho người tại gia thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

---o0o---

[306] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Trường hợp nước cháo khi có bữa thọ thực của hội chúng, khi cúng dường bảo tháp, vị ni nấu cháo hoặc bữa ăn hoặc vật thực loại cứng hoặc giặt tấm vải choàng hoặc khăn đội đầu cho người phục vụ của bản thân, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

PHẦN NHÀ TRIỂN LÃM TRANH - ĐIỀU HỌC THỨ NĂM:

[307] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā và nói điều này:

- Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này.

Tỳ-kheo ni Thullanandā đã trả lời rằng:

- Tốt thôi!

Rồi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi được vị tỳ-kheo ni nói rằng: “*Thura ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này*” đã trả lời rằng: “*Tốt thôi!*” lại không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi được vị tỳ-kheo ni nói rằng: “*Thura ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này*” đã trả lời rằng: “*Tốt thôi!*” rồi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi được vị tỳ-kheo ni nói rằng: “*Thura ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này*” đã trả lời rằng: “*Tốt thôi!*” lại không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi được nói bởi vị tỳ-kheo ni rằng: ‘Thura ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ Vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại vẫn không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết thì phạm tội ung đốị trị (pācittiyaṃ).*”

[308] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bởi vị tỳ-kheo ni: bởi vị tỳ-kheo ni khác.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Thura ni su, hã y đ ến. Hã y giã i quy ết s ự tranh t ụng này: Thura ni su, hã y đ ến. Hã y x ết x ử s ự tranh t ụng này.

Vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại: khi không có trở ngại.

Không giải quyết: không tự mình giải quyết.

Không nỗ lực cho việc giải quyết: không chỉ thị cho vị khác. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[309] Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni không giải quyết sự tranh tụng cũng không nỗ lực cho việc giải quyết thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni không giải quyết sự tranh tụng cũng không nỗ lực cho việc giải quyết thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni không giải quyết sự tranh tụng cũng không nỗ lực cho việc giải quyết thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[310] Khi có trường hợp trở ngại, vị ni tìm kiếm nhưng không đạt được (cơ hội), vị ni bị bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

46. Điều học thứ sáu (Cho vật thực đến người tại gia)

[311] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các người ảo thuật, các người đánh trống (nói rằng):

- Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông.

Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các người ảo thuật, các người đánh trống đã nói lời khen ngợi về tỳ-kheo ni Thullanandā ở đám đông rằng:

- Ni sư Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về thuyết Pháp thoại. Hãy dâng cho ni sư. Hãy phục vụ cho ni sư.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến người nam tại gia?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến người nam tại gia, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến người nam tại gia vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[312] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là vị “*tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỷ-kheo và sa-di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỷ-kheo ni, cô ni tu tập sự, và sa-di ni.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tắm xĩa răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, súp, bánh, cá, thịt.

Cho: vị ni cho bằng thân hoặc bằng vật được gắn liền với thân hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ni cho nước uống và tắm xĩa răng thì phạm tội tác ác (dukkata).

[313] Vị ni bảo (người khác) cho không (tự mình) cho, vị ni cho sau khi đã để gần bên, vị ni cho vật thoa bên ngoài, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

47. Điều học thứ bảy (Sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ)

[314] Câu chuyện về tỷ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỷ-kheo ni Thullanandā sử dụng y nội trợ (āvasathacīvaraṃ) không chịu xả bỏ; các vị ni khác đến thời kỳ không có được (để sử dụng). Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[315] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Y nội trợ nghĩa là đã được bỏ thí (nói rằng): “*Các tỳ-kheo ni đến thời kỳ hãy sử dụng.*”

Sử dụng không chịu xả bỏ: vị ni sau khi sử dụng trong hai ba đêm, sau khi giặt vào ngày thứ tư, vẫn sử dụng không chịu xả bỏ cho vị tỳ-kheo ni, hoặc cô ni tu tập sự, hoặc vị sa-di ni thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[316] Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị sử dụng thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa xả bỏ, (lầm) tưởng là đã xả bỏ, vị sử dụng thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi đã xả bỏ, (lầm) tưởng là chưa xả bỏ, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ, thì vô tội.

[317] Sau khi đã xả bỏ rồi sử dụng, vị ni sử dụng khi đến phiên lần nữa, các tỳ-kheo ni khác đến thời kỳ không có, vị ni có y bị cướp đoạt, vị ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

48. Điều học thứ tám (Ra đi du hành khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ)

[318] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi không xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi du hành. Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ của tỳ-kheo ni Thullanandā bị cháy. Các tỳ-kheo ni đã nói như vậy:

- Này các ni sư, chúng ta hãy mang đồ đạc ra ngoài đi.

Một số vị ni đã nói như vậy:

- Này các ni sư, chúng ta sẽ không mang ra ngoài. Bất cứ vật gì bị hư hỏng, tất cả sẽ không có liên quan đến chúng ta.

Tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi quay trở về lại chỗ trú ngụ ấy đã hỏi các tỳ-kheo ni rằng:

- Này các ni sư, các cô có mang đồ đạc ra ngoài không?

- Này ni sư, chúng tôi đã không mang ra ngoài.

Tỳ-kheo ni Thullanandā phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni trong khi chỗ trú ngụ bị cháy lại không mang đồ đạc ra ngoài?

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi du hành?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi du hành, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi du hành vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ mà ra đi du hành thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[319] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ trú ngụ nghĩa là có gắn cánh cửa được đề cập đến.

Khi chưa xả bỏ mà ra đi du hành: Sau khi chưa xả bỏ cho vị tỳ-kheo ni, hoặc cô ni tu tập sự, hoặc vị sa-di ni, trong khi vượt qua hàng rào của chỗ trú ngụ được rào lại vị ni phạm tội ung đối trị (pācittiya). Trong khi vượt qua vùng phụ cận của chỗ trú ngụ không được rào lại, vị ni phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[320] Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị ra đi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị ra đi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa xả bỏ, (làm) tưởng là đã xả bỏ, vị ra đi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni ra đi khi chưa xả bỏ chỗ không có gắn cánh cửa thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã xả bỏ, (làm) tưởng là chưa xả bỏ, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ, thì vô tội.

[321] Sau khi đã xả bỏ rồi ra đi, khi có sự nguy hiểm, sau khi tìm kiếm (người đề trông nom chỗ trú ngụ) nhưng không có, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

49. Điều học thứ chín (Học tập kiến thức nhằm nhí)

[322] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhằm nhí (tiracchānavijjaṃ). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại học tập kiến thức nhằm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhằm nhí?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhằm nhí, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhằm nhí vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-

kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào học tập kiến thức nhằm nhĩ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[323] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Kiến thức nhằm nhĩ nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài (thế tục) không liên hệ mục đích.

Học tập: vị ni học tập theo câu thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo từng câu. Vị ni học tập theo âm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo từng âm.

[324] Vị ni học tập chữ viết, vị ni học tập sự ghi nhớ (thuộc lòng), vị ni học tập kinh paritta để hộ thân, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

50. Điều học thứ mười (Dạy kiến thức nhằm nhĩ)

[325] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhằm nhĩ (tiracchānavijjaṃ). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại dạy kiến thức nhằm nhĩ, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhằm nhĩ?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhằm nhĩ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhằm nhĩ vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào dạy kiến thức nhằm nhĩ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[326] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Kiến thức nhằm nhĩ nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài (thế tục) không liên hệ mục đích.

Học tập: vị ni dạy theo câu thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo từng câu. Vị ni dạy theo âm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya) theo từng âm.

[327] Vị ni dạy chữ viết, vị ni dạy sự ghi nhớ (thuộc lòng), vị ni dạy kinh paritta đề hộ thân, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Nhà Triển Lãm Tranh là phần thứ năm.

PHẦN TU VIỆN

51. Điều học thứ nhất (Đi vào tu viện không báo trước)

[328] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định lần thứ nhất.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo chỉ mặc có một y đang làm công việc may y ở trú xứ là thôn làng. Các tỳ-kheo ni không báo trước đã đi vào tu viện rồi đi đến gặp các tỳ-kheo ấy. Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni khi chưa báo trước lại đi vào tu viện?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni khi chưa báo trước lại đi vào tu viện, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni khi chưa báo trước lại đi vào tu viện vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào chưa báo trước mà đi vào tu viện thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[329] Sự quy định thêm lần thứ nhất. Sự quy định thêm lần thứ nhì.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ấy đã rời khỏi trú xứ ấy. Các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): “*Các ngài đại đức đã đi khỏi*” nên đã không đi đến tu viện. Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): “*Các ngài đại đức đã đi đến*” nên đã báo trước rồi đi vào tu viện và đã đi đến gặp các tỳ-kheo ấy, sau khi đến đã đánh lễ các tỳ-kheo ấy rồi đứng ở một bên. Các tỳ-kheo ấy đã nói với các tỳ-kheo ni ấy đang đứng một bên điều này:

- Nay các sư tỳ, tại sao các vị lại không quét tu viện cũng không đem lại nước uống nước rửa?

- Thưa các ngài đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: “*Khi chưa báo trước không được đi vào tu viện;*” vì thế chúng tôi đã không đến.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đi vào tu viện có báo trước vị tỳ-kheo hiện hiện. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào chưa báo trước vị tỳ-kheo hiện diện mà đi vào tu*

viện thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

[330] Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ-kheo ấy sau khi đi khỏi trú xứ ấy đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): “*Các ngài đại đức đã đi đến*” nên đã đi vào tu viện không báo trước. Sự ngần ngại đã khởi lên cho các vị ni ấy: “*Điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: ‘Chưa báo trước vị tỳ-kheo hiện diện không được đi vào tu viện;’ chúng ta chưa báo trước vị tỳ-kheo hiện diện đã đi vào tu viện, phải chăng chúng ta đã phạm tội pācittiya?’*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

...(như trên)...

- Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào biết tu viện có tỳ-kheo chưa báo trước lại đi vào thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[331] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ni ấy, hoặc các vị (tỳ-kheo) ấy thông báo.

Tu viện có tỳ-kheo nghĩa là nơi nào các tỳ-kheo cư ngụ cho dù ở gốc cây.

Chưa báo trước lại đi vào tu viện: khi chưa báo trước vị tỳ-kheo hoặc vị sa-di hoặc người phụ việc chùa, trong khi vượt qua hàng rào của tu viện được rào lại vị ni phạm tội ung đối trị (pācittiya). Trong khi đi vào vùng phụ cận của tu viện không được rào lại vị ni phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[332] Có tỳ-kheo, nhận biết là có tỳ-kheo, vị ni đi vào tu viện khi chưa báo trước vị tỳ-kheo hiện diện thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Có tỳ-kheo, có sự hoài nghi, vị ni đi vào tu viện khi chưa báo trước vị tỳ-kheo hiện diện thì phạm tội tác ác (dukkata).

Có tỳ-kheo, (lầm) tưởng không có tỳ-kheo, vị ni đi vào tu viện khi chưa báo trước vị tỳ-kheo hiện diện thì vô tội.

Không có tỳ-kheo, (lầm) tưởng là có tỳ-kheo, phạm tội tác ác (dukkata).

Không có tỳ-kheo, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Không có tỳ-kheo, nhận biết là không có tỳ-kheo, thì vô tội.

[333] Vị ni đi vào có báo trước vị tỳ-kheo hiện diện, vị ni đi vào không có báo trước khi không có vị tỳ-kheo hiện diện, vị ni đi nhìn theo đầu (các vị ni đi vào trước), vị ni đi vào nơi các tỳ-kheo ni đang tụ hội, con đường băng ngang qua tu viện, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

52. Điều học thứ nhì (Mắng nhiếc hoặc nguyên rủa tỳ-khuru)

[334] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana (Đại Lâm), giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bảy giờ, thầy tế độ của đại đức Upālī là đại đức Kappitaka²⁷ ngự ở mộ địa. Vào lúc bảy giờ, vị tỳ-kheo ni trưởng thượng trong số các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư qua đời. Các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã đưa (thi thể) vị tỳ-kheo ni ấy đi rồi thiêu xác ấy ở nơi không xa trú xá của đại đức Kappitaka. Các vị ni sau khi làm bảo tháp thường đi đến nơi bảo tháp ấy khóc lóc. Khi ấy, đại đức Kappitaka bị quấy rầy bởi tiếng khóc ấy nên đã đập vỡ bảo tháp ấy rồi phá hủy (vật liệu xây dựng). Các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã hội ý rằng:

- Kappitaka này đã phá vỡ bảo tháp của ni sư chúng ta, chúng ta hãy giết lão đi.

Có tỳ-kheo ni nọ đã kể lại sự việc ấy cho đại đức Upālī. Đại đức Upālī đã kể lại sự việc ấy cho đại đức Kappitaka. Sau đó, đại đức Kappitaka đã rời khỏi trú xá rồi ẩn nấp chờ đợi. Khi ấy, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã đi đến trú xá của đại đức Kappitaka, sau khi đến đã làm cho trú xá của đại đức Kappitaka bị bao trùm bởi những hòn đá và đất cục rồi bỏ đi (nghĩ rằng): “*Kappitaka đã chết!*” Sau đó khi đã trải qua đêm ấy, vào buổi sáng đại đức Kappitaka đã mặc y cầm y bát đi vào thành Vesālī để khát thực. Các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã nhìn thấy đại đức Kappitaka đang đi khát thực, sau khi thấy đã nói như vậy:

- Kappitaka này còn sống. Vậy ai đã tiết lộ kế hoạch của chúng ta?

Các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã nghe được rằng: “*Nghe nói kế hoạch của chúng ta đã bị tiết lộ bởi ngài đại đức Upāli.*” Các vị ni ấy đã mắng nhiếc đại đức Upāli rằng:

- Tại sao gã thợ cạo lau chùi bụi bặm và dòng dãi hạ tiện này lại tiết lộ kế hoạch của chúng tôi?

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại mắng nhiếc ngài đại đức Upāli?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư mắng nhiếc Upāli, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại mắng nhiếc Upāli vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào mắng nhiếc hoặc nguyền rủa vị tỳ-kheo thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[335] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ-kheo: là người nam đã tu lên bậc trên.

(Hoặc) mắng nhiếc: (hoặc là) vị mắng nhiếc theo mười cách thức của sự mắng nhiếc²⁸ hoặc với bất cứ điều nào của những điều này thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hoặc nguyên rửa: vị gây ra sự sợ hãi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[336] Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni mắng nhiếc hoặc nguyên rửa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni mắng nhiếc hoặc nguyên rửa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nam đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni mắng nhiếc hoặc nguyên rửa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị mắng nhiếc hoặc nguyên rửa người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkata).

Người nam chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội tác ác (dukkata).

[337] Vị ni (nói để) đề cập đến ý nghĩa, vị ni (nói để) đề cập đến Pháp, vị ni (nói) nhằm đến sự giảng dạy, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

53. Điều học thứ ba: (Bị kích động rồi chửi rửa nhóm)

[338] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī là vị ni thường gây nên các sự xung đột, gây nên các sự cãi cọ, gây nên các sự tranh luận, gây nên các sự nói chuyện nhằm nhí, và gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong khi thực hiện hành sự cho vị ni ấy, tỳ-kheo ni Thullanandā phản đối.

[339] Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, hội chúng tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): “*Tỳ-kheo ni Thullanandā đã đi vắng*” nên đã phạt án treo tỳ-kheo ni Caṇḍakālī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng đã trở về lại thành Sāvatti. Trong khi tỳ-kheo ni Thullanandā đi về, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī đã không sắp xếp chỗ ngồi, không đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với tỳ-kheo ni Caṇḍakālī điều này:

- Này cô ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống vậy?

- Thưa ni sư, bởi vì sự việc ấy là như vậy; giống như người không được sự quan tâm.

- Này cô ni, vì sao cô lại không được sự quan tâm?

- Thưa ni sư, các tỳ-kheo ni này (nói rằng): “*Cô này không được sự quan tâm lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối*” rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội.

Tỳ-kheo ni Thullanandā (nói rằng): “*Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự*” bị kích động rồi chửi rửa nhóm. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā bị kích động rồi chửi rửa nhóm?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā bị kích động rồi chửi rửa nhóm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā bị kích động rồi chửi rửa nhóm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bị kích động rồi chửi rửa nhóm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[340] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị kích động nghĩa là sự giận dữ được đề cập đến.

Nhóm nghĩa là hội chúng tỳ-kheo ni được đề cập đến.

Chửi rửa: vị ni chửi rửa rằng: “*Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự*” thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ni chửi rửa nhiều vị tỳ-kheo ni hoặc một vị tỳ-kheo ni hoặc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[341] Vị ni (nói đề) đề cập đến ý nghĩa, vị ni (nói đề) đề cập đến Pháp, vị ni (nói) nhắm đến sự giảng dạy, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

54. Điều học thứ tư (Thọ thực xong lại thọ thực ở nơi khác):

[342] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các tỳ-kheo ni. Khi thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm), các tỳ-kheo ni đã đi đến các gia đình của các thân quyến rồi một số vị ni đã thọ thực thêm, một số vị ni đã nhận lấy đồ khát thực rồi đi. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này:

- Nay quý ông, các tỳ-kheo ni đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông.

Những người ấy đã nói như vậy:

- Nay ông, ông sẽ làm hài lòng chúng tôi cách nào? Ngay cả những vị ni đã được ông thỉnh mời lại còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số vị ni đã thọ thực thêm, một số vị ni đã nhận lấy đồ khát thực rồi đi.

Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni sau khi thọ thực trong nhà của chúng tôi lại thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[343] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được thỉnh mời nghĩa là được thỉnh mời với một món vật thực nào của năm món vật thực.

Đã từ chối (vật thực dâng thêm) nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, (thí chủ) đứng trong tầm tay (1 mét 25) dâng lên (vật thực) được ghi nhận, (vật thực) đã bị từ chối được ghi nhận.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, súp, bánh, cá, thịt. (Nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn*” rồi thọ lãnh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[344] Khi đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

Khi đã được thỉnh mời, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội pācittiya.

Khi đã được thỉnh mời, (lầm) tưởng là chưa được thỉnh mời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội pācittiya.

Vị ni nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[345] Vị ni đã được thỉnh mời nhưng chưa từ chối (vật thực dâng thêm), vị ni uống cháo, vị ni hỏi trước chủ nhân rồi thọ thực, vị ni thọ dụng vật dùng đến hết đêm vật dùng trong bảy ngày vật dùng suốt đời khi có duyên cớ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

55. Điều học thứ năm (Bỏ xẻn về gia đình)

[346] Câu chuyện về vị tỳ-khưu nọ. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ trong lúc

đi khát thực ở con đường nọ trong thành Sāvatti đã đi đến một gia đình nọ, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, những người ấy sau khi dâng bữa ăn đến vị tỳ-kheo ni ấy rồi đã nói điều này:

- Thưa ni sư, các tỳ-kheo ni khác cũng hãy đi đến.

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy (nghĩ rằng): “*Làm cách nào để các tỳ-kheo ni khác không đi đến?*” nên khi đi đến gặp các tỳ-kheo ni đã nói điều này:

- Nay các ni sư, ở chỗ đàng kia chó thì dữ tợn bò thì hung bạo, là khu vực đầm lầy, chớ có đi đến chỗ ấy.

Có vị tỳ-kheo ni nọ trong lúc đi khát thực ở con đường ấy cũng đã đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, những người ấy sau khi dâng bữa ăn đến vị tỳ-kheo ni ấy rồi đã nói điều này:

- Thưa ni sư, tại sao các tỳ-kheo ni khác không đi đến?

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao vị tỳ-kheo ni lại bỏn xẻn về gia đình?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni bỏn xẻn về gia đình, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại bỏn xẻn về gia đình vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bỏn xẻn về gia đình thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[347] **Vị (ni) nào**: là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Bổn xén: vị ni (nghĩ rằng): “*Làm cách nào để các tỷ-kheo ni khác không đi đến?*” rồi nói xấu về gia đình trong sự hiện diện của các tỷ-kheo ni thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ni nói xấu về các tỷ-kheo ni trong sự hiện diện của gia đình thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[348] Trong khi không bổn xén về gia đình vị ni giải thích về các điều bất tiện đang xảy ra, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

56. Điều học thứ sáu (Mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ-khuru)

[349] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỷ-kheo ni đã trải qua mùa (an cư) mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng rồi đã đi đến thành Sāvatti. Các tỷ-kheo ni đã nói với các tỷ-kheo ni ấy điều này:

- Các ni sư đã sống qua mùa (an cư) mưa ở đâu? Chắc hẳn sự giáo giới đã có hiệu quả?

- Nay các ni sư, không có các tỷ-kheo ở nơi ấy, sự giáo giới sẽ có hiệu quả từ ở đâu?

Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỷ-kheo?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỷ-kheo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ-kheo? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ-kheo thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[350] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không có tỳ-kheo nghĩa là trú xứ không thể đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ sống mùa (an cư) mưa*” rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng thì phạm tội tác ác (dukkata). Với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[351] Các vị tỳ-kheo đã vào mùa (an cư) mưa bỏ đi hoặc hoàn tục hoặc qua đời hoặc chuyển sang phe khác, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

57. Điều học thứ bảy (Không thực hiện lễ Pavāraṇā ở cả hai hội chúng)

[352] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ-kheo ni đã trải qua mùa (an cư) mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng rồi đã đi đến thành Sāvatti. Các tỳ-kheo ni đã nói với các tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Các ni sư đã sống qua mùa (an cư) mưa ở đâu? Chắc hẳn đã thỉnh cầu²⁹ nơi hội chúng tỳ-kheo?

- Nay các ni sư, chúng tôi không có thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ-kheo.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni đã sống qua mùa (an cư) mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ-kheo?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni đã sống qua mùa (an cư) mưa không thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ-kheo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni đã sống qua mùa (an cư) mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ-kheo vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đã sống qua mùa (an cư) mưa không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[353] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã sống qua mùa (an cư) muranghĩa là đã sống (an cư) ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau.

Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[354] Khi có nguy hiểm, sau khi tầm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

58. Điều học thứ tám (Không đi giáo giới):

[355] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sākya (Thích ca), trong thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sau khi đã đi đến chỗ trú ngụ của các tỳ-kheo ni rồi giáo giới các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Các tỳ-kheo ni đã nói với các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư điều này:

- Nay các ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi (nghe) giáo giới.

- Nay các ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài đại đức nhóm Lục Sư đi đến ngay tại đây và giáo giới cho chúng tôi.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư không đi giáo giới, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[356] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Việc giáo giới nghĩa là tám Trọng Pháp.

Việc đồng cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bản Pātimokkha), có sự học tập giống nhau.

Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[357] Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị tỳ-kheo ni thứ nhì, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

59. Điều học thứ chín (Không hỏi về lễ Uposatha và không thỉnh cầu sự giáo giới)

[358] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni không hỏi về lễ Uposatha (Bố Tát) cũng không thỉnh cầu sự giáo giới. Các vị tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ-kheo: việc hỏi ngày lễ*

Uposatha và việc đi đến (để nghe) giáo giới; nếu vượt quá hạn ấy thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”

[359] **Vào mỗi nửa tháng:** vào mỗi kỳ Uposatha.

Ngày lễ Uposatha nghĩa là có hai ngày lễ Uposatha: ngày mười bốn và ngày mười lăm.

Việc giáo giới nghĩa là tám Trọng Pháp.

Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[360] Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị tỳ-kheo ni thứ nhì, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

60. Điều học thứ mười (Cùng người nam nặn mụn nhọt ở phần dưới thân):

[361] Câu chuyện về vị tỳ-kheo ni nọ. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ cùng với người nam một nam với một nữ nặn mụn nhọt phát sanh ở phần dưới thân. Khi ấy, người nam ấy đã khởi sự làm như vị tỳ-kheo ni. Vị tỳ-kheo ni đã bị hoảng hốt. Các tỳ-kheo ni sau khi chạy lại đã nói với tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Này ni sư, vì sao cô đã bị hoảng hốt?

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng với người nam một nam với một nữ nặn mụn nhọt phát sanh ở phần dưới thân?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni cùng với người nam một nam với một nữ nặn mụn nhọt phát sanh ở phần dưới thân, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại cùng với người nam một nam với một nữ nặn mụn nhọt phát sanh ở phần dưới thân vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi chưa hỏi ý hội chúng hoặc nhóm lại cùng với người nam một nam với một nữ làm cho mụn nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân vỡ ra hoặc được xẻ hoặc được rửa ráy hoặc được bôi thuốc hoặc được băng lại hoặc được tháo băng ra thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[362] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở phần dưới thân nghĩa là từ lỗ rún trở xuống từ đầu gối trở lên.

Phát sanh: được phát sanh tại nơi ấy.

Mụn nhọt nghĩa là bất cứ loại mụn nhọt nào.

Vết loét nghĩa là bất cứ loại vết thương nào.

Khi chưa hỏi ý: chưa có thông báo.

Hội chúng nghĩa là hội chúng tỳ-kheo ni được đề cập đến.

Nhóm nghĩa là nhiều vị tỳ-kheo ni được đề cập đến.

Người nam nghĩa là người nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có sự hiểu biết, có khả năng làm nơ.

Cùng với: cùng chung.

Một nữ với một nam: chính người nam và vị tỳ-kheo ni.

Vị ra lệnh rằng: “*Hãy làm vỡ ra*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi đã bị vỡ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ra lệnh rằng: “*Hãy xẻ ra*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi đã được xẻ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ra lệnh rằng: “*Hãy rửa*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi đã được rửa thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ra lệnh rằng: “*Hãy bôi thuốc*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi đã được bôi thuốc thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ra lệnh rằng: “*Hãy băng lại*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi đã được băng lại thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ra lệnh rằng: “*Hãy tháo băng ra*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi đã được tháo băng ra thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[363] Vị ni bảo làm cho vỡ ra hoặc bảo xẻ ra hoặc bảo rửa hoặc bảo bôi thuốc hoặc bảo băng lại hoặc bảo tháo băng ra sau khi đã hỏi ý, có người nữ nào đó có sự hiểu biết là người nữ thứ nhì, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Tu Viện là phần thứ sáu.

PHẦN SẢN PHỤ

61. Điều học thứ nhất (Tiếp độ người nữ mang thai)

[364] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ mang thai. Cô ấy đi khát thực. Dân chúng đã nói như vậy:

- Hãy bỏ thí đồ khát thực cho ni sư. Ni sư mang bào thai nặng nề!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ mang thai?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ mang thai?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ mang thai, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ mang thai vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ người nữ mang thai thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[365] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ mang thai nghĩa là có sanh mạng đã thành tựu được đề cập đến.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn (ācarinī), hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[366] Người nữ mang thai, nhận biết là người nữ mang thai, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ mang thai, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ mang thai, (lầm) tưởng là người nữ không mang thai, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Người nữ không mang thai, (lầm) tưởng là người nữ mang thai, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ không mang thai, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ không mang thai, nhận biết là người nữ không mang thai, thì vô tội.

[367] Vị ni (lầm) tưởng người nữ mang thai là không mang thai rồi tiếp độ, vị ni nhận biết là người nữ không mang thai rồi tiếp độ người nữ không mang thai, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

62. Điều học thứ nhì (Tiếp độ người nữ còn cho con bú)

[368] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ còn cho con bú. Cô ấy đi khát thực. Dân chúng đã nói như vậy:

- Hãy bỏ thí đồ khát thực cho ni sư. Ni sư có người thứ nhì!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?

...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ còn cho con bú, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ người nữ còn cho con bú thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[369] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ còn cho con bú nghĩa là người mẹ hoặc là người vú nuôi.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[370] Người nữ còn cho con bú, nhận biết là người nữ còn cho con bú, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Người nữ còn cho con bú, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ còn cho con bú, (lầm) tưởng là người nữ không cho con bú, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Người nữ không cho con bú, (lầm) tưởng là người nữ còn cho con bú, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ không cho con bú, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Người nữ không cho con bú, nhận biết là người nữ không cho con bú, thì vô tội.

[371] Vị ni (lầm) tưởng là người nữ còn cho con bú là người nữ không cho con bú rồi tiếp độ, vị ni nhận biết là người nữ không cho con bú rồi tiếp

độ người nữ không cho con bú, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

63. Điều học thứ ba: (Tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành sáu pháp)

[372] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự. Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Cô ni tu tập sự ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm.”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm của cô ni tu tập sự tên (như vậy), vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô ni tu tập sự tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Cô ni tu tập sự ấy nên được nói rằng: “Cô hãy nói như vậy:

1. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống không vi phạm trong hai năm.

2. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự lấy vật không được cho (trộm cắp) không vi phạm trong hai năm.

3. Tôi xin thọ trì việc tránh xa điều phi Phạm hạnh (sự hành dâm) không vi phạm trong hai năm.

4. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự nói dối không vi phạm trong hai năm.

5. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men không vi phạm trong hai năm.

6. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời không vi phạm trong hai năm.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[373] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Chưa thực hành điều học nghĩa là điều học chưa được ban cho hoặc là điều học đã được ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[374] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[375] Vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

64. Điều học thứ tư (Tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được hội chúng chấp thuận)

[376] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. Các tỳ-kheo ni đã nói như vậy:

- Nay các cô ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy cho vật này, hãy mang lại vật này, hãy làm vật này thành được phép vì mục đích này.

Các cô ni ấy đã nói như vậy:

- Nay các ni sư, chúng tôi không phải là các cô ni tu tập sự. Chúng tôi là các tỳ-kheo ni.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo ni, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy), là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ.”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy), là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy), là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[377] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Đã thực hành điều học nghĩa là đã thực hành điều học về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[378] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

[379] Vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (và) đã được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

65. Điều học thứ năm (Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi)

[380] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ đã kết hôn (gihigatā) khi chưa đủ mười hai tuổi. Các cô ấy không có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ, công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhưc nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi vậy? Nay các tỳ-kheo, bởi vì người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi không có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ, công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Nay các tỳ-kheo, người nữ đã kết hôn khi đã đủ mười hai tuổi có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ, công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[381] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ mười hai tuổi nghĩa là chưa đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkaṭa). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[382] Khi chưa đủ mười hai tuổi, nhận biết là khi chưa đủ mười hai tuổi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi chưa đủ mười hai tuổi, (lầm) tưởng là đã tròn đủ, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, (lầm) tưởng là chưa đủ mười hai tuổi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, nhận biết là đã tròn đủ, thì vô tội.

[383] Vị ni (lầm) tưởng là đã tròn đủ rồi tiếp độ (người nữ đã kết hôn) khi chưa đủ mười hai tuổi, vị ni nhận biết là đã đầy đủ rồi tiếp độ (người nữ đã kết hôn) khi đã tròn đủ mười hai tuổi, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

66. Điều học thứ sáu (Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm)

[384] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi. Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo ni, ngồi chồm hóm, chắp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm với đại đức ni tên (như vậy).”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy), vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên được nói rằng:
“*Cô hãy nói như vậy:*

1. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống không vi phạm trong hai năm.

...(như trên)...

6. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời không vi phạm trong hai năm.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[385] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Chưa thực hành điều học nghĩa là điều học chưa được ban cho hoặc là điều học đã được ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề

ngộ thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[386] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

[387] Vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

67. Điều học thứ bảy (Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm chưa được hội chúng chấp thuận)

[388] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. Các tỳ-kheo ni đã nói như vậy:

- Nay các cô ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy cho vật này, hãy mang lại vật này, hãy làm vật này thành được phép vì mục đích này.

Các cô ni ấy đã nói như vậy:

- Nay các ni sư, chúng tôi không phải là các cô ni tu tập sự. Chúng tôi là các tử-kheo ni.

Các vị tử-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tử-kheo ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận?

...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, nghe nói các tử-kheo ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tử-kheo, vì sao các tử-kheo ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Nay các tử-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tử-kheo rằng:

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Và nay các tử-kheo, nên ban cho như vậy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tử-kheo ni, ngồi chồm hỏm, chắp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ.”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy), là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy), là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỷ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng...(như trên)... Và này các tỷ-kheo, các tỷ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỷ-kheo ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”*

[389] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Đã thực hành điều học nghĩa là đã thực hành điều học về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỷ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkaṭa). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[390] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[391] Vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (và) đã được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

68. Điều học thứ tám (Sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không dạy dỗ)

[392] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[393] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Sau khi tiếp độ nghĩa là sau khi cho tu lên bậc trên.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Không dạy dỗ: không tự mình dạy dỗ bằng cách đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo giới, bằng sự chỉ dạy.

Không bảo người dạy dỗ: không chỉ thị cho người khác. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm;*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[394] Khi có sự nguy hiểm, vị ni tâm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

69. Điều học thứ chín (Không hầu cận thầy tế độ trong hai năm)

[395] Câu chuyện về nhiều vị tỷ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni không hầu cận ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại không hầu cận ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni không hầu cận ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại không hầu cận ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không hầu cận ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[396] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã tiếp độ cho: đã cho tu lên bậc trên.

Ni sư tế độ nghĩa là ni sư tế độ được đề cập đến.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Không hầu cận: không tự mình hầu cận. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không hầu cận trong hai năm;*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[397] Vị ni sư tế độ là vị ni ngu dốt hoặc không có sự hổ thẹn, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

70. Điều học thứ mười (Sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly khiến chồng bắt lại)

[398] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly. Người chồng đã giữ lại. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly khiến người chồng đã giữ lại? Nếu vị tỷ-kheo ni này đã rời đi thì người chồng không thể giữ lại được.

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói tỷ-kheo ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly khiến người chồng đã giữ lại, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỷ-kheo, vì sao tỷ-kheo ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly khiến người chồng đã giữ lại vậy? Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỷ-kheo, các tỷ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly cho dầu chỉ là năm sáu do tuần thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[399] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Đã tiếp độ cho: đã cho tu lên bậc trên.

Không cách ly: không tự mình cách ly.

Không làm cho (vị ni ấy) được cách ly: không chỉ thị cho vị khác. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly cho dầu chỉ là năm sáu do tuần;*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[400] Khi có trường hợp nguy hiểm, vị ni tìm kiếm nhưng không có được vị tỳ-kheo ni thứ hai, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Sản Phụ là phần thứ bảy.

PHẦN THIẾU NỮ

71. Điều học thứ nhất (Tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi):

[401] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. Các cô ấy không có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ, công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi vậy? Nay các tỳ-kheo, bởi vì thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ, công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ

thể đã sanh khởi. Nay các tỳ-kheo, thiếu nữ đã đủ hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ, công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[402] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là chưa đạt đến hai mươi tuổi.

Thiếu nữ nghĩa là đề cập đến vị sa-di ni.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[403] Khi chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội tác ác (dukkata).

Khi chưa đủ hai mươi tuổi, (lầm) tưởng là đã tròn đủ, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, (lầm) tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là đã tròn đủ, thì vô tội.

[404] Vị ni (lầm) tưởng là đã tròn đủ rồi tiếp độ (thiếu nữ) chưa đủ hai mươi tuổi, vị ni nhận biết là đã tròn đủ rồi tiếp độ (thiếu nữ) đã tròn đủ hai mươi tuổi, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

72. Điều học thứ nhì (Tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm)

[405] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến thiếu nữ mười tám tuổi. Và nay các tỳ-kheo, nên

ban cho như vậy: Thiếu nữ mười tám tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo ni, ngồi chồm hồm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm.”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến thiếu nữ mười tám tuổi tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến thiếu nữ mười tám tuổi tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến thiếu nữ mười tám tuổi tên (như vậy), vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến thiếu nữ mười tám tuổi tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Thiếu nữ mười tám tuổi ấy nên được nói rằng: “Cô hãy nói như vậy:

1. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống không vi phạm trong hai năm.

2. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự lấy vật không được cho (trộm cắp) không vi phạm trong hai năm.

3. Tôi xin thọ trì việc tránh xa điều phi Phạm hạnh (sự hành dâm) không vi phạm trong hai năm.

4. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự nói dối không vi phạm trong hai năm.

5. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự dễ dãi uống chất say là rượu và chất lên men không vi phạm trong hai năm.

6. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời không vi phạm trong hai năm.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[406] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thiếu nữ nghĩa là đề cập đến vị sa-di ni.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Chưa thực hành điều học nghĩa là điều học chưa được ban cho hoặc là điều học đã được ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkaṭa). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[407] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

[408] Vị ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

73. Điều học thứ ba: (Tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm chưa được hội chúng chấp thuận)

[409] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. Các tỳ-kheo ni đã nói như vậy:

- Nay các cô ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy cho vật này, hãy mang lại vật này, hãy làm vật này thành được phép vì mục đích này.

Các cô ni ấy đã nói như vậy:

- Nay các ni sư, chúng tôi không phải là các cô ni tu tập sự. Chúng tôi là các tỳ-kheo ni.

Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỷ-kheo, vì sao các tỷ-kheo ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Và nay các tỷ-kheo, nên ban cho như vậy: Thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ.”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Đại đức ni nào đồng ý việc bqn cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm, vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi tên (như vậy) đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[410] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ hai tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thiếu nữ nghĩa là đề cập đến vị sa-di ni.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Đã thực hành điều học nghĩa là đã thực hành điều học về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỷ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[411] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

[412] Vị ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (và) đã được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

74. Điều học thứ tư (Tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm thâm niên)

[413] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên). Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên)?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên), có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên) vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên) thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[414] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ mười hai năm (thâm niên) nghĩa là chưa đạt đến mười hai năm (thâm niên).

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với lời đề

ngộ thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[415] Vị ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm (thâm niên), vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

75. Điều học thứ năm (Tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm thâm niên nhưng chưa được hội chúng đồng ý)

[416] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc được phép hoặc không được phép. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) lại tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) lại tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ đến vị tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Vị tỳ-kheo ni đã tròn đủ mười hai năm (thâm niên) ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy:

“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) là tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc tiếp độ.”

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu xin lần thứ ba.

Hội chúng nên xác định vị tỳ-kheo ni ấy rằng: *“Vị tỳ-kheo ni này có kinh nghiệm, có sự hổ thẹn.”* Nếu là vị ni ngu dốt không có sự hổ thẹn thì không nên ban cho. Nếu là vị ni ngu dốt có sự hổ thẹn thì không nên ban cho. Nếu là vị ni có kinh nghiệm không có sự hổ thẹn thì không nên ban cho. Nếu là vị ni có kinh nghiệm có sự hổ thẹn thì nên ban cho. Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị ni này tên (như vậy) là tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ đến tỳ-kheo ni tên (như vậy) tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị ni này tên (như vậy) là tỳ-kheo ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ đến tỳ-kheo ni tên (như vậy) tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ đến tỳ-kheo ni tên (như vậy) tròn đủ mười hai năm (thâm niên), vị ni ấy nên im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Sự đồng ý về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến vị tỳ-kheo ni tên (như vậy) tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo ni*

nào tròn đủ mười hai năm (thâm niên) khi chưa được hội chúng đồng ý mà tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”

[417] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai năm (thâm niên) nghĩa là đã đạt đến mười hai năm (thâm niên).

Chưa được đồng ý nghĩa là sự đồng ý về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỷ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[418] Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội tác ác (dukkata).

[419] Vị ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm (thâm niên) và được hội chúng đồng ý, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

76. Điều học thứ sáu (Tiến hành việc phê phán hội chúng tỳ-khuru ni)

[420] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Caṇḍakālī. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Caṇḍakālī đã đi đến hội chúng thỉnh cầu sự đồng ý về việc tiếp độ. Khi ấy, hội chúng tỳ-kheo ni đã xác định tỳ-kheo ni Caṇḍakālī rằng: “*Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được tiếp độ*” rồi đã không ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ. Tỳ-kheo ni Caṇḍakālī đã trả lời rằng: “*Tốt thôi!*” Vào lúc bấy giờ, hội chúng tỳ-kheo ni đã ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ đến các tỳ-kheo ni khác. Tỳ-kheo ni Caṇḍakālī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Chẳng lẽ chính tôi là kẻ ngu dốt, chính tôi là kẻ không biết hổ thẹn hay sao? Bởi vì hội chúng ban cho sự đồng ý về việc tiếp độ đến các tỳ-kheo ni khác mà không ban cho đến chính tôi.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Caṇḍakālī khi được nói rằng: “*Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được tiếp độ*” đã trả lời: “*Tốt thôi!*” sau đó lại tiến hành việc phê phán?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Caṇḍakālī khi được nói rằng: “*Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được tiếp độ*” đã trả lời: “*Tốt thôi!*” sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Caṇḍakālī khi được nói rằng: “*Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được tiếp độ*” đã trả lời: “*Tốt thôi!*” sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi*

được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được tiếp độ’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”

[421] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “vị tỷ-kheo ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được tiếp độ: Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô ban phép tu lên bậc trên. Khi đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[422] Vị ni phê phán (hội chúng) đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi; vị ni bị điên; vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

77. Điều học thứ bảy (Bảo dăng y rồi hứa hẹn tiếp độ nhưng không tiếp độ)

[423] Câu chuyện về tỷ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có cô ni tu tập sự đã đi đến gặp tỷ-kheo ni Thullanandā và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỷ-kheo ni Thullanandā đã nói với cô ni tu tập sự ấy rằng:

- Này cô, nếu cô dăng y cho ta thì ta sẽ tiếp độ cho cô.

Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỷ-kheo ni. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: “Này cô, nếu cô dăng y cho ta thì ta sẽ tiếp độ cho cô” lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: “*Này cô, nếu cô dâng y cho ta thì ta sẽ tiếp độ cho cô*” rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: “*Này cô, nếu cô dâng y cho ta thì ta sẽ tiếp độ cho cô*” lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô, nếu cô dâng y cho ta thì ta sẽ tiếp độ cho cô,’ vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì vẫn không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[424] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm.

Này cô, nếu cô dâng y cho ta thì ta sẽ tiếp độ cho cô: ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô.

Vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì: khi không có sự nguy hiểm.

Không tiếp độ: không tự mình tiếp độ.

Không ra sức cho việc tiếp độ: không chỉ thị cho người khác. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[425] Khi có sự nguy hiểm, vị ni tâm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

78. Điều học thứ tám (Bảo hầu cận rồi hứa hẹn tiếp độ nhưng không tiếp độ)

[426] Câu chuyện về tỳ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có cô ni tu tập sự đã đi đến gặp tỳ-kheo ni Thullanandā và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ-kheo ni Thullanandā đã nói với cô ni tu tập sự ấy rằng:

- Nay cô, nếu cô hầu cận ta hai năm thì ta sẽ tiếp độ cho cô.

Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: “*Này cô, nếu cô hầu cận ta hai năm thì ta sẽ tiếp độ cho cô*” lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: “*Này cô, nếu cô hầu cận ta hai năm thì ta sẽ tiếp độ cho cô*” rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: “*Này cô, nếu cô hầu cận ta hai năm thì ta sẽ tiếp độ cho cô*” lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô, nếu cô hầu cận ta hai năm thì ta sẽ tiếp độ cho cô,’ vị ni ấy sau đó không có trở*

ngại gì vẫn không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).”

[427] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm.

Này cô, nếu cô hầu cận ta hai năm: Nếu cô sẽ phục vụ hai năm (tròn đủ).

Ta sẽ tiếp độ cho cô: ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô.

Vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì: khi không có sự nguy hiểm.

Không tiếp độ: không tự mình tiếp độ.

Không ra sức cho việc tiếp độ: không chỉ thị cho người khác. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ,*” trong việc buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[428] Khi có sự nguy hiểm, vị ni tầm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

79. Điều học thứ chín (Tiếp độ cô ni tu tập sự nhẫn tâm gây sâu khổ người khác)

[429] Câu chuyện về tỷ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỷ-kheo ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự Caṇḍakālī là người thân cận với những người đàn ông, thân cận với các thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, chuyên gây sâu khổ (cho người khác). Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự Caṇḍakālī là người thân cận với những người đàn ông, thân cận với các thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, chuyên gây sầu khổ (cho người khác)?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự Caṇḍakālī là người thân cận với những người đàn ông, thân cận với các thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, chuyên gây sầu khổ (cho người khác), có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự Caṇḍakālī là người thân cận với những người đàn ông, thân cận với các thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, chuyên gây sầu khổ (cho người khác) vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự thân cận với những người đàn ông, thân cận với các thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác) thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).”*

[430] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là *“vị tỳ-kheo ni”* được đề cập trong ý nghĩa này.

Người đàn ông nghĩa là người nam đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thanh niên nghĩa là người nam chưa đạt đến hai mươi tuổi.

Thân cận nghĩa là thân cận bằng thân và khẩu không được đúng đắn.

Nhẫn tâm nghĩa là đề cập đến sự giận dữ.

Nguồn gây sầu khổ (cho người khác) nghĩa là người làm sanh khởi khổ đau cho những người khác, là người đem đến sự buồn rầu.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỷ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[431] Vị ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

80. Điều học thứ mười (Tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép)

[432] Câu chuyện về tỷ-kheo ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỷ-kheo ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép. Các bậc cha mẹ và người chồng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự không được chúng tôi cho phép?

Các tỷ-kheo ni đã nghe được các bậc cha mẹ và người chồng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói tỷ-kheo ni Thullanandā tiếp độ không được cha mẹ và người chồng cho phép, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[433] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Cha mẹ nghĩa là đề cập đến các bậc sanh thành.

Người chồng nghĩa là đã được đám cưới với người đó.

Không được cho phép: không có hỏi ý.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ưng đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[434] Vị ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị ni sau khi xin phép rồi tiếp độ, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

81. Điều học thứ mười một (Tiếp độ cô ni tu tập sự với sự chấp thuận của các tỳ-khuru phạm tội)

[435] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Thullanandā. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni Thullanandā (nghĩ rằng: “*Ta sẽ tiếp độ cô ni tu tập sự*”) rồi đã triệu tập các vị tỳ-kheo trưởng lão lại. Sau khi nhìn thấy nhiều vật thực loại cứng loại mềm lại giải tán các vị tỳ-kheo trưởng lão (nói rằng):

- Thưa các ngài đại đức, tôi sẽ không tiếp độ cho cô ni tu tập sự lúc này.

Rồi đã triệu tập Devadatta, Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddatto rồi tiếp độ cô ni tu tập sự. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ-kheo) đang chịu hành phạt parivāsa?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ-kheo) đang chịu hành phạt parivāsa, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ni Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ-kheo) đang chịu hành phạt parivāsa vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ-kheo) đang chịu hành phạt parivāsa thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[436] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỷ-kheo) đang chịu hành phạt parivāsa: với tập thể đã bị cách ly.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỷ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ưng đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[437] Vị ni tiếp độ với tập thể không bị cách ly, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

82. Điều học thứ mười hai (Tiếp độ hàng năm)

[438] Câu chuyện về nhiều vị tỷ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo ni tiếp độ hàng năm. Chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỷ-kheo ni lại tiếp độ hàng năm khiến chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?

Các tỷ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni lại tiếp độ hàng năm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ hàng năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ hàng năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ hàng năm thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[439] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hàng năm: mỗi năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkaṭa). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội ung đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[440] Vị ni tiếp độ cách năm, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

83. Điều học thứ mười ba (Tiếp độ hai người trong một năm)

[441] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tiếp độ hai người trong một năm. Cũng y như thế, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Tương tự như thế, dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ hai người trong một năm; cũng y như thế, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ hai người trong một năm?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni tiếp độ hai người trong một năm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại tiếp độ hai người trong một năm vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tiếp độ hai người trong một năm thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[442] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong một năm: trong (thời hạn) một năm.

Tiếp độ hai người: cho tu lên bậc trên hai người. Vị ni (nghĩ rằng): “*Ta sẽ tiếp độ hai người*” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ-kheo ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới (sīmā) thì phạm tội tác ác (dukkata). Với lời đề nghị thì phạm tội tác ác (dukkata). Với hai lời thông báo thì phạm các tội tác ác (dukkata). Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội ưng đối trị (pācittiya), nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội tác ác (dukkata).

[443] Vị ni tiếp độ một người cách năm, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phần Thiếu Nữ là phần thứ tám.

---o0o---

PHẦN DÙ DÉP

84. Điều học thứ nhất (Sử dụng dù dếp)

[444] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dếp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại sử dụng dù dếp, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dếp?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dếp, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dếp vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào sử dụng dù dếp thì phạm tội ung đối trị (pācittiyam).*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[445] Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ bị bệnh. Không có dù dấp vị ni ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dù dấp đối với vị tỳ-kheo ni bị bệnh. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không bị bệnh sử dụng dù dấp thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[446] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là không có dù dấp vị ni ấy vẫn thoải mái.

Bị bệnh nghĩa là không có dù dấp vị ni ấy không được thoải mái.

Dù nghĩa là có ba loại dù: dù trắng, dù bằng sậy, dù bằng lá được buộc theo vòng tròn.

Sử dụng: Vị sử dụng dẫu chỉ một lần (cũng) phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[447] Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni sử dụng dù dấp thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni sử dụng dù dấp thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni sử dụng dù dấp thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Vị ni sử dụng dù không (sử dụng) dấp thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị ni sử dụng dấp không (sử dụng) dù thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh, thì vô tội.

[448] Vị ni bị bệnh, vị ni mang trong tu viện, trong vùng phụ cận tu viện, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

85. Điều học thứ nhì (Đi xe)

[449] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đi xe. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại đi xe, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đi xe?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đi xe, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đi xe vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào đi xe thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[450] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni bị bệnh. Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ bị bệnh không thể đi bằng chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xe đối với vị tỳ-kheo ni bị bệnh. Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không bị bệnh đi xe thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[451] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị ni ấy có thể đi bằng chân.

Bị bệnh nghĩa là vị ni ấy không thể đi bằng chân.

Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiệu khiêng, ghế khiêng.

Đi xe: Vị ni đi xe dẫu chỉ một lần (cũng) phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[452] Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni đi xe thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni đi xe thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni đi xe thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh, thì vô tội.

[453] Vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

86. Điều học thứ ba (Mang váy)

[454] Câu chuyện về tỳ-kheo nọ. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ thường lui tới với gia đình của người đàn bà nọ. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy điều này:

- Thưa ni sư, xin hãy trao cái váy này cho người đàn bà tên kia.

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy (nghĩ rằng): “*Nếu ta mang bằng bình bát rồi đi thì ta sẽ bị mất thể diện*” nên đã buộc vào rồi đi. Khi cô ni ấy ở trên đường lộ, sợi chỉ bị đứt khiến (các vật kết vào) bị văng tung toé. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại mang váy, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni lại mang váy?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni mang váy, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni lại mang váy vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào mang váy thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ)*.”

[455] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “vị tỷ-kheo ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Váy nghĩa là bất cứ loại gì choàng ở hông.

Mang: Vị ni mang vào đầu chỉ một lần (cũng) phạm tội ung đốitri (pācittiya).

[456] Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni mang băng vải buộc ở hông³⁰, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

87. Điều học thứ tư (Mang đồ trang sức của phụ nữ)

[457] Câu chuyện về các tỷ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư mang đồ trang sức của phụ nữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỷ-kheo ni lại mang đồ trang sức của phụ nữ, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỷ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư lại mang đồ trang sức của phụ nữ?

...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư mang đồ trang sức của phụ nữ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại mang đồ trang sức của phụ nữ vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào mang đồ trang sức của phụ nữ thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[458] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Đồ trang sức của phụ nữ nghĩa là vật mang ở đầu, vật mang ở cổ, vật mang ở cánh tay, vật mang ở bàn chân, vật mang ở hông.

Mang: Vị ni mang vào đầu chỉ một lần (cũng) phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[459] Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

88. Điều học thứ năm (Tắm bằng vật thơm và có màu sắc)

[460] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm và có màu sắc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại tắm bằng vật thơm và có màu sắc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm và có màu sắc?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm và có màu sắc, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm và có màu sắc vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tắm bằng vật thơm và có màu sắc thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[461] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật thơm nghĩa là bất cứ vật gì có mùi thơm.

(Vật) có màu sắc nghĩa là bất cứ vật gì có màu sắc.

Tắm: Vị ni tắm, trong lúc thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi hoàn tất việc tắm phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[462] Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

89. Điều học thứ sáu (Tắm bằng bã dầu mè có tắm hương)

[463] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tắm hương. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương, giống như các cô gái tại gia hưởng dụng vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[464] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Có tẩm hương nghĩa là bất cứ vật gì có tẩm hương.

Bã dầu mè nghĩa là đề cập đến xác hạt mè.

Tắm: Vị ni tắm, trong lúc thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[465] Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni tắm bằng bã dầu mè loại bình thường, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

90. Điều học thứ bảy (Bảo tỳ-khuru ni xoa bóp và chà xát cơ thể)

[466] Câu chuyện về các tỳ-khuru ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni bảo tỳ-kheo ni xoa bóp và chà xát (cơ thể). Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại bảo tỳ-kheo ni xoa bóp và chà xát (cơ thể), giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo tỳ-kheo ni xoa bóp và chà xát (cơ thể)?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni bảo tỳ-kheo ni xoa bóp và chà xát (cơ thể), có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo tỳ-kheo ni xoa bóp và chà xát (cơ thể), vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bảo tỳ-kheo ni xoa bóp và chà xát (cơ thể) thì phạm tội ưng đối trị (pācittiyaṃ).*”

[467] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

(Bởi) vị tỳ-kheo ni: (bởi) vị tỳ-kheo ni khác.

Bảo xoa bóp: Vị bảo xoa bóp thì phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

Bảo chà xát: Vị bảo thoa dầu (toàn thân) thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[468] Vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

91, 92, 93. Điều học thứ tám, chín, mười (Bảo cô ni tu tập sự, sa-di ni, người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể))

[469] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni bảo cô ni tu tập sự xoa bóp và chà xát (cơ thể). ...(như trên)... bảo sa-di ni xoa bóp và chà xát (cơ thể). ...(như trên)... bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể). Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể), giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể)?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể), có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể) vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo,

các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể) thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[470] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm.

Sa-di ni nghĩa là người nữ có liên quan đến mười điều học.

Người nữ tại gia nghĩa là đề cập đến người nữ ở nhà.

Bảo xoa bóp: Vị bảo xoa bóp thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Bảo chà xát: Vị bảo thoa dầu (toàn thân) thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[471] Vì nguyên nhân bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

94. Điều học thứ mười một (Ngồi xuống ở phía trước tỳ-khuru không hỏi ý)

[472] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khuru ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ-kheo không hỏi ý. Các vị tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ-kheo không hỏi ý?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ-kheo không hỏi ý, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ-kheo không hỏi ý vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ-kheo không hỏi ý thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[473] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Phía trước vị tỳ-kheo: Phía trước người nam đã tu lên bậc trên.

Không hỏi ý: không xin phép.

Ngồi xuống trên chỗ ngồi: vị ni ngồi xuống cho dầu ở trên mặt đất cũng phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[474] Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý, thì vô tội.

[475] Vị ni có sự hỏi ý rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

95. Điều học thứ mười hai (Hỏi câu hỏi ở vị tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước)

[476] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu ni. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni hỏi câu hỏi ở vị tỳ-kheo chưa được thỉnh ý trước (anokāsakataṃ). Các vị tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao các tỳ-kheo ni lại hỏi câu hỏi ở vị tỳ-kheo chưa được thỉnh ý trước?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni hỏi câu hỏi ở vị tỳ-kheo chưa được thỉnh ý trước, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại hỏi câu hỏi ở vị tỳ-kheo chưa được thỉnh ý trước vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào hỏi câu hỏi ở vị tỳ-kheo chưa được thỉnh ý trước thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[477] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được thỉnh ý: không có sự hỏi ý.

Vị tỳ-kheo: người nam đã tu lên bậc trên.

Hỏi câu hỏi: Sau khi đã thỉnh ý trước về Kinh, vị ni hỏi Luật hoặc Vi Diệu Pháp thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi đã thỉnh ý trước về Luật, vị ni hỏi Kinh hoặc Vi Diệu Pháp thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Sau khi đã thỉnh ý trước về Vi Diệu Pháp, vị ni hỏi Luật hoặc Kinh thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[478] Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni hỏi câu hỏi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni hỏi câu hỏi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni hỏi câu hỏi thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý, thì vô tội.

[479] Vị ni hỏi sau khi đã thỉnh ý, vị ni hỏi bất cứ phạm vi nào sau khi đã thỉnh ý không giới hạn (phạm vi câu hỏi), vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

96. Điều học thứ mười ba (Không mặc áo lót đi vào làng)

[480] Câu chuyện về vị tỳ-khuru ni nọ. Sự quy định

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ không mặc áo lót³¹ đã đi vào làng khát thực. Khi vị ni ấy đang ở trên đường đi, các cơn gió xoáy đã hất tung y hai lớp lên. Dân chúng đã la lớn lên rằng:

- Ngực và bụng của ni sư đẹp!

Vị tỳ-kheo ni ấy trong khi bị dân chúng chế giễu đã xấu hổ. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã đi về chỗ trú ngụ và kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni.

Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo ni không mặc áo lót lại đi vào làng?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói vị tỳ-kheo ni không mặc áo lót đi vào làng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao vị tỳ-kheo ni không mặc áo lót lại đi vào làng vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không mặc áo lót đi vào làng thì phạm tội ung đối trị (pācittiyaṃ).*”

[481] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không mặc áo lót: thiếu đi áo lót.

Áo lót nghĩa là nhằm mục đích che kín phần dưới xương đòn (ở cổ) và phần trên lỗ rún.

Đi vào làng: Vị ni trong lúc vượt qua hàng rào của làng được rào lại thì phạm tội ung đối trị (pācittiya). Vị ni trong lúc đi vào vùng phụ cận của làng không được rào lại thì phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[482] Vị ni có y bị cướp đoạt, vị ni có y bị hư hỏng, vị ni bị bệnh, khi bị thất niệm, trong lúc không biết, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Phân Dù Dếp là phân thứ chín.

[483] Tổng kết chương Ứng Đối Trị. Bài kệ tóm lược.

Bạch chư đại đức ni, một trăm sáu mươi sáu điều Ứng đối trị (pācittiya)³² đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Ứng Đối Trị (Pācittiyā niṭṭhitā).

V. CHƯƠNG ỨNG PHÁT LỘ (Pāṭidesanīyakandaṃ)

Bạch chư đại đức ni, tám điều Ứng Phát Lộ (Pāṭidesanīya) này được đưa ra đọc tụng.

1. Điều học thứ nhất (Yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng)

[484] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng? Ai lại không vừa ý khi được đầy đủ? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo ni nào yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vị tỳ-kheo ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”* Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[485] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni bị bệnh. Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, có các tỳ-kheo ni bị bệnh. Các tỳ-kheo ni theo dõi bệnh tình đã nói với các tỳ-kheo ni bị bệnh điều này:

- Nay các ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

- Nay các ni sư, trước đây chúng tôi yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): *“Đức Thế Tôn đã cấm đoán,”* trong lúc ngàn ngại đã không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép vị tỳ-kheo ni bị bệnh được yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo ni nào không bị bệnh yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vị tỳ-kheo ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”*

[486] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỷ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có bơ lỏng.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có bơ lỏng.

Bơ lỏng (*sappi*) nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng)³³.

Vị ni không bị bệnh yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc thực hiện thì phạm tội tác ác (*dukkata*). (Nghĩ rằng): “*Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng*” rồi thọ lãnh thì phạm tội tác ác (*dukkata*). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội ung phát lộ (*pāṭidesanīyaṃ*).

[487] Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội ung phát lộ (*pāṭidesanīyaṃ*).

Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội ung phát lộ (*pāṭidesanīyaṃ*).

Không bị bệnh, (làm) tưởng là bị bệnh, vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội ung phát lộ (*pāṭidesanīyaṃ*).

Bị bệnh, (làm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (*dukkata*).

Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh, thì vô tội.

[488] Vị ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị ni thọ dụng phần còn lại của vị ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

2-8. Điều học thứ nhì ... Điều học thứ tám (Yêu cầu mật ong ... đường mía ... cá ... thịt ... sữa tươi ... sữa đông rồi thọ dụng)

[489] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư yêu cầu đầu ăn rồi thọ dụng.

(Có sự thu gọn) yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. ...(như trên)... yêu cầu đường mía rồi thọ dụng. ...(như trên)... yêu cầu cá rồi thọ dụng. ...(như trên)... yêu cầu thịt rồi thọ dụng. ...(như trên)... yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. ...(như trên)... yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng? Ai lại không vừa ý khi được đầy đủ? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị tỳ-kheo ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi*

xin thú nhận tội ấy.’’ Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[490] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni bị bệnh. Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, có các tỳ-kheo ni bị bệnh. Các tỳ-kheo ni theo dõi bệnh tình đã nói với các tỳ-kheo ni bị bệnh điều này:

- Nay các ni sư, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

- Nay các ni sư, trước đây chúng tôi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): “*Đức Thế Tôn đã cấm đoán,*” trong lúc ngần ngại đã không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép vị tỳ-kheo ni bị bệnh được yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo ni nào không bị bệnh yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị tỳ-kheo ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’*”

[491] **Vị (ni) nào:** là bất cứ vị (ni) nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo ni: ...(như trên)... vị (ni) này là “*vị tỳ-kheo ni*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có sữa đông.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có sữa đông.

Dầu ăn (telaṃ) nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eraṇḍa, dầu từ mỡ thú.

Mật ong (madhu) nghĩa là mật của loài ong.

Đường mía (phāṇitaṃ) nghĩa là được sản xuất từ cây mía.

Cá (maccho) nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến.

Thịt (maṃsaṃ) nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng).

Sữa tươi (khīraṃ) nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng).

Sữa đông (dadhi) nghĩa là sữa đông của chính các loài ấy.

Vị ni không bị bệnh yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). (Nghĩ rằng): “*Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng*” rồi thọ lãnh thì phạm tội tác ác (dukkata). Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīyaṃ).

[492] Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīyaṃ).

Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīyaṃ).

Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīyaṃ).

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội tác ác (dukkata).

Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội tác ác (dukkata).

Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh, thì vô tội.

[493] Vị ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị ni thọ dụng phần còn lại của vị ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

[494] Tổng kết chương Ung Phát Lộ

Bạch chư đại đức ni, tám điều ung phát lộ (pāṭidesanīyaṃ) đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Chương Ung Phát Lộ (Pāṭidesanīyā niṭṭhitā).

VI. CHƯƠNG ƯNG HỌC PHÁP (Sekhiyakandaṃ)

Bạch chư đại đức ni, các ung học pháp (sekhiyā dhammā) này được đưa ra đọc tụng.

[495] Điều học về mặc y nội tròn đều: Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Ta sẽ mặc y (nội) tròn đều*” là điều học nên được thực hành.

[496] Nên mặc y nội cho tròn đều với việc che kín ở vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị ni nào mặc y nội lòng thông ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[497] Vị ni không cố ý, khi thất niệm, vị ni không biết, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

(Có sự thu gọn)

[498] Điều học về đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước: Câu chuyện về các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư. Sự quy định lần thứ nhất

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước?

Khi ấy, các tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ni lại đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước*” là điều học nên được thực hành. Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo ni như thế.

---o0o---

[499] Câu chuyện về các tỳ-kheo ni bị bệnh. Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni bị bệnh ngần ngại khi đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép vị tỳ-kheo ni bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước. Và này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni hãy phổ biến điều học này như vậy: “*Ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước khi không bị bệnh*” là điều học nên được thực hành.

[500] Vị ni không bệnh không nên đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước. Vị ni nào không bị bệnh đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội tác ác (dukkata).

[501] Vị ni không cố ý, khi thất niệm, vị ni không biết, vị ni bị bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni có tâm bị rối loạn, vị ni bị thọ khổ hành hạ, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

[502] Tổng kết chương Ung Học Pháp

Bạch chư đại đức ni, các ung học pháp (sekhiyā dhammā) đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Ung Học Pháp (Sekhiyā niṭṭhitā).

VII. CHƯƠNG CÁC PHÁP DÀN XÉP TRANH TỤNG (Adhikaraṇasamathā dhammā)

[503] Giới thiệu bảy pháp dàn xếp bốn loại tranh tụng

Bạch chư đại đức ni, bảy pháp (adhikaraṇasamathā dhammā) này được đưa ra đọc tụng.

Nhằm đưa đến sự dàn xếp, nhằm đưa đến sự giải quyết các sự tranh tụng đã sanh khởi, nên áp dụng cách hành xử Luật với sự hiện diện (sammukhāvinayo), nên áp dụng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ (sativinayo), nên áp dụng cách hành xử Luật khi không điên cuồng (amūḷhavinayo), nên phán xử theo sự thừa nhận (paṭiññāya), thuận theo số đông (yebhuyyasikā), theo tội của vị ấy (tassapāpiyasikā), cách dùng cỏ che lấp (tiṇavattthārako).

Bạch chư đại đức ni, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các Pháp Dàn Xếp Tranh Tụng.

[504] Tổng kết Bộ Phân Tích Giới Tỳ-khuru Ni.

Bạch chư đại đức ni, phần Mở Đầu (Nidānaṃ) đã được đọc tụng, tám điều Bất cộng trụ (Pārājika) đã được đọc tụng, mười bảy điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được đọc tụng, ba mươi điều Ứng xử đối trị (nissaggiyā pācittiyā) này được đưa ra đọc tụng, một trăm sáu mươi sáu điều Ứng đối trị (pācittiyā) đã được đọc tụng, tám điều Ứng phát lộ (pāṭidesanīyā) này đã được đọc tụng, các Ứng học pháp (sekhiyā dhammā) đã được đọc tụng, bảy pháp (adhikaraṇasamathā dhammā) này đã được đọc tụng.

Bấy nhiêu của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tất cả (chư đại đức ni) nên học tập các điều học ấy với sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ.

Phân Tích Giới Tỳ-Kheo Ni được chấm dứt.

---o0o---

HẾT

1 .Migāranattā: lúc đầu chúng tôi hiểu theo văn tự nghĩ rằng Sāḷha là cháu cô của bà Visākhā, nhưng ngài Buddhaghosa giải thích rằng chữ ở giữa đã bị bỏ

bớt nên cần phải hiểu rằng: “*Migāramātyā pana nattā hoti*” nghĩa là cháu trai (nội hoặc ngoại) của Migāramātā tức là bā Visākhā.

2 . Tính luôn các tỳ-kheo ni đã vi phạm bốn điều pārajika của tỳ-kheo nên gọi là các vị ni trước đây (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa)

3 . Vấn đề vị tỳ-kheo ni hay đối tượng nam là người tạo tác thật sự làm chúng tôi bối rối. Bản dịch của Cô I.B. Horner ghi rõ chính vị tỳ-kheo ni là người thực hiện các hành động sờ vào, vuốt ve, v.v... ở trên cơ thể của phái nam. Chúng tôi đã xem xét kỹ đoạn [1, 2] về nhiều phương diện: văn phạm, ngữ cảnh, thành ngữ và xác định rằng các hành động trên là của phái nam. Như trong câu chuyện, tỳ-kheo ni Sundarīnandā chỉ tiếp nhận và ưng thuận (*sādiyati*) hành động từ phía đối tượng thay vì thực hiện (*samāpajjati*), so sánh “*purisapuggalassa kāyasaṃsaggam*” và “*mātugāmena saddhiṃ kāyasaṃsaggam*,” và điều quy định cũng sử dụng từ *sādiyeyya* (đồng ý, chấp thuận, thích thú, ...); nếu vị tỳ-kheo ni là người tạo tác, các động từ sẽ dùng phải là *āmaseyya*, *parāmaseyya*, ... Tuy nhiên đến phần [3] này, văn phạm không xác định rõ giới tính nam hay nữ trong câu văn là điều ít khi xảy ra với ngôn ngữ Pāli. Ở phần này, ngài Buddhaghosa giải thích rằng vị tỳ-kheo ni sờ vào thân người nam hay ưng thuận việc người nam sờ vào thân (của mình) cũng bị phạm tội tương đương tùy theo vị trí sờ vào ở trên ở thể. Như vậy, câu văn ở trên có thể hiểu theo hai cách. Và điều quy định này cần hiểu luôn cả 2 khía cạnh, vị tỳ-kheo ni ưng thuận hành động của phái nam hoặc chính vị ni thực hiện các hành động trên. Chúng tôi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa nên dùng chữ “vị” và “(đối tượng),” quý vị nên hiểu theo hai cách.

4 .*Ekato avassute*: khi một bên đầy dục vọng. Văn phạm cũng không xác định rõ. Ngài Buddhaghosa ghi đã giải thích ở trên. Cô I.B. Horner dịch người thực hiện hành động là vị tỳ-kheo ni. Trường hợp vị tỳ-kheo ni nhiễm dục vọng và chủ động thì phạm tội theo quy định; trường hợp người nam nhiễm dục vọng sờ vào cơ thể của vị tỳ-kheo ni, nếu vị tỳ-kheo ni không ưng thuận thì không phạm tội theo phần [11] ở bên dưới. Từ *avassute* được hiểu là danh tính từ, trung tánh, định sở cách, số ít. (Ở phần [1,2] có thể nghĩ rằng vị tỳ-kheo ni đóng vai trò thụ động, nhưng từ phần [3] trở đi tuy không xác định rõ ràng qua văn phạm nhưng việc vị tỳ-kheo ni đóng vai trò chủ động được thể hiện qua ngữ cảnh; có lẽ đây là điểm để cô I.B. Horner xác định lối dịch của cô). Chúng tôi chọn lời giải thích của ngài Buddhaghosa vì bao quát được mọi tình huống có thể xảy ra trong trường hợp này

5 .*Asatiyā*: vị ni thất niệm nghĩa là tâm đang bận suy nghĩ việc khác, *ajānantiyā*: vị ni không biết đây là người nam hay người nữ (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

6 .Theo ngài Buddhaghosa, điều không tốt đẹp là nói đến sự xúc chạm cơ thể (kāyasaṃsagga) chứ không phải sự thực hiện việc đôi lứa (methunadhamma).

7 .Hatthapāsa: tầm tay, có chiều dài vào khoảng 1,25 mét.

8 .Tỷ-kheo ni phải thọ trì bốn điều pārājika đã được quy định cho tỷ-kheo được gọi là điều quy định chung và bốn điều quy định riêng được trình bày ở đây; như thế, tổng cộng là 8 điều pārājika.

9 .Theo ngài Buddhaghosa, vị ấy không còn được tham dự các lễ Uposatha, Pavāraṇā, việc đọc tụng giới bản Pātimokkha, và các hành sự của hội chúng (saṅghakamma).

10 .Timanḍalam: ba vòng nghĩa là vòng bụng ở rón và hai vòng ở đầu gối.

11 . Ngài Buddhaghosa giải thích về 17 điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) như sau: Phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm gồm có điều 5 (mai mối), 8 và 9 (hai điều về vu cáo) ở giới bản của tỷ-kheo và 6 điều ở đây. Phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba gồm 4 điều từ 10-13 ở giới bản của tỷ-kheo và 4 điều ở đây. Tổng cộng là 17 điều.

12 .*Nissaggiyaṃ pācittiyaṃ* có hai phần: *Nissaggiyaṃ* liên quan đồ vật cần được xả bỏ, *pācittiyaṃ* là phạm tội ung đối trị. Cụm từ này đã được các vị tiền bối dịch chung lại là “*tội ung xả đối trị.*” Khi hai từ ấy đi chung, chúng tôi sẽ ghi là “*tội ung xả đối trị,*” còn trường hợp phân tích riêng rẽ thì sẽ ghi như trên

13 .*Aḍḍhāḷhakodanaṃ* = *Aḍḍha- āḷhaka-odanaṃ*. *Aḍḍha* là một nửa, *āḷhaka* là đơn vị đo thể tích, *odanaṃ* là cơm đã được nấu. Theo phương diện ngôn ngữ, học giả I.B. Horner hiểu “*lượng cơm là ½ āḷhaka.*” Ngài Mahāsamaṇa Chao cho rằng “*cơm được nấu từ ½ āḷhaka gạo*”; phù hợp với lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Cũng như chúng ta thường nói ăn hết 1 lon là ăn hết 1 lon gạo chứ không phải lon cơm.

14 .Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở *Vinayamukha* thì 1 *āḷhaka* = 4 *nāli* (*nālika*?) = 8 *pattha* (1 *nāli* = 2 *pattha*). *Pattha* là lượng chứa do hai tay bụm lại. Khi dùng các lượng ½ *āḷhaka*, 1 *nāli*, 1 *pattha* gạo rồi nấu lên thành cơm thì các lượng cơm ấy là sức chứa đựng của ba loại bình bát nói trên.

15 .Sáu loại y: loại bằng sợi lanh (*khomaṃ*), loại bằng bông vải (*kappāsikaṃ*), loại bằng tơ lụa (*koseyyaṃ*), loại bằng sợi len (*kambalaṃ*), loại bằng gai thô (*sāṇam*)-, loại bằng chỉ bò (*bhaṅgaṃ*).

16 .Ngày các tỷ-kheo, ta cho phép chú nguyện để dùng chung y (có kích thước) tối thiểu với chiều dài là tám ngón tay với chiều rộng là bốn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn (*Đại Phẩm – Mahāvagga* tập 2, chương VIII, [160]).

17 .Chúng tôi nghĩ rằng người chủ hiệu buôn có ý chỉ trích tỳ-kheo ni Thullanandā nên nói “mang đến ... mang đi.” Nếu chỉ trích người cận sự nam thì phải nói: “mang đi ... mang đến.”

18 .Dựa vào lời giải thích của ngài Buddhaghosa ở phần cuối này, chúng tôi hiểu được ý nghĩa của phần không phạm tội như sau: 1) Vật được dâng chưa đủ nên phải yêu cầu thêm nữa, 2) ngoài vật đã được dâng, vị ni còn cần thêm vật thứ hai nên yêu cầu, 3) giải thích sự cần thiết phải có thêm vật thứ hai rồi yêu cầu.

19 .Vị tỳ-kheo trộm cắp vật trị giá 5 māsaka = 1 pāda = ¼ kahāpaṇa là vi phạm tội cực nặng pārājika.

20 .Lời giải thích của ngài Buddhaghosa được tóm lược như sau: Tỳ-kheo và tỳ-kheo ni đều có 30 điều Ưng xả đối trị (Nissaggiyaṃ Pācittiyaṃ) giống nhau. Phần của tỳ-kheo ni gồm có 12 điều quy định riêng đã được trình bày ở trên, còn 18 được quy định chung đã được trình bày ở giới bốn của tỳ-kheo là: Phần Y bỏ ra hai điều là điều 4 (bảo giặt y) và điều 5 (thọ lãnh y từ tay tỳ-kheo ni) rồi thêm vào hai điều là điều 2 (phân chia y) và điều 3 (trao đôi y rồi xé rách) ở trên là đủ mười; Phần Tư Tắm bỏ ra bảy điều học đầu rồi thêm vào bảy điều của phần Bình Bát ở trên từ điều 4-10 cộng thêm vào 3 điều còn lại của tỳ-kheo là đủ mười; Phần Bình Bát bỏ ra 3 điều là điều 1 (cất giữ bình bát), điều 4 (y choàng tắm mưa), và điều 9 (ngủ ở rừng) rồi thêm vào điều đầu tiên ở trên (tích trữ bình bát) và hai điều sau cùng (tắm choàng loại dày và loại nhẹ) là đủ mười; như vậy tổng cộng là 30 điều học. Không rõ thứ tự đọc tụng sẽ như vậy hay thay đổi.

21 .Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: *“Khi có việc cần làm là nhằm mục đích hoàn thành công việc rút thẻ cho bữa trai phạn, v.v... hoặc mục đích sắp xếp lại sự bề bộn ở trong trú xá.”*

22 .Nếu gang tay của đức Thiện Thệ là 0,25 cm thì kích thước vải choàng tắm của tỳ-kheo ni là 1 m x 0,5 m. Vải choàng tắm mưa của các tỳ-kheo lớn hơn: 1,50 m x 0,625 m.

23 .Ngài Buddhaghosa giải thích rằng cứ mỗi y là tính một tội pācittiya.

24 .Để cho dễ hình dung, có thể nói là nằm chung chiếu chung mền.

25 .Ngài Buddhaghosa giảng rằng: *“Các vị ni nằm xuống sau khi đã đặt ở giữa tấm y ca-sa, hoặc cây gậy chống, hoặc ngay cả sợi dây lưng thì không phạm tội.”*

26 .Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết khoảng cách của nửa yojana là 8 km hoặc 5 miles.

27 .Theo ngài Buddhaghosa, đại đức Kappitaka là vị trưởng lão trong số một ngàn đạo sĩ bện tóc được đề cập ở *Đại Phẩm – Mahāvagga* tập 1, chương I, [37].

-
- 28 .Xem điều pācittiya 2 của tỳ-kheo (*Phân Tích Giới Tỳ-Kheo* tập 2, [186]).
- 29 .Tức là làm lễ Tụ Tứ (Pavāraṇā).
- 30 .Được đề cập ở *Tiểu Phẩm - Cullavagga*, chương X, [571, 572].
- 31 .Một trong năm thứ y của vị tỳ-kheo ni cần phải có khi tu lên bậc trên: y hai lớp (saṅghāṭi), thượng y, y nội, áo lót, vải choàng tắm (*Tiểu Phẩm - Cullavagga*, chương X, [575]).
- 32 .Lời giải thích của ngài Buddhaghosa được tóm lược như sau: Tổng số giới Ứng đối trị (Pācittiyam) của tỳ-kheo ni là 166 điều, và đã được trình bày ở đây là 96 điều và 70 điều còn lại là những điều đã quy định chung cho tỳ-kheo và tỳ-kheo ni và đã được trình bày trong *Phân Tích Giới Tỳ-Kheo - Bhikkhuvibhaṅga*. Trong số 92 điều ứng đối trị của tỳ-kheo, thay vì tìm 70 điều là phần quy định chung, chúng ta sẽ bớt đi 22 điều quy định riêng cho tỳ-kheo gồm có: 10 điều thuộc phần giáo giới (21-30), 4 điều thuộc phần vật thực--Trường hợp vật thực thỉnh sau (33), thọ thực thức ăn không phải là đồ thừa (35), mời thức ăn không phải là đồ thừa rồi buộc tội (36), yêu cầu các loại vật thực thượng hạng (39)--bỏ thí đến tu sĩ ngoại đạo (41), che giấu tội xấu xa (64), cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi (65), hẹn hò rồi đi chung đường xa với người nữ (67), đi vào hậu cung của đức vua (83), vào làng lúc sái thời chưa thông báo vị tỳ-kheo hiện diện (85), y tọa cụ (89), y choàng tắm mưa (92). Tổng cộng là 22 điều.
- 33 .Thịt của mười loài thú vị tỳ-kheo không được dùng được đề cập *Đại Phẩm - Mahāvagga* tập 2, chương VI, [59, 60] gồm có: thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói.